

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Hoạt động Sở hữu Trí tuệ 2014

*INTELLECTUAL
PROPERTY
ACTIVITIES
ANNUAL REPORT*



MỤC LỤC

1

LỜI NÓI ĐẦU

4

2

CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

6

1. Xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật quốc gia
2. Xây dựng chính sách và pháp luật đáp ứng hội nhập quốc tế

6

10

3

HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

12

1. Hợp tác đa phương
2. Hợp tác song phương

12

16

4

ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

18

1. Tình hình chung
2. Tình hình đăng ký chỉ dẫn địa lý

18

20

5

NGHIÊN CỨU, ĐÀO TẠO VÀ TUYÊN TRUYỀN VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

24

1. Công tác đào tạo và nâng cao nghiệp vụ về sở hữu trí tuệ
2. Công tác nghiên cứu
3. Công tác phổ biến, tuyên truyền

24

26

28

6

BẢO ĐẢM THÔNG TIN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

34

1. Duy trì và cập nhật trang tin điện tử (www.noip.gov.vn)
2. Cung cấp thông tin sở hữu công nghiệp
3. Phát triển cơ sở dữ liệu và hoàn thiện công cụ tra cứu sở hữu công nghiệp
4. Ứng dụng công nghệ thông tin

34

34

36

36

38

7

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ

40

1. Công tác hỗ trợ và tư vấn
2. Công tác tổ chức triển khai Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ (Chương trình 68)

40

40

40

8

THỰC THI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

48

1. Giải quyết đơn khiếu nại, hủy bỏ hiệu lực và chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ
2. Công tác phối hợp trong thực thi quyền sở hữu công nghiệp

48

48

9

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP Ở ĐỊA PHƯƠNG

50

1. Tổ chức bộ máy và nhân lực quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp
2. Công tác xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn hoạt động quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp
3. Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách và pháp luật về sở hữu công nghiệp
4. Công tác hướng dẫn xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp
5. Công tác thực thi, xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp
6. Hoạt động hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ theo các Chương trình địa phương
7. Việc triển khai các biện pháp hỗ trợ và thúc đẩy hoạt động sáng kiến, sáng tạo
8. Đánh giá chung

50

50

50

50

52

52

54

54

55

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

58

TABLE OF CONTENTS

FOREWORD	5
INTELLECTUAL PROPERTY LEGISLATION AND POLICIES	7
1. Formulation and improvement of national legislation and policies	7
2. Development of legislation and policies towards international integration	11
INTERNATIONAL COOPERATION ON INTELLECTUAL PROPERTY	13
1. Multilateral cooperation	13
2. Bilateral cooperation	17
REGISTRATION OF INDUSTRIAL PROPERTY RIGHTS	19
1. General background	19
2. Registration of geographical indications	21
INTELLECTUAL PROPERTY RESEARCH, TRAINING AND PUBLIC AWARENESS	25
1. Intellectual property education and professional training	25
2. Research activities	27
3. Dissemination and outreach activities	27
INDUSTRIAL PROPERTY INFORMATION ACTIVITIES	35
1. Maintenance and updating of the website (www.noip.gov.vn)	35
2. Provision of industrial property information	37
3. Development of IP databases and improvement of search tools	37
4. Utilization of information technology	39
SUPPORT FOR INTELLECTUAL PROPERTY ASSETS DEVELOPMENT	41
1. Support and consultation activities	41
2. Implementation of the National Program for Supporting Development of Intellectual Property assets (Program 68)	41
INDUSTRIAL PROPERTY RIGHTS ENFORCEMENT AND APPEAL SETTLEMENT	49
1. Settlement of appeal, cancellation and invalidation requests	49
2. Coordination of industrial property rights enforcement activities	49
ADMINISTRATION OF INDUSTRIAL PROPERTY ACTIVITIES AT LOCAL LEVELS	51
1. Organizational structure and human resources for the State management of industrial property at local levels	51
2. Formulation and issuance of legal documents guiding the State management of industrial property	51
3. Dissemination and outreach activities on IP knowledge, policies and legislation	51
4. Guidance on establishment and protection of industrial property rights	53
5. Enforcement of industrial property rights	53
6. Programs on supporting for IP assets development at provincial levels	55
7. Implementation of measures for supporting and promoting innovative and creative activities	55
8. Conclusion	55
ADMINISTRATION OF INDUSTRIAL PROPERTY AGENTS	59

LỜI NÓI ĐẦU

Trong năm 2014, Cục Sở hữu trí tuệ đã tích cực triển khai các hoạt động và thu được các kết quả khả quan, đặc biệt là về công tác xác lập quyền sở hữu công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế liên quan đến sở hữu trí tuệ. Năm 2014, sáu hiệp định thương mại tự do đã được đàm phán, hứa hẹn đóng góp đáng kể vào các hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Bên cạnh đó, tình hình xác lập quyền sở hữu công nghiệp có sự phát triển đáng kể với 46.347 đơn đăng ký các đối tượng sở hữu công nghiệp mới (tăng 7,8%), đóng góp tích cực vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh chung của đất nước. Chỉ tính riêng nhãn hiệu, đến hết năm 2014 đã có 366.798 đơn được nộp, trong đó có 260.698 đơn của Việt Nam, chiếm 71%; 238.183 giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu quốc gia, trong đó có 158.736 của người nộp đơn Việt Nam, chiếm 67%.

Những số liệu thống kê trên là minh chứng rõ ràng về sự quan tâm của xã hội, nhất là cộng đồng doanh nghiệp về quyền sở hữu trí tuệ dưới góc độ của một công cụ phát triển kinh tế hiệu quả ở Việt Nam. Đến nay, sau hàng chục năm nỗ lực hội nhập kinh tế quốc tế kể từ khi thực hiện chính sách đổi mới, nhất là sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới, có thể nói quyền sở hữu trí tuệ đã được các doanh nghiệp quan tâm và bước đầu chủ động sử dụng, khai thác hiệu quả trong sản xuất và kinh doanh, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội.

Hiện nay, kinh tế Việt Nam chưa hết khó khăn do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế trên thế giới trong mấy năm qua, song tốc độ gia tăng của đơn đăng ký sở hữu công nghiệp năm 2014 cho thấy rõ triển vọng phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam nói chung và các hoạt động sở hữu trí tuệ nói riêng. Sức sống của các hoạt động sở hữu trí tuệ tại Việt Nam tiếp tục nhận được động lực mới dựa trên các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã và đang đàm phán, ký kết. Chính vì vậy, tuy kết quả hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ đạt được trong năm 2014 không nhỏ song trong giai đoạn hội nhập sâu vào nền kinh tế toàn cầu hiện nay thì các kết quả này chưa tương xứng với vai trò và sự kỳ vọng của xã hội.

Để triển khai Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 31/10/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về phát triển khoa học và công nghệ, Luật Khoa học và công nghệ năm 2013, Chiến lược Phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020, cũng như định hướng xây dựng nhiệm vụ về sở hữu trí tuệ giai đoạn 2011 - 2015 và triển khai xây dựng nhiệm vụ sở hữu trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020, Cục Sở hữu trí tuệ cần phải nỗ lực hơn nữa trong năm 2015 - năm bản lề cho giai đoạn phát triển tiếp theo 2016 - 2020 với ba định hướng chính: đảm bảo công tác xác lập quyền sở hữu công nghiệp; hỗ trợ hiệu quả hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ; và thúc đẩy hoạt động khai thác tài sản trí tuệ phát triển lên một tầm cao mới.

TRẦN VIỆT THANH
Thư trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
kiêm Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ



FOREWORD

The performance of the National Office of Intellectual Property of Viet Nam (NOIP) in 2014 was properly implemented and presented impressive achievements, particularly, in the establishment of industrial property rights and international economic integration regarding intellectual property. Accordingly, NOIP actively joined the negotiation of six free trade agreements (FTAs), making substantial contributions to the international economic integration of Viet Nam. Furthermore, the establishment of industrial property rights grew considerably with 46,347 applications for registration of new industrial property subject matters (up to 7.8%), greatly facilitating production and business activities in Viet Nam. This number included 366,798 applications filed for trademark protection, of which 260,698 belong to Vietnamese applicants, accounting for 71%. As a result, 238,183 trademark registrations were granted, of which 158,736 (67%) were granted to Vietnamese.

These facts are clear evidence of the public interest in general and the business community in particular of intellectual property rights that are considered as an effective tool for economic development in Viet Nam. Having made considerable inroads toward international economic integration over decades since the Doi Moi (Renovation) period, especially since accession to the World Trade Organization, the Vietnamese business community has been paying greater attention to intellectual property rights that are being actively used and efficiently exploited in production and business for the sustainable socio-economic development of the country.

Viet Nam is still facing challenges resulting from the global economic crisis in recent years. However, the significant increase in the number of industrial property filings in 2014 is proof of the prospective development in social - economic activities for the whole country in general and for intellectual property in particular. The evolution of intellectual property activities in Viet Nam will be bolstered by new momentum from free trade agreements that have been concluded or are under negotiation. Although important achievements were made by NOIP in 2014, there remains significant work to be accomplished in order to fulfill the role of NOIP and to meet the demands and expectations of society in the process of global economic integration.

In compliance with the Social - Economic Development Strategy, the Resolution No. 20-NQ/TW dated 31 October 2012 of Centre Committee of the Party on the Development of Science and Technology, the Law on Science and Technology 2013, the Strategy on Scientific and Technological Development for the period of 2011 - 2020, the Implementation Plan for Intellectual Property in 2011 - 2015, and in preparation for the development of the Strategic Plan on Intellectual Property for 2016 - 2020, NOIP must show greater effort for the year of 2015 - the important transitional year for the next stage of development for 2016 - 2020. In which, NOIP will focus on three key strategic orientations, namely: ensuring the efficient establishment of industrial property rights; providing effective support for the enforcement of intellectual property rights; and, promoting the sustainable exploitation of intellectual property rights for development.

TRAN VIET THANH
Vice Minister for Science and Technology
and Director General of the National Office of Intellectual Property





Bộ trưởng Nguyễn Quân phát biểu tại Hội nghị Tổng kết công tác năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ năm 2015

Minister of Science and Technology, H.E. Nguyen Quan, delivered a speech at the NOIP's Review Conference of 2014 and Orientation Tasks for 2015

CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

1

Xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật quốc gia

Đến nay, hệ thống pháp luật về sở hữu trí tuệ (SHTT) của Việt Nam về cơ bản đã tương đối hoàn thiện, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, cụ thể là Hiệp định TRIPS của WTO và các điều ước quốc tế khác mà Việt Nam đã ký kết, tham gia.

Trong năm 2014, không có văn bản quy phạm pháp luật mới về sở hữu trí tuệ được ban hành, tuy nhiên công tác hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ nhằm khắc phục những vướng mắc lớn, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và bảo đảm thi hành các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ vẫn tiếp tục được thực hiện. Cụ thể, với Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010 và Thông tư





Thứ trưởng kiêm Cục trưởng Trần Việt Thanh phát biểu tổng kết tại Hội nghị Tổng kết công tác năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ năm 2015

Vice Minister and Director General of NOIP, Mr. Tran Viet Thanh, making a remark at NOIP's Review Conference of 2014 and Orientation Tasks for 2015

INTELLECTUAL PROPERTY LEGISLATION AND POLICIES

1

Formulation and improvement of national legislation and policies

To date, the legal framework for managing intellectual property (IP) in Viet Nam has been comprehensive and entirely consistent with international standards, in particular those set out in the WTO/TRIPS Agreement and other international IP treaties to which Viet Nam is a contracting party.

Although there was no new legal document on intellectual property issued in 2014, the improvement of the IP legal framework was continuously carried out in order to overcome certain shortcomings, to meet practical needs and to ensure the successful implementation of international IP treaties. Specifically, by drafting a Circular amending and supplementing a number of articles of Circular No. 01/2007/TT-BKHCN (dated 14 February 2007 guiding the implementation of Decree No. 103/2006/ND-CP of 22 September 2006 of the Government detailing and guiding the implementation of



số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011 thì những vướng mắc của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong quá trình áp dụng pháp luật sở hữu công nghiệp (SHCN) trước đây chỉ mới được khắc phục trong các văn bản Thông báo của Cục, nay sẽ được chuẩn hóa thành những quy định cụ thể của Thông tư. Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 22/2009/TT-BTC về Phí và lệ phí sở hữu công nghiệp cũng đã bổ sung mức phí riêng trong đăng ký nhãn hiệu quốc tế theo hệ thống Madrid (trước đây nằm tại văn bản riêng) để hợp nhất các loại phí liên quan đến SHCN vào một văn bản. Dự thảo Thông tư Hướng dẫn thi hành các quy định về sáng chế mật trong Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP cũng đang được xây dựng với mục đích giải quyết các vấn đề phát sinh về SHTT liên quan đến bí mật nhà nước trong thực tiễn thi hành pháp luật quốc gia và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Bên cạnh đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng, thực hiện các văn bản pháp luật trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, Cục SHTT đã tiến hành hợp nhất 4 văn bản quy phạm pháp luật về sở hữu công nghiệp (2 Nghị định và 2 Thông tư), rà soát và hệ thống hóa các văn bản pháp luật về hoặc có liên quan đến SHTT được ban hành trong giai đoạn 2000 - 2013.

Việc đóng góp ý kiến xây dựng dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến lĩnh vực sở hữu trí tuệ cũng là một nhiệm vụ thường xuyên và được chú trọng trong công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật của Cục SHTT năm 2014. Dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật được Cục SHTT góp ý bao gồm: 3 dự thảo Luật (Bộ luật Dân sự sửa đổi, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Bộ luật Hình sự sửa đổi (Phần chung); 3 Dự thảo Nghị định (Nghị định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Hội đồng

cạnh tranh; Nghị định Quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc; Nghị định Hướng dẫn thi hành Luật Thi đua khen thưởng sửa đổi); 15 dự thảo Thông tư (trong đó có Thông tư quy định trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư quy định việc thành lập hoạt động của các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ; Thông tư ban hành Mẫu Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Thông tư hướng dẫn thành lập, đăng ký và báo cáo hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ; Thông tư về ghi nhãn hàng hóa đối với hàng hóa bị tịch thu bán đấu giá; Thông tư hướng dẫn thẩm định cơ sở khoa học và công nghệ của dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội; Thông tư quy định việc đánh giá, xác nhận và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước...).

Với vai trò là cơ quan đầu mối quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, Cục SHTT thường xuyên thực hiện việc giải đáp và hướng dẫn thực hiện pháp luật về sở hữu trí tuệ. Công tác này tiếp tục được thực hiện tốt trong năm 2014 đã góp phần tháo gỡ nhiều vướng mắc trong việc thực hiện các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ của các cơ quan, tổ chức, đặc biệt là của các doanh nghiệp và các Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN). Một số vấn đề đáng chú ý như: Sử dụng nhãn hiệu có hình bản đồ Việt Nam không có quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa; tính phí bản quyền, phí li-xăng khi xác định trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu; áp dụng quy định pháp luật về kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; quy trình xử lý đơn đối với đơn đăng ký nhãn hiệu chuyển đổi từ đăng ký quốc tế...



articles on industrial property of the Intellectual Property Law), as amended and supplemented by Circular No. 13/2010/TT-BKHCN of 30 July 2010 and Circular No. 18/2011/TT-BKHCN of 22 July 2011, the challenges faced by individuals, organizations and businesses in application of industrial property laws that were only addressed in written notices of the National Office of Intellectual Property (NOIP) previously, will be legalized by specific provisions in the draft Circular. A Draft Circular amending and supplementing Circular No. 22/2009/TT-BTC on industrial property fees and charges also added the individual fees for international trademark registration under the Madrid system (which previously had been regulated by a separate document) in order to consolidate all types of industrial property fees and charges into a single legal document. Furthermore, a Draft Circular on the implementation of the provisions on secret inventions in Decree No. 103/2006/ND-CP, as amended and supplemented by Decree No. 122/2010/ND-CP, was prepared to address IP issues relating to State secrets in the practical implementation of national legislation and international treaties to which Viet Nam is a party.

Moreover, with the aim of creating favorable conditions for the application and implementation of legal provisions on industrial property, NOIP consolidated four legal documents on industrial property, including 2 Decrees and 2 Circulars, while also reviewing and codifying all legal documents on or relating to intellectual property rights issued (IPRs) in the period 2000 - 2013.

Comments on draft legal documents with provisions on intellectual property rights were also a regular task, to which the NOIP attached great importance, in the formulation and improvement of the Office's legislation and policies in 2014. Accordingly, comments were made to the following: 3 draft laws (the Civil Code, Law on the Promulgation of Legal Documents; the Criminal Code); 3 Draft Decrees (the Decree on the functions, duties, authorities and organization of the Competition Council, the Decree on specific mechanisms and policies

for the Viet Nam - Korea Institute of Science and Technology and the Decree guiding the implementation of the revised Law on Emulation and Commendation); 15 draft Circulars (including, the Circular regulating the order and procedures for transfer of ownership and rights to use of the results of scientific research and technological development using the State's budget; the Circular regulating the establishment and operation of intermediary organizations in the science and technology market; the Circular on sample contracts for scientific research and technological development; the Circular guiding the establishment, registration and reporting on operation of scientific and technological organizations and their representative offices and branches; the Circular on the labeling of confiscated goods for auctions; the Circular guiding the evaluation of scientific and technological grounds for investment projects and programs for the socio - economic development and the Circular which provides for the assessment, validation and evaluation of the results of scientific and technological projects without the State's budget).

As the leading agency for the State's administration of intellectual property rights, the National Office of Intellectual Property of Viet Nam (NOIP) regularly provides answers and guidance on the implementation of intellectual property laws and regulations. In 2014, these activities continued to be performed well, helping address many issues faced by various agencies and institutions. In particular, NOIP supported scientific and technological businesses and the provincial Departments of Science and Technology in the implementation of industrial property laws and regulations. Some highlighted issues can be identified as follows: Using trademarks containing Vietnam's map without the Paracel and Spratly islands, calculating IP licensing fees and royalties in the determination of the dutiable value of imported goods, applying legal provisions on industrial property representative services, and providing procedures for processing trademark applications converted from international trademark applications.



Xây dựng chính sách và pháp luật đáp ứng hội nhập quốc tế

Trong năm 2014, công tác pháp chế và chính sách quốc tế có khối lượng công việc lớn và phức tạp chưa từng có với việc đàm phán sáu hiệp định thương mại tự do (FTA) cùng lúc. Mặc dù vậy, việc tham gia đàm phán các điều ước quốc tế đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, nổi bật là vẫn duy trì được quan điểm của ta về hệ thống SHTT phù hợp với trình độ phát triển của Việt Nam, cân bằng giữa quyền lợi của chủ sở hữu quyền SHTT và lợi ích chung của toàn xã hội.

Hiện nay, Cục SHTT là đầu mối đàm phán về SHTT đối với 6 FTA bao gồm: Hiệp định Đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (Hiệp định TPP), Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và EU (Hiệp định EVFTA), Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Hải quan Nga - Belarus - Kazakhstan (Hiệp định VCUFTA), Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Khối thương mại tự do châu Âu - Na Uy - Thụy Sĩ - Aixolen và Lichtenxanh (Hiệp định VN - EFTA), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực giữa ASEAN và 6 đối tác (Trung - Ấn - Nhật - Hàn - Ôxtrâyli - Niu Dillân) (Hiệp định RCEP) và Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Hàn Quốc (Hiệp định VKFTA).

Về Hiệp định TPP, Cục SHTT đã xây dựng các phương án đàm phán và tham gia 4 phiên cấp kỹ thuật, 4 phiên cấp trưởng đoàn và tham dự 1 Hội nghị Bộ trưởng. Đàm phán giai đoạn cuối hiện đang diễn ra ở cường độ cao với mục tiêu kết thúc vào khoảng tháng 6 năm 2015.

Về Hiệp định EVFTA, Cục SHTT đã xây dựng phương án và tham gia đàm phán 4 phiên, góp ý xây dựng Tờ trình Thủ tướng Chính phủ về phương án đàm phán về chỉ dẫn địa lý. Hiện đàm phán đã vào giai đoạn nước rút với mục tiêu nhằm kết thúc vào nửa đầu năm 2015.

Về Hiệp định VCUFTA, Cục SHTT đã xây dựng phương án và tham gia đàm phán 3 phiên, lấy và tổng hợp ý kiến của các Bộ, ngành về phương án kết thúc đàm phán Chương SHTT. Hiện tại hai Bên đã ký kết Tuyên bố chung kết thúc đàm phán vào ngày 15/12/2014.

Về Hiệp định VN - EFTA, Cục SHTT đã xây dựng

phương án và tham gia đàm phán 2 phiên. Tiến độ đàm phán Hiệp định này tương đối chậm do khối EFTA chờ kết quả đàm phán của các FTA giữa Việt Nam với các đối tác lớn, nhất là TPP và EVFTA.

Về Hiệp định RCEP, Cục SHTT đã góp ý Dự thảo Đề án tổng thể đàm phán Hiệp định RCEP, xây dựng phương án và tham gia đàm phán 4 phiên, tham gia 2 phiên họp nội bộ ASEAN, góp ý tài liệu không chính thức của ASEAN về Chương SHTT.

Về Hiệp định VKFTA, hai Bên đã ký Biên bản ghi nhớ về kết thúc đàm phán vào ngày 10/12/2014.

Bên cạnh các hoạt động trực tiếp tham gia đàm phán về SHTT trong các FTA, Cục SHTT đã góp ý xây dựng phương án đàm phán các nội dung khác như: Danh mục các biện pháp không tương thích trong TPP; Chương Hợp tác và Nâng cao năng lực trong VN-EFTA; Chương Dịch vụ, Đầu tư và Thương mại điện tử của EVFTA; Chương Dịch vụ, Đầu tư và Di chuyển thể nhân trong VCUFTA...

Để bảo đảm thi hành các điều ước quốc tế về SHTT, Cục SHTT đã cung cấp thông tin về hoạt động bảo hộ và thực thi quyền SHTT trong năm 2013 (Báo cáo 301) trong khuôn khổ thi hành Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ (BTA); bổ sung thông tin cho Báo cáo giải trình nền kinh tế thị trường của Việt Nam theo yêu cầu của EU; và chuẩn bị thông tin cho cuộc họp đánh giá giữa kỳ Sáng kiến chung Việt Nam - Nhật Bản.

Ngoài ra, Cục SHTT còn thực hiện một số công việc liên quan đến lĩnh vực SHTT như: Góp ý Hiệp định giữa Việt Nam và Liên bang Nga về Hợp tác đầu tư vào Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn và triển khai Dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất; cung cấp thông tin về tình hình triển khai và kết quả việc công nhận chỉ dẫn địa lý của Chilê; đề xuất ý kiến đối với việc EC khởi xướng điều tra chống trợ cấp đối với sản phẩm sợi nhập khẩu vào Liên minh châu Âu; góp ý Dự thảo Chương trình hành động ASEAN về SHTT giai đoạn 2016 - 2025...

In 2014, the NOIP was faced with an unprecedented workload managing international legislation and policies as a result of simultaneously joining the negotiations of six free trade agreements (FTAs). Despite this, negotiations on the various FTAs achieved notable results, notably maintaining the positions on the intellectual property system best suited for the developmental level of Viet Nam, as well as balancing the interests of the IP right-owners and the interests of the entire society.

Currently, NOIP is taking a leading role in the negotiation of intellectual property rights in six FTAs, including: the Trans-Pacific Partnership (TPP), Viet Nam - EU Free Trade Agreement (EVFTA), Viet Nam - Customs Union of Russia, Belarus, and Kazakhstan FTA (VCUFTA), the FTA between Viet Nam - European Free Trade Association Free Trade Agreement (VN-EFTA), the Regional Comprehensive Economic Partnership (RCEP - between ASEAN and 6 trading partners in the region, namely, China, India, Japan, the Republic of Korea, Australia and New Zealand), and the Viet Nam - Republic of Korea Free Trade Agreement (VKFTA).

In TPP negotiations, NOIP developed the negotiating positions and participated in four technical negotiation sessions, four Chief Negotiators sessions, and took part in one Ministerial Meeting. Currently, the negotiations are hitting the peak period with an aim at concluding in June 2015.

In EVFTA negotiations, NOIP developed the negotiating positions and participated in four negotiation sessions, and made comments in the Report to the Prime Minister on negotiating positions on geographical indications. The EVFTA is slated to conclude in the first half of 2015.

With VCUFTA, NOIP developed the negotiating positions and participated in three negotiation rounds, and also invited and collected comments from different Ministries on the final positions for concluding the negotiation of a Chapter on Intellectual Property Rights. The Parties already signed the Joint Declaration on conclusion of the FTA negotiation on 15 December 2014.

With VEFTA, NOIP developed the negotiating positions and participated in two negotiation rounds. The negotiation progress of this FTA has

slowed down as a result of the EFTA awaiting the negotiation results of other FTAs between Viet Nam and major trading partners, in particular the TPP and the EVFTA.

With RCEP, NOIP made comments on the Draft Master Plan for RCEP negotiations, developed the negotiating positions and participated in four negotiation rounds, as well as joined two ASEAN caucus meetings. NOIP also made input to ASEAN's non-paper on the IP chapter under the Agreement.

With VKFTA, both Parties already signed a Memorandum on conclusion of the FTA negotiation on 12 October 2014.

In addition to its direct participation in IP negotiations on the aforementioned FTAs, NOIP also provided negotiating input on other issues, including the List of incompatible measures in the TPP, the Chapter on Cooperation and Capacity Building and the Chapter on Services, Investment and E-Commerce in the EVFTA, and the Chapter on Services, Investment and Movement of Natural Persons in the VCUFTA.

With a clear goal of ensuring the implementation of international agreements on IP rights, NOIP also provided information on intellectual property protection and enforcement activities in 2013 (Report 301) within the framework of the Viet Nam - the U.S. Bilateral Trade Agreement (BTA), added further information on the Report on the market economy of Viet Nam at the request of the EU, and gathered information for the Midterm Review meeting of the Viet Nam - Japan Joint Initiative to Improve the Business Environment.

Furthermore, NOIP also fulfilled other works related to intellectual property rights, including giving comments on the Agreement between Viet Nam and the Russian Federation on Investment Cooperation in the Binh Son Refining and Petrochemical Company and Implementation of the Project on upgrading and extension of the Dung Quat Oil Refinery. NOIP also provided information on the mutual recognition of geographical indications of Chile, gave input to the EC's initial anti-subsidy investigation against fiber products imported into the European Union, and made comments ASEAN's Draft Strategic Plan on intellectual property rights for the period of 2016 - 2025.



Cuộc họp lần thứ 39 Nhóm Chuyên gia APEC về SHTT (Bắc Kinh, Trung Quốc, tháng 8 năm 2014)

The 39th APEC Intellectual Property Expert Group meeting (Beijing, China, August 2014)

HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Các hoạt động hợp tác quốc tế về sở hữu trí tuệ trong năm 2014 tiếp tục được triển khai thêm các hướng mới, có chiều sâu và ngày một thiết thực hơn. Bên cạnh những hoạt động hợp tác kỹ thuật, Cục SHTT còn đẩy mạnh việc tham gia hội nhập sâu rộng trong các định chế sở hữu trí tuệ quốc tế. Các kết quả đạt được góp phần thiết thực trong hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, nâng cao năng lực của Cục SHTT và của toàn hệ thống sở hữu trí tuệ Việt Nam, cụ thể là:

1

Hợp tác đa phương

Trong khuôn khổ Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Cục SHTT tiếp tục theo dõi, nghiên cứu và xây dựng lập trường của Việt Nam phục vụ việc tham gia các Phiên họp của Hội đồng TRIPS cũng như cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam cho WTO.





Các đại biểu tại Cuộc họp AWGIPC 44 tổ chức tại Việt Nam
 AWGIPC's delegates at the 44th meeting hosted by Viet Nam

INTERNATIONAL COOPERATION ON INTELLECTUAL PROPERTY

International cooperation activities on intellectual property rights in 2014 continued to be more intensively and practically implemented with new directions. Further to technical cooperation activities, NOIP also promoted active and positive participation in international intellectual property institutions. As a result, the international cooperation activities made a meaningful contribution to the international economic integration of Viet Nam, as well as to enhancing the capacity of NOIP and the whole system of intellectual property of Viet Nam.

1 Multilateral cooperation

In the World Trade Organization (WTO), NOIP continued to follow up and study debated issues, develop the positions of Viet Nam on those for the TRIPS Council's meetings, and provide updated Vietnamese legal documents to the WTO.



Trong khuôn khổ Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Cục SHTT đã tham gia các Cuộc họp lần thứ 38 và 39 của Nhóm chuyên gia APEC về sở hữu trí tuệ (IPEG), phối hợp với các nền kinh tế thành viên APEC triển khai các hoạt động thuộc Kế hoạch hành động tập thể của APEC. Bên cạnh đó, Cục đã tham gia đóng góp ý kiến cho các văn kiện của APEC, trong đó có dự thảo các văn kiện của Hội nghị Thượng đỉnh APEC cũng như Hội nghị Bộ trưởng APEC, đề xuất các nội dung hoạt động cho Năm APEC Việt Nam 2017 mà nước ta đang cai.

Trong khuôn khổ Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Cục đã tham gia các Cuộc họp lần thứ 43, 44 và 45 Nhóm công tác về hợp tác sở hữu trí tuệ giữa các nước ASEAN (AWGIPC), trong đó có việc tổ chức thành công Cuộc họp AWGIPC 44, tháng 7/2014, tại Thành phố Hồ Chí Minh; tiếp tục phối hợp với các nước ASEAN triển khai các nội dung hợp tác về SHTT trong khuôn khổ ASEAN, đặc biệt là các hoạt động thuộc nội dung

của Kế hoạch hành động ASEAN về SHTT giai đoạn 2011-2015 hướng tới một Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) vào cuối năm 2015; bước đầu xây dựng Kế hoạch hành động của ASEAN về SHTT giai đoạn 2016-2020; triển khai các nội dung liên quan đến các Nhóm chuyên trách của ASEAN về Chương trình ASPEC và Nhãn hiệu; tham gia tích cực triển khai các hoạt động hợp tác giữa ASEAN với các đối tác, cụ thể: tham dự Cuộc họp lần thứ 5 Lãnh đạo Cơ quan SHTT các nước ASEAN và Cơ quan Sáng chế Trung Quốc (SIPO), Cuộc họp lần thứ 4 Lãnh đạo Cơ quan SHTT các nước ASEAN và Cơ quan Sáng chế Nhật Bản (JPO), Cuộc họp lần thứ 6 Tiểu ban SHTT trong khuôn khổ FTA Ôxtrâyli - Niu Dilân - ASEAN (AANZFTA); ký kết Bản ghi nhớ về hợp tác sở hữu công nghiệp giữa Cơ quan SHTT các nước ASEAN và Cơ quan Sáng chế châu Âu (EPO); triển khai các hoạt động thuộc Dự án ECAP III (giai đoạn 2);... Bên cạnh đó Cục đã tham gia đóng góp ý kiến cho các văn kiện của Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN cũng như các Hội nghị cấp cao của ASEAN...



Ông Hitoshi Ito, Tổng Giám đốc JPO chào xã giao Thứ trưởng Trần Văn Tùng

Mr. Hitoshi Ito, Commissioner of JPO making a courtesy call to Mr. Tran Van Tung, Vice-Minister of Science and Technology

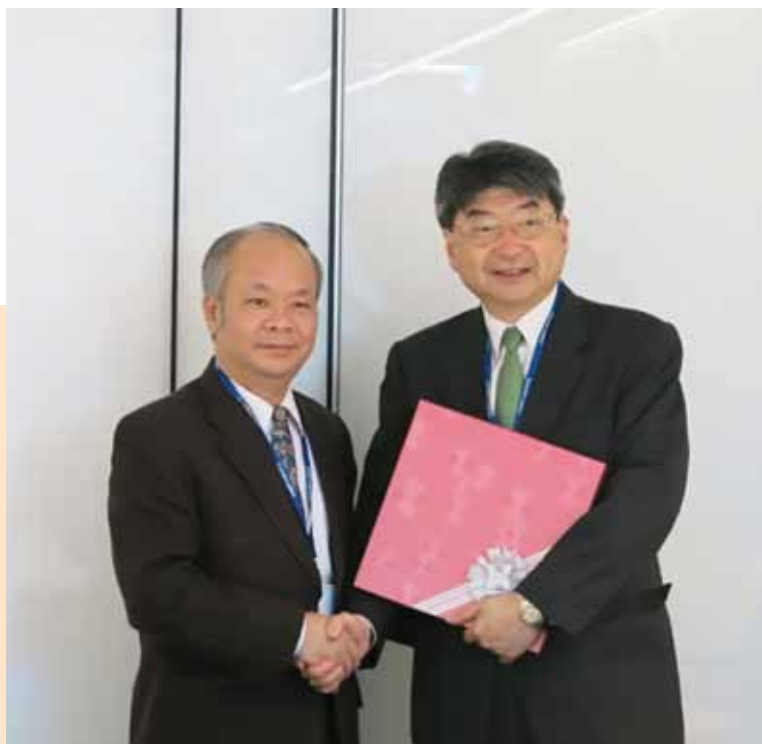
Within the framework of the Asia - Pacific Economic Cooperation Forum (APEC), NOIP participated in the 38th and 39th meetings of the APEC's Intellectual Property Expert Group (IPEG), collaborated with other APEC economies implementing cooperation activities under the Collective Action Plan of APEC. NOIP also provided comments and input for APEC's documents, including Draft documents of the APEC Summit and Ministerial Meetings, and proposed activities for the APEC year in 2017 hosted by Viet Nam.

Within the ASEAN cooperation framework, NOIP participated in the 43rd, 44th and 45th meetings of the ASEAN Working Group on Intellectual Property Cooperation (AWGIPC). The 44th AWGIPC meeting was successfully hosted by Viet Nam in July 2014, in Ho Chi Minh City. In the context of this regional framework, NOIP also worked closely with other ASEAN countries to carry out a series of mutually beneficial activities, including pursuits under the ASEAN's

Action Plan on IP Rights in 2011 - 2015 towards the establishment of the ASEAN Economic Community (AEC) by 2015. NOIP also made initial proposals for the ASEAN's Action Plan on IP Rights in 2016 - 2020, and pursued activities under the ASEAN's Working Groups on ASPEC and trademarks. Furthermore, NOIP actively carried out various projects between ASEAN and its partners, namely, participation in the 5th meeting of ASEAN - China Heads of IP Offices, the 4th meeting of ASEAN - Japan Heads of IP Offices, and the 6th meeting of ASEAN - Australia - New Zealand FTA (AANZFTA) Intellectual Property Subcommittee. Together with other ASEAN IP Offices, NOIP signed the Memorandum of Understanding on industrial property cooperation with the European Patent Office (EPO) and implemented the EU - ASEAN Project on the Protection of Intellectual Property Rights (ECAP III - phase 2). A number of documents for the ASEAN Summit and Senior Official meetings were also provided comments by NOIP.

**Phó Cục trưởng Cục SHTT
Phạm Phi Anh và Tổng Giám đốc
JPO Hitoshi Ito trong cuộc gặp
bên lề Phiên họp Đại hội đồng
Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới
(WIPO) lần thứ 54 ngày 22/9/2014**

Mr. Phạm Phi Anh, NOIP's Deputy Director General and Mr. Hitoshi Ito, Commissioner of the Japan Patent Office (JPO) in a meeting on the sidelines of the 54th WIPO's General Assembly, September 22, 2014



2

Hợp tác song phương

Trong khuôn khổ hợp tác với Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), Cục đã phối hợp triển khai thành công nhiều hoạt động hợp tác, cụ thể là: Làm việc với đoàn chuyên gia WIPO về hợp tác công nghệ thông tin, thông tin sáng chế, xây dựng Dự án về số hóa tư liệu sáng chế và dịch tóm tắt các sáng chế Việt Nam sang tiếng Anh; gia nhập WIPO CASE; tham gia các khóa đào tạo trực tuyến do WIPO tổ chức của 14 cán bộ Cục; tổ chức Cuộc thi Sáng chế năm 2014; tổ chức 3 hội thảo và 1 khóa đào tạo; tham dự một số cuộc họp quan trọng của WIPO như: Đại hội đồng WIPO năm 2014, Ủy ban sáng chế (SCP), Ủy ban nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp và chỉ dẫn địa lý (SCT), Ủy ban liên chính phủ về sở hữu trí tuệ và nguồn gen, tri thức truyền thống và văn hóa dân gian (IGC), Ủy ban Sở hữu trí tuệ và phát triển (CDIP).

Cục SHTT tiếp tục duy trì và phát triển mối quan hệ tốt đẹp và hiệu quả với các đối tác truyền thống như Cơ quan Sáng chế châu Âu (EPO), Cơ quan Sáng chế Nhật Bản (JPO), Cơ quan Sáng chế và Nhãn hiệu Hoa Kỳ (USPTO), Cơ quan Sở hữu trí tuệ Hàn Quốc (KIPO), Cơ quan Sở hữu trí tuệ Ôxtrâyliá (IP Australia), Viện Sở hữu công nghiệp Pháp (INPI)... tập trung vào nâng cao năng lực của cán bộ, chia sẻ lập trường, quan điểm đối với các vấn đề phát triển và hợp tác về sở hữu trí tuệ... Bên cạnh hợp tác trong khuôn khổ AWGIPC, Cục SHTT đã ký Thỏa thuận Hợp tác song phương với Cơ quan Sở hữu trí tuệ Singapore (IPOS) nhằm tăng cường các hoạt động hợp tác giữa hai Cơ quan góp phần phát triển hiệu quả hệ thống SHTT nói riêng và kinh tế - xã hội của hai nước nói chung.

Các hoạt động hợp tác song phương nổi bật trong năm 2014 có thể kể đến là: Tham dự cuộc

hợp cấp cao với JPO, KIPO; tiếp tục triển khai Dự án Tăng cường năng lực thực thi quyền SHTT tại Việt Nam do JICA tài trợ; cử các đoàn cán bộ sang đào tạo tại Nhật Bản và Ôxtrâyliá; xây dựng đề xuất và triển khai Dự án Phát triển thử nghiệm sản phẩm cho giải pháp kỹ thuật "Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt" do Hiệp hội Thúc đẩy sáng kiến Hàn Quốc (KIPA) tài trợ; triển khai một số hoạt động thuộc Dự án MUTRAP (xây dựng Tài liệu hướng dẫn đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại châu Âu; tổ chức 2 hội thảo về đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại châu Âu (tháng 4/2014 tại Lạng Sơn và Đắk Lắk); tổ chức tư vấn về xây dựng đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý tại châu Âu cho các sản phẩm thanh long Bình Thuận, cà phê Buôn Ma Thuột, xoài cát Hòa Lộc và hồi Lạng Sơn; xây dựng Tài liệu hướng dẫn thực thi quyền SHTT, tổ chức 3 khóa huấn luyện về thực thi quyền SHTT tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh; chuẩn bị tổ chức khóa đào tạo dành cho các giảng viên về thực thi quyền sở hữu trí tuệ; triển khai Dự án "Tăng cường xây dựng nông thôn thông qua phát triển chỉ dẫn địa lý ở cấp khu vực châu Á" do Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) thông qua Cơ quan Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO) tài trợ; triển khai Dự án "Hỗ trợ phát triển chỉ dẫn địa lý ở Việt Nam" do Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) tài trợ...

Tóm lại, công tác hợp tác quốc tế của Cục SHTT năm 2014 đã được triển khai một cách chủ động, tích cực và thu được nhiều kết quả, góp phần vào nỗ lực hoàn thiện hệ thống sở hữu trí tuệ của Việt Nam cũng như từng bước khẳng định vai trò và vị thế của Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.



In working with the World Intellectual Property Organization (WIPO), a number of cooperation activities were successfully implemented by NOIP in 2014. Several key activities include, NOIP hosting one WIPO expert's mission on IT and patent information, developing Projects on patent document digitization and translation of Vietnamese patent abstracts into English, joining the Centralized Access to Search and Examination (WIPO CASE), participating in distance learning courses organized by WIPO, organizing the AT competition 2014, hosting three workshops and one training on technology transfer and patent drafting. Moreover NOIP attended some important meetings of WIPO, namely the WIPO General Assembly, the Standing Committee on Patents (SCP), the Standing Committee on Trademarks, Industrial Designs and Geographical Indications (SCT), the Intergovernmental Committee on IP and Genetic Resources, Traditional Knowledge and Folklore (IGC) and the Committee on Development and Intellectual Property (CDIP).

NOIP continuously maintained and developed friendly and effective cooperative ties with various traditional partners such as the European Patent Office (EPO), the Japanese Patent Office (JPO), the United States Patent and Trademark Office (USPTO), the Korean Intellectual Property Office (KIPO), the IP Australia, the French Institute of Industrial Property (INPI) through enhancing the capacity of NOIP's staff, and exchanging views on IP development and cooperation issues. Significantly, in 2014, NOIP signed the Memorandum of Understanding with the Singaporean Intellectual Property Office (IPOS) to strengthen the cooperation activities between the two offices, contributing to the development efficient IP systems in particular and to the social and economic development of both countries in general.

In 2014, NOIP also successfully implemented a number of bilateral cooperation activities on intellectual property that include: attending High-level meetings with JPO and KIPO; implementing the Project on "Enhancing the capacity for intellectual property enforcement in Viet Nam" funded by JICA; sending out staff for training in Japan and Australia; preparing the proposal and implementing the Project on Development of pilot product for the technical solution of "the Decentralized Domestic Wastewater Treatment Station" supported by the Korean Association Invention Promotion Association (KIPA); implementing a number of activities under the MUTRAP Project (namely, development and publishing of the Guidebook on Registration of Geographical Indications in Europe, organization of 2 Workshops on Protection of Geographical Indications in the EU (April 2014, in Lang Son and Dak Lak provinces), consultation on GI applications of Binh Thuan dragon fruit, Buon Ma Thuot coffee, Hoa Loc mangoes and Lang Son star anise for registration in the EU, development of the Handbook on IPR enforcement, and organization of 3 training courses on IPR enforcement in Ha Noi, Da Nang and Ho Chi Minh City; implementing the Project "Promotion of rural development through Development of Geographical Indications at regional level in Asia" funded the French Development Agency (AFD) through the Food and Agriculture Organization of the United Nations (FAO) and the national Project "Support for Development of Geographical Indications in Viet Nam" funded by the AFD.

In conclusion, the international cooperation pursuits of NOIP in 2014 were implemented actively and positively, and obtained significant results, contributing to efforts to further improve the Vietnamese intellectual property system as well as gradually confirm its role and position in the process of international economic integration.

ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

1

Tình hình chung

Năm 2014 tiếp tục là một năm đầy thử thách đối với kinh tế của Việt Nam, do đó có những ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động SHTT nói chung. Chính phủ đã nỗ lực và áp dụng thành công chính sách ổn định kinh tế vĩ mô và đã đạt được nhiều thành quả đáng kể, qua đó trực tiếp thúc đẩy các hoạt động SHTT phát triển. Chính vì vậy, công tác tiếp nhận và xử lý đơn sở hữu công nghiệp được duy trì khá ổn định và phát triển khá. So với năm 2013, trong năm 2014, tổng số đơn đã tiếp nhận tăng 8,8%, trong đó đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp tăng 7,8%. Việc xử lý đơn cũng có sự gia tăng đáng kể, cụ thể việc xử lý đơn đăng ký xác lập quyền SHCN tăng 7,2%. Điều này có nghĩa là Cục SHTT đã đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các cá nhân và tổ chức trong xác lập quyền SHCN.

Công tác tiếp nhận đơn: Năm 2014, Cục SHTT đã tiếp nhận 83.436 đơn các loại, tăng 8,8% so với năm 2013. Trong đó, số lượng đơn đăng ký SHCN có sự gia tăng đáng kể, tăng 7,8%, tương ứng với 46.347 đơn, bao gồm: 4.447 đơn sáng chế, 373 đơn giải pháp hữu ích, 2.311 đơn kiểu dáng công nghiệp, 33.064 đơn nhãn hiệu quốc gia, 6.025 đơn nhãn hiệu đăng ký quốc tế có chỉ định Việt Nam, 2 đơn chỉ dẫn địa lý, 19 đơn thiết kế bố trí mạch tích hợp, cùng 106 đơn đăng ký quốc tế có nguồn gốc Việt Nam (5 đơn sáng chế và 101 đơn nhãn hiệu).

Số lượng đơn các loại khác là 37.089, tăng mạnh so với năm 2013 (10,2%), bao gồm: sửa đổi đơn là 2.997, chuyển nhượng đơn - 907, cấp lại văn bằng bảo hộ - 1.413, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ - 9.564, gia hạn đăng ký quốc tế nhãn hiệu - 3.180, sửa đổi văn bằng bảo hộ - 5.483, duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ - 6.012, chuyển nhượng văn bằng bảo hộ - 2.065, chuyển giao và các yêu cầu liên quan đến chuyển giao quyền sử dụng đối tượng SHCN - 809, chấm dứt, huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ - 343, khiếu nại

- 1.362, tra cứu - 113, phản đối cấp văn bằng bảo hộ - 975, và các loại đơn khác - 1.866.

Công tác xử lý đơn: Năm 2014, Cục SHTT đã xử lý được 74.817 đơn các loại, tăng 17%, mức tăng đáng kể so với năm 2013. Trong đó có 38.745 đơn đăng ký xác lập quyền (tăng 7,2% so với năm 2013) và 36.072 đơn các loại khác. Cụ thể như sau:

Cục SHTT chấp nhận bảo hộ cho 29.079 đối tượng SHCN, tăng khá so với năm 2013 với 4,7%. Số văn bằng bảo hộ cho các đối tượng SHCN cấp ra thực tế là 27.876, tăng 7,1% so với năm 2013. Cụ thể về số văn bằng bảo hộ được cấp ra trong năm 2014 như sau: số sáng chế được cấp bằng độc quyền là 1.368, giải pháp hữu ích - 86, kiểu dáng công nghiệp - 1.634, nhãn hiệu đăng ký quốc gia - 20.579, chỉ dẫn địa lý - 6, thiết kế bố trí mạch tích hợp - 3, và nhãn hiệu đăng ký quốc tế có chỉ định Việt Nam - 4.200. Số lượng đối tượng SHCN bị từ chối bảo hộ là 9.696, trong đó có 1.825 nhãn hiệu đăng ký quốc tế có chỉ định Việt Nam. Công tác thẩm định hình thức đơn đăng ký quốc tế nguồn gốc Việt Nam được thực hiện với 5 đơn sáng chế và 80 đơn nhãn hiệu.

Ngoài ra, Cục SHTT còn xử lý 36.072 đơn các loại khác kể cả gia hạn đăng ký quốc tế nhãn hiệu (tăng 29,7% so với năm 2013), bao gồm: yêu cầu sửa đổi đơn - 2.196, chuyển nhượng đơn - 737, cấp lại văn bằng bảo hộ - 1.469, gia hạn văn bằng bảo hộ - 9.853, sửa đổi văn bằng bảo hộ - 5.893, duy trì hiệu lực bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích - 5.826, chuyển nhượng văn bằng bảo hộ - 2.366, chuyển giao quyền sử dụng đối tượng SHCN - 931, chấm dứt, huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ - 188, khiếu nại - 706, tra cứu - 79 (trong đó yêu cầu tra cứu sáng chế là 70 và tra cứu nhãn hiệu là 9), phản đối cấp văn bằng bảo hộ - 809, gia hạn đăng ký quốc tế - 3.180, các loại đơn khác - 1.839.

REGISTRATION OF INDUSTRIAL PROPERTY RIGHTS

1

General background

The year 2014 continued to be a challenging year for Viet Nam's economy and this context generated substantial impacts on intellectual property activities as a whole. Thanks to the Government's great efforts and appropriate measures for a stable macro-economy, IP activities were continuously promoted and sustainably developed. Accordingly, the receiving and handling of industrial property applications were maintained with a stable trend of upward growth. In comparison with 2013, the total number of applications received by the Office in 2014 increased by 8.8%, in which the number of applications for the establishment of industrial property rights increased by 7.8%. The application handling also increased considerably. In particular, the handling of applications for the establishment of industrial property rights increased by 7.2%. This demonstrates clearly that NOIP has been meeting the needs of individuals and organizations in the establishment of IP rights on a progressive basis.

Application receiving: In 2014, NOIP received 83,436 applications of all types, an increase of 8.8% from 2013. Specifically, the number of industrial property applications grew significantly to 7.8% with 46,347 applications, including 4,447 applications for patents, 373 for utility solutions, 2,311 for industrial designs, 33,064 for national trademarks, 6,025 international trademarks designating Viet Nam, 2 for geographical indications, 19 for layout designs of integrated circuits and 106 international applications originated from Viet Nam (5 for patents and 101 for trademark registrations).

The number of other types was 37,089, a significant increase (of 10.2%) compared to 2013. This number included 2,997 requests for application amendments, 907 for assignments, 1,413 for re-grants of protection titles, 9,564 for renewals of protection titles, 3,180 for renewals of international trademark registrations, 5,483 for amendments of protection titles, 6,012 for maintenance of protection titles' validity, 2,065 for assignments of protection titles, 809 for licensing of intellectual property rights and its related requests, 343 for termination of protection titles' validity and invalidation of protection titles, 1,362 appeals, 113 search requests and 975 oppositions against the grant of protection and 1,866 others.

Application handling: In 2014, NOIP handled 74,817 applications of various types, a considerable increase of 17% compared to 2013, in which 38,745 were for the establishment of industrial property rights (an increase of 7.2% compared to 2013) and 36,072 others.

NOIP granted protection for 29,079 subject matters, a slight increase of 4.7% compared to 2013. In fact, the total number of granted protection titles for industrial property subject matter was 27,876, up to 7.1% compared to 2013. Examined in detail, the number of protection titles granted in 2014 was as follows: 1,368 invention patents, 86 utility solution patents, 1,634 industrial design patents, 20,579 trademark registrations, 6 geographical indication registrations, 3 layout designs of integrated circuits certificates, and 4,200 international trademark registrations designating Viet Nam. The number of protection refusals was 9,696, which includes



Năm 2014, Cục SHTT đã cấp 6 Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm nổi tiếng, trong đó có 1 chỉ dẫn địa lý của nước ngoài và 5 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam, nâng tổng số các chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ tại Việt Nam lên thành 46. Như vậy, tổng số chỉ dẫn địa lý của Việt Nam đã được chấp nhận bảo hộ là 42.

Các chỉ dẫn địa lý của Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận đăng ký trong năm vừa qua bao gồm ngán Quảng Ninh (tỉnh Quảng Ninh), gạo Điện Biên (tỉnh Điện Biên), vú sữa Lò rèn Vĩnh Kim (tỉnh Tiền Giang), tiêu Quảng Trị (tỉnh Quảng Trị) và cam Cao Phong (tỉnh Hòa Bình).

Ngán Quảng Ninh là sản phẩm đầu tiên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký trong năm vừa qua và cũng là chỉ dẫn địa lý thứ hai của tỉnh Quảng Ninh, sau mai vàng Yên Tử. Con ngán Quảng Ninh có hình tròn hoặc ovan, màu vỏ xám, xanh nhạt đến đậm, có trọng lượng lớn hơn so với con ngán của các địa phương khác. Vùng trắng ở đuôi vỏ của con ngán Quảng Ninh nhỏ hơn so với vùng trắng đuôi vỏ của con ngán ở các địa phương khác. Thịt ngán tươi có màu trắng đục, mùi tanh, mang huyết có màu hồng tươi. Mang

huyết của con ngán Quảng Ninh dày, to, che phủ rộng. Thịt ngán khi được làm chín có vị ngọt đậm, béo ngậy, vị thơm đậm, mùi hơi nồng do có các vitamin và khoáng chất đa lượng. Sản phẩm con ngán Quảng Ninh đặc biệt thơm ngon nổi tiếng là do khu vực địa lý có các điều kiện đặc thù về địa hình, khí hậu, sông ngòi, rừng ngập mặn và chế độ hải văn.

Nếu như thiên nhiên ưu đãi cho tỉnh Quảng Ninh nguồn tài nguyên thủy hải sản phong phú thì các thung lũng ở tỉnh Điện Biên lại là điều kiện lý tưởng để cây lúa phát triển và nức tiếng gần xa với sản phẩm gạo Điện Biên. Sản phẩm gạo Điện Biên bao gồm hai loại được sản xuất từ giống IR64 và giống Bắc thơm số 7. Thóc IR64 Điện Biên có màu vàng nhạt, độ bóng cao, vỏ mỏng. Cơm IR64 Điện Biên có mùi thơm nhẹ, vị cơm đậm, mềm và dẻo khi ăn. Thóc Bắc thơm số 7 Điện Biên màu vàng óng, tỷ lệ hạt xanh cao, hình dáng nhỏ và thon. Gạo Bắc thơm số 7 Điện Biên có hạt nhỏ đều, bóng, màu trắng trong, có ánh xanh, tỷ lệ hạt bị vỡ đầu từ 20-30%. Cơm Bắc thơm số 7 Điện Biên có mùi thơm đậm, đặc trưng, vị đậm và dẻo.



Sản phẩm con ngán Quảng Ninh được bảo hộ chỉ dẫn địa lý

The protected geographical indication "Quang Ninh clam"
(Austriella corrugata)

Hình ảnh về sản phẩm gạo mang chỉ dẫn địa lý Điện Biên

Images of the protected GI "Dien Bien rice"

1,825 international trademark registrations designating Viet Nam. NOIP also conducted formality examinations for 5 international patent applications and 80 international trademark applications originating in Viet Nam.

Moreover, NOIP also handled 36,072 other types of applications and/or requests, including the renewal of international trademark registrations (an enormous increase of 29.7% compared to 2013), specifically: 2,196 requests for application amendments, 737 for application assignments, 1,469 for the re-granting of protection titles, 9,853 for the renewal of protection titles, 5,893 for protection title amendments, 5,826 for maintenance of the validity of invention/utility solution patents, 2,366 for the assignment of protection titles, 931 for transfer and licensing of the use of industrial property subject matters, 188 for the termination of validity of protection titles or invalidation of protection titles, 706 complaints, 79 search requests (including 70 for patent search and 9 for trademark search), 809 oppositions against grants, 3,180 renewals of international registrations and 1,839 others.

Registration of geographical indications

In 2014, NOIP granted 6 registrations of geographical indications for reputed and unique products, including 1 foreign geographical indication and 5 national geographical indications, bringing the total number of geographical indications protected in Viet Nam up to 46. Among these, 42 were Vietnamese geographical indications.

Vietnamese products granted geographical indication registrations in 2014 included Quang Ninh clam (*Austriella corrugata*) (also known as the Corrugated Lucine Clam or Quang Ninh clam (Quang Ninh province)), Dien Bien rice (Dien Bien province), Vinh Kim Smithy Star Apple (Tien Giang province), Quang Tri pepper (Quang Tri province), and Cao Phong oranges (Hoa Binh province).

The Quang Ninh clam (*Austriella corrugata*), was the first GI registration granted during the previous year and is the second geographical

indication granted to Quang Ninh province (after the geographical indication of “Yen Tu” for the yellow apricot blossom). The Quang Ninh clam has a round or oval shape, with a light gray to dark green shell. Its weight is heavier and the white area in its shell looks smaller than those mollusks harvested in other localities. Quang Ninh clam meat is opaque white, with a strong odor; its blood bags are a fresh pink color, being thick, big and wide. The cooked meat is rather sweet, oily and tasty due to the high volume of vitamins and minerals. Quang Ninh clam is famous for its deliciousness, resulting from the area’s terrain, climate, rivers and streams, mangroves and oceanographic conditions.

If the nature favors Quang Ninh province for its abundant aquatic resources, the valleys of Dien Bien province are very good places for rice cultivation and have been highly regarded for high quality rice. Dien Bien rice consists of two types of rice produced from the varieties of Dien Bien IR64 and Bac thom 7. The Dien Bien IR64 paddy looks yellow, highly polished with a thin husk. As cooked rice, it will be light of flavor, delicious, soft and glutinous when eating. Paddy of Bac thom 7 cultivated in the Dien Bien area looks golden, with high rates of green seeds, and has a small and slender shape. Rice of Bac thom 7 appears rounded, polished, and white with a green color and the breaking rates ranging from 20 - 30%. The sticky rice of Bac thom 7 will be aromatic, flavorful, tasty and glutinous.

The next product granted the geographical indication registration in 2014 was Vinh Kim Smithy Star Apple (*Chrysophyllum cainito*). This fruit, in the Sapotaceae family, is a famous specialty of Tien Giang province and of the Mekong Delta as a whole. Vinh Kim Smithy Star Apple has the typical quality and characteristics of opaque white and soft flesh, a milky emulsion, thick body, high yield, small seeds, with a sweet, creamy flavor. These excellent qualities and characteristics are created by a flat terrain, crisscrossed by rivers and canals and other favorable climatic conditions of the area.

In addition to the products coming from the North and the South as mentioned above, another product from the middle of the country was also registered as a geographical indication





**Sản phẩm quả vú sữa Lò rèn Vĩnh Kim
được bảo hộ chỉ dẫn địa lý**

The protected geographical indication
"Vinh Kim smithy star apple"

Sản phẩm tiếp theo được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý trong năm vừa qua là vú sữa Lò rèn Vĩnh Kim. Đây là một trong những đặc sản nổi tiếng của tỉnh Tiền Giang nói riêng và của Đồng bằng sông Cửu Long nói chung. Sản phẩm có các tính chất chất lượng rất đặc trưng, cụ thể là thịt quả màu trắng đục, mềm, nước dạng sữa, dày thịt, tỷ lệ thịt quả cao, ít hạt, vị rất ngọt, béo, mùi thơm dịu đặc trưng. Chính địa hình bằng phẳng, được chia cắt bởi nhiều sông rạch và các yếu tố thuận lợi về khí hậu của khu vực địa lý là những yếu tố chủ đạo làm nên chất lượng tuyệt vời của sản phẩm vú sữa Lò rèn Vĩnh Kim.

Ngoài hai sản phẩm của miền Bắc và miền Nam được kể đến ở trên thì miền Trung cũng có một sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý trong năm 2014 đó là tiêu Quảng Trị. Từ lâu sản phẩm hạt tiêu Quảng Trị đã nổi tiếng bởi vị cay và thơm đặc trưng. Từ thế kỷ 18, trong tác phẩm "Phủ biên Tạp lục", nhà bác học Lê Quý Đôn đã nhắc đến tiêu Cù (một địa danh của Quảng Trị) như một sản vật nổi tiếng, được nhiều thương lái nước ngoài tìm đến thu mua sản vật này và xem đó là "vàng đen". Tiêu Quảng Trị thuộc giống tiêu lá trung bình có tên khoa học là *Lada Belangtoeng*. Sản phẩm có hàm lượng piperin và hàm lượng tinh dầu cao vì vậy có vị thơm và cay rất đặc trưng. Chất lượng nổi trội của hạt tiêu Quảng Trị có được là nhờ các điều kiện địa lý đặc thù của khu vực này.

Sản phẩm cuối cùng của Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý trong năm vừa qua là cam Cao Phong. Cam Cao Phong bao gồm các giống Xã Đoài cao, Xã Đoài lùn, CS1 và cam Canh. Đây là sản phẩm có chất lượng đặc



Hình ảnh sản phẩm hạt tiêu Quảng Trị được bảo hộ chỉ dẫn địa lý

Images of the protected geographical indication "Quang Tri pepper"

thù và nổi tiếng của huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình được người tiêu dùng rất ưa chuộng.

Trong năm vừa qua, ngoài 5 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam còn có một chỉ dẫn địa lý của nước ngoài được cấp Giấy chứng nhận đăng ký là tơ tằm truyền thống Isan Thái Lan. Đây là sản phẩm đầu tiên của Thái Lan được Cục SHTT cấp giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý. Tơ tằm truyền thống của vùng Isan nổi tiếng bởi sự độc đáo trong bí quyết sản xuất dân gian được truyền từ đời này sang đời khác của người dân tại khu vực địa lý. Đây không chỉ đơn thuần là một sản phẩm được ưa chuộng mà còn hội tụ bản sắc văn hóa tinh tế của miền Đông Bắc Thái Lan.

Điều đặc biệt là cùng thời điểm Cục SHTT Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm tơ tằm truyền thống Isan Thái Lan thì Cơ quan Sở hữu trí tuệ Thái Lan cũng đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm cà phê Buôn Ma Thuột của Việt Nam. Đây là sự kiện đánh dấu kết quả hợp tác tốt đẹp giữa Cơ quan Sở hữu trí tuệ Thái Lan và Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam trong lĩnh vực bảo hộ chỉ dẫn địa lý, đồng thời cũng cho thấy song song với quá trình bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại thị trường trong nước thì việc xác lập quyền đối với chỉ dẫn địa lý tại thị trường quốc tế cũng bắt đầu phát triển tích cực và đem lại nhiều lợi ích thiết thực.



Các loại cam có chỉ dẫn địa lý Cao Phong được bảo hộ

Cao Phong oranges are protected as geographical indication

in 2014, namely Quang Tri pepper. For many centuries, pepper from Quang Tri province has been famous for its spicy and aromatic qualities. In the 18th century, in his book titled “Miscellaneous Chronicles of the Pacified Frontier,” scholar Le Quy Don referred to the special pepper of Cửa - an area in Quang Tri province - that was prized and sought after by foreign purchasers as “black gold.” The Quang Tri pepper belongs to the variety of Lada Belantoeng which contains a high volume of piperin and oil, making it distinctively fragrant and spicy. The outstanding quality and unique characteristics of Quang Tri pepper are due to the unique geography and climate of the region.

The last product granted the geographical indication registration in 2014 was Cao Phong oranges which are cultivated from the varieties of Doai Cao, Doai Lun, CS1 and Canh. These oranges, from Cao Phong district, Hoa Binh province, with their distinct qualities and unique characteristics are well-known and highly regarded by consumers.

In addition to the 5 national geographical indications granted in the past year, Viet Nam also granted the geographical indication registration for Silk Yarn from the Isan region (Northeast) of Thailand. This is the first Thai product obtaining the geographical indication registration from



Sản phẩm cà phê Buôn Ma Thuột được bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại Thái Lan năm 2014

The geographical indication “Buon Ma Thuot coffee” was registered in Thailand

NOIP. The Isan Indigenous Thai Silk Yarn is famous for the unique know-how in reeling skills which have been passed on from generation to generation of the silk weavers in the region. This product is not only favored by consumers, but also incorporated with the Isan people’s lifestyle and culture in the Northeast of Thailand.

At the same time, the Thailand’s Department of Intellectual Property (DIP) also granted the geographical indication registration for Buon Ma Thuot coffee of Viet Nam. This mutual recognition results from an existing friendly cooperation program between the National Office of Intellectual Property of Viet Nam (NOIP) and the Department of Intellectual Property of Thailand in the protection of geographical indications. This also shows that in parallel with the registration of geographical indications in the domestic market, the establishment of geographical indication rights in the international markets began to be implemented to protect the legitimate benefits of Vietnamese producers.





Hội thảo “Sở hữu trí tuệ và Thương hiệu sản phẩm” dành cho các nước Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam (CLMV)

Roundtable on Intellectual Property and Product Branding for Cambodia, Laos, Myanmar and Viet Nam (CLMV)

NGHIÊN CỨU, ĐÀO TẠO VÀ TUYÊN TRUYỀN VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Trong nhiều năm gần đây, công tác nghiên cứu, đào tạo và tuyên truyền về sở hữu trí tuệ đã được chú trọng triển khai với nhiều hình thức phong phú, ưu tiên thực hiện các hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Trong năm 2014, hoạt động này đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

1

Công tác đào tạo và nâng cao nghiệp vụ về sở hữu trí tuệ

Đào tạo trong nước cho cán bộ của Cục SHTT tiếp tục được triển khai hướng đến nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ từ cơ bản đến nâng cao, đặc biệt là đào tạo chuyên môn chuyên sâu. Các cán bộ mới tuyển dụng được tham dự khóa đào tạo dành cho cán bộ mới trong 1 tuần (năm 2014 có 21 cán bộ tham dự). Sau đó, trong quá trình làm việc các cán bộ mới thường xuyên được tham gia các khóa đào tạo/tập huấn chuyên sâu về SHTT, cũng như các khóa đào tạo kỹ năng khác (năm 2014 Cục SHTT đã tổ chức 1 lớp tập huấn chuyên sâu về nhãn hiệu và phân loại nhãn hiệu, 1 khóa đào tạo về hướng dẫn

soạn thảo đơn đăng ký sáng chế và 1 khóa đào tạo về kỹ năng ứng xử trong quá trình thực thi công vụ).

Năm 2014, công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn còn được tích cực triển khai cho các cán bộ hoạt động chuyên trách về SHTT với sự phối hợp hiệu quả của các cơ quan liên quan trong cả nước cũng như các tổ chức, cơ quan SHTT quốc tế. Trong đó phải kể đến các khóa đào tạo sau: 1 khóa đào tạo dành cho cán bộ các cơ quan thực thi, 1 khóa đào tạo dành cho cán bộ chuyên trách về SHTT tại các Sở KH&CN địa phương mới được tuyển dụng, 2 khóa đào tạo/hội thảo về chuyển giao công nghệ và 1 khóa đào tạo hướng dẫn soạn thảo đơn đăng ký sáng chế dành cho cán bộ các viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức có liên quan.

Để tiếp tục triển khai mô hình hỗ trợ các địa phương nâng cao nhận thức và chuyên môn về SHTT, Cục SHTT đã phối hợp với các Sở KH&CN tổ chức 33 lớp tập huấn trên cả nước cho hơn 2.300 lượt người tham dự với các chủ đề: SHTT và hoạt động sáng kiến; thực thi quyền SHTT;



INTELLECTUAL PROPERTY RESEARCH, TRAINING AND PUBLIC AWARENESS

In 2014, the research, training and dissemination of intellectual property were implemented intensively and extensively in diverse formats, focusing on the principal topics related to meeting the practical needs of various stakeholders, and achieved remarkable and notable results.

1 Intellectual property education and professional training

The internal training for NOIP's staff continued to be implemented as scheduled towards improving their professional qualifications, ranging from basic to advanced courses, focusing on intensive professional training. Newly recruited staff were sent to a one-week training (one course was organized, with 21 participants). Then, in the course of day-to-day duties, staff members were also sent on intensive courses on various intellectual property topics and other training projects to improve their professional skills. In 2014, NOIP organized one advanced

training program on trademark examination and classification, as well as two training programs on patent drafting and communication skills for the NOIP staff.

With the active cooperation of relevant agencies and international development partners, IP education and training activities in 2014 were also provided for IP staff of other institutions and agencies, including one training course for the IP staff of enforcement agencies, one training course for newly recruited IP staff of the provincial Departments of Science and Technology, two workshop trainings on technology transfer and one guided training on patent drafting for IP staff of universities, institutions and relevant agencies.

With a view to raising the IP public awareness and expertise of IP stakeholders at localities, NOIP, in cooperation with the provincial Departments of Science and Technology, organized 33 trainings or workshops throughout the country in 2014, with more than 2,300 participants studying the topics of IP and innovation, IP rights enforcement, IP protection for local specialties, and IP management in the businesses. NOIP often dispatched experts to give lectures at trainings and other events hosted by other agencies, businesses and associations. The critical activities have produced profound benefits, not only in improving the qualifications of IP staff, but also in bringing IP issues to different stakeholder groups throughout the country.

In particular, NOIP, in cooperation with the World Intellectual Property Organization (WIPO), successfully hosted the Roundtable on Intellectual Property and Product Branding for Cambodia, Laos, Myanmar and Viet Nam (CLMV), in Ha Noi, in September 2014. At this Roundtable, participants were able to share knowledge and skills related to IP in order to promote product brands by international branding experts, as well as to exchange information and experiences among CLMV countries in the promotion and development of local products. Addressing the Roundtable, NOIP's Deputy Director General, Mr. Tran Huu Nam emphasized the development of branding strategies as one of the most effective tools to acquire a reputation and credibility for local products and to enhance the competitiveness and market shares of



bảo hộ quyền SHTT với các đặc sản địa phương; quản trị tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp... Cục SHTT thường xuyên cử cán bộ tham gia giảng bài tại các khóa đào tạo, tập huấn do các cơ quan, doanh nghiệp, hiệp hội tổ chức. Điều này đã mang lại hiệu quả không nhỏ, không chỉ nâng cao được trình độ cho đội ngũ cán bộ trong ngành mà còn tuyên truyền, phổ biến được đến nhiều tầng lớp nhân dân trong cả nước.

Đặc biệt, Cục SHTT đã phối hợp với WIPO tổ chức Hội thảo “Sở hữu trí tuệ và Thương hiệu sản phẩm” dành cho các nước Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam (CLMV). Tại Hội thảo, các đại biểu được các chuyên gia thương hiệu quốc tế cung cấp những kiến thức và kỹ năng sử dụng quyền SHTT để xây dựng thương hiệu sản phẩm, cũng như được trao đổi thông tin, chia sẻ và học hỏi kinh nghiệm giữa bốn nước CLMV về quảng bá và phát triển các sản phẩm địa phương. Tại Hội thảo, Phó Cục trưởng Trần Hữu Nam nhấn mạnh, xây dựng chiến lược thương hiệu để quảng bá sản phẩm địa phương đang thực sự trở thành một trong những công cụ để tạo dựng uy tín và nâng cao vị thế và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp cũng như của nền kinh tế. Thực tiễn cho thấy nhiều doanh nghiệp trên thế giới đã kinh doanh thành công nhờ có chiến lược thương hiệu đúng đắn, bao gồm việc sử dụng hiệu quả các tài sản trí tuệ.

2

Công tác nghiên cứu

Năm 2014, tiếp tục tổ chức nghiên cứu về các vấn đề khác nhau của quyền SHTT nhằm phục vụ công tác hoạch định chính sách cũng như để đáp

ứng các yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế, điển hình là Đề án “Nghiên cứu các điều kiện cần thiết đối với đề xuất việc gia nhập Thỏa ước La Hay về đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp của Việt Nam”, Đề tài “Nghiên cứu về khả năng phê chuẩn Nghị định thư sửa đổi Hiệp định TRIPS của Việt Nam”, “Nghiên cứu lý luận và thực tiễn của mối quan hệ giữa nhãn hiệu và tên thương mại nhằm đề xuất phương án giải quyết xung đột quyền giữa hai đối tượng”, chuyên đề “Quy định sử dụng nhãn hiệu trong Luật Nhân thuốc lá trôn của Ôxtrâyli và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam”.

Ngoài ra, Cục còn rất khuyến khích hoạt động nghiên cứu về SHTT của các đối tượng bên ngoài, đáng chú ý là hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên vì đây là lực lượng trẻ có nhiều tiềm năng và niềm đam mê, hoài bão lớn, hứa hẹn sẽ đem lại những hiệu quả lâu dài cho sự phát triển của hoạt động SHTT. Nhận thức được tầm quan trọng đó, đến năm 2014 đã là năm thứ 5 liên tiếp, Cục SHTT phối hợp với Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (KHXH&NV) tổ chức Cuộc thi “Sinh viên nghiên cứu khoa học về SHTT” và Hội nghị khoa học báo cáo kết quả Cuộc thi nhằm lựa chọn và trao giải cho các báo cáo xuất sắc. Năm nay, Cuộc thi đã thu hút được sự tham gia của sinh viên 5 trường đại học lớn trên địa bàn thành phố Hà Nội (Trường Đại học KHXH&NV - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Trường Đại học Thương mại và Trường Đại học Luật Hà Nội).

Sinh viên tham dự Cuộc thi “Sinh viên nghiên cứu khoa học về SHTT” trả lời câu hỏi của Ban Giám khảo

A student at the Contest answering questions from the judges



businesses as well as to benefit the whole economy. It is a fact that many businesses around the world have become successful thanks to the appropriate use of branding strategies, including the effective use of intellectual property.

2 Research activities

In 2014, a number of IP topics continued to be researched in order to provide concrete grounds for policy-making and for international economic integration. Such research includes studies on the possibility of Vietnam's accession to the Hague Agreement on the International registration of industrial designs, on the possibility of Vietnam's ratification of the Protocol amending the TRIPS Agreement, and on the theoretical and practical grounds of the relationship between trademarks and trade names and recommendations on settlement of their conflicts. Furthermore, there

on IP Research for Students and held a Scientific Conference for them to deliver research reports and to award those considered outstanding. The Contest attracted the participation of students from five universities located in Ha Noi, namely the University of Social Sciences and Humanities (under the Viet Nam National University), the Hanoi Foreign Trade University, the National School of Economics, the Trade University and the Hanoi Law University.

3 Dissemination and outreach activities

Dissemination and outreach to raise the public awareness of intellectual property were considered as a highlight of IP activities in 2014. In particular, in the Innovation Week to celebrate World IP Day (26 April), the dissemination and outreach activities were simultaneously conducted throughout the country in various



Các sinh viên đạt giải tại Hội nghị Khoa học sinh viên về SHTT, năm 2014 tại Trường Đại học KHXH&NV

Winners at the Scientific Conference on IP for Students 2014 at the University of Social Sciences and Humanities

was a Research Paper written on the Australian Tobacco Plain Packaging Act and lessons learned for Viet Nam.

Moreover, NOIP actively promoted research activities on IP by other stakeholders, notably by university students because of their youth, potential and passion that may produce long-term benefits to the development of IP activities. With this key understanding, in 2014, NOIP collaborated with the University of Social Sciences and Humanities to run the 5th Contest

formats, including dialogue with media agencies on IP and their role in promoting innovation and creativity (held in the three major economic centers of the country: Ha Noi, Da Nang and Ho Chi Minh City), and a series of seminars and workshops on different aspects of IPR. As hoped, the IP Challenge Contest - the Top Brand 2014 was well organized by NOIP in collaboration with the Hanoi Foreign Trade University, attracting the participation of around 1,500 students from 40 universities and colleges located in



Tích cực phổ biến, tuyên truyền về SHTT nhằm nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp nhân dân là một điểm sáng trong hoạt động SHTT năm 2014. Đặc biệt là trong tuần lễ cao điểm nhằm tôn vinh các hoạt động sáng tạo nhân Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới (26/4), các hoạt động tuyên truyền đã được triển khai đồng loạt trên toàn quốc với nhiều hình thức khác nhau như Tọa đàm với các cơ quan truyền thông về SHTT thúc đẩy đổi mới, sáng tạo và vai trò của báo chí trong hoạt động đó tại cả ba trung tâm kinh tế lớn của đất nước là Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, các cuộc thi, hội thảo xoay quanh các khía cạnh khác nhau của quyền SHTT... Tiêu biểu trong số đó là Cuộc thi IP Challenge - Đỉnh cao Thương hiệu 2014 (phối hợp với Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội) với gần 1.500 sinh viên từ khoảng 40 trường đại học và cao đẳng tại khu vực Hà Nội tham gia cuộc thi và có sự hỗ trợ của nhiều doanh nghiệp.

Nhiều cuộc thi khác nhau được tổ chức trong năm 2014 đã để lại tiếng vang về các hoạt động SHTT, qua đó nhận thức chung của cộng đồng về SHTT được nâng lên đáng kể.

Trước tiên phải kể đến Cuộc thi Sáng chế 2014 được tổ chức nhằm khuyến khích các hoạt động sáng chế, sáng tạo ra những công nghệ có tính ứng dụng rộng rãi và chi phí thấp để đáp ứng các nhu cầu thiết thực của cuộc sống, góp phần vào sự phát triển bền vững của cộng đồng địa phương, cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước. Tối ngày 22/11, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổ chức Lễ trao giải Cuộc thi Sáng chế 2014. Giải pháp giường đặc biệt phòng chống hoại tử dành cho bệnh nhân bất động của nhà sáng chế

Nguyễn Long Uy Bảo đã giành giải nhất cuộc thi. Giải nhì được trao cho Công ty cổ phần môi trường Xanh và Xanh với giải pháp thiết bị xử lý rác thải. Trung tâm Nghiên cứu và phát triển công nghệ môi trường xây dựng với giải pháp phân loại rác thải bằng thiết bị tự động đã đoạt giải ba cuộc thi sáng chế năm 2014.

Chào mừng Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới 26/4 và Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18/5, Cục SHTT đã phát động và tổ chức cuộc thi "Thiết kế Infographic về sở hữu trí tuệ" từ ngày 10/3/2014 đến ngày 20/4/2014 qua hai giai đoạn. Tám tác phẩm xuất sắc đã được chọn vào giai đoạn hai, công bố lên hệ thống để công chúng bình chọn. Kết quả của Cuộc thi là các tác phẩm có giá trị cao về mặt nhận thức.

Để công chúng nhận thức tốt hơn về quyền SHTT, trong khuôn khổ hoạt động phối hợp với Dự án EU - ASEAN về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (ECAP III), Cục SHTT đã tổ chức Triển lãm quốc tế Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý năm 2014 vào ngày 09/9/2014, tại Hà Nội. Triển lãm được tổ chức nhằm nâng cao nhận thức của công chúng về chỉ dẫn địa lý, cũng như nâng cao hình ảnh và giá trị thương mại cho các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý của Việt Nam và các nước trong khu vực. Khoảng 70 gian hàng tham gia Triển lãm đã giới thiệu các sản phẩm đặc sản của Việt Nam và các nước trong khu vực ASEAN. Các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam giới thiệu với người tiêu dùng các đặc sản nổi tiếng trong nước như nước mắm Phú Quốc, bưởi Phúc Trạch, chè Tân Cương, nón lá Huế...; các nước ASEAN cũng mang đến triển lãm các sản phẩm nổi tiếng như táo thiên nhiên Myanmar, cà phê Lào, hồ tiêu và dầu cọ Campuchia, lụa Malayxia và thịt cừu đông lạnh Brunây.

**Các sinh viên đoạt giải tại
Cuộc thi IP Challenge -
Đỉnh cao Thương hiệu 2014**

Winners of the IP Challenge
Contest - the Top Brand 2014



Hanoi and surrounding areas. The Contest was a great success and received support from area businesses.

A number of contests were successfully held in 2014 producing a strong response in intellectual property activities and contributing significantly to raising public awareness of intellectual property rights.

The Appropriate Technology (AT) Competition 2014 was organized with the aim of encouraging and rewarding excellent and appropriate technical solutions that help to meet daily problems in life, contribute to the sustainable development of local communities, as well as the socio-economic development of the country. The Award Ceremony was held in the evening of November 22, 2014, in Ho Chi Minh City, where the Ministry of Science and Technology awarded the first prize in the Competition to the technical solution “Special bed for disabled patients” of Nguyen Long Uy Bao. The second and third prizes were awarded to the “Waste Treatment Facilities” of the Green and Blue Joint Stock Company, and the “Automatic machine for classifying garbage” of the Center for Construction Environment Technology Research and Development, respectively.

On the occasion of the World IP Day (26 April) and the Vietnamese Science and Technology

Day (18 May), NOIP also launched the Contest on “Designing Infographics on Intellectual Property” from 10 March to 20 April 2014, divided into two phases. The top-eight outstanding entries in the first phase would be selected for the second phase that was then made available for a public vote. As a result, the Contest received many excellent Infographics demonstrating a high awareness of IP.

Furthermore, within the framework of the EU-ASEAN Project on the Protection of Intellectual Property Rights (ECAP III), NOIP organized the International Geographical Indications Exhibition in Ha Noi, on September 9, 2014. The Exhibition was organized to raise public awareness about geographical indications, as well as to enhance the commercial value of registered GI products from Viet Nam and other countries in the region. 70 pavilions at the Exhibition introduced specialties from Viet Nam and ASEAN countries to exhibition goers. As the host, Vietnamese producers were able to showcase many GI-protected specialties such as Phu Quoc fish sauce, Trung Nguyen coffee, Phuc Trach grapefruit, Tan Cuong tea and the Hue conical hat, while other ASEAN GI producers introduced specialties, such as Myanmar seaweed, Laos coffee, Cambodian pepper and palm oil, Malaysian silk, Brunei frozen lamb.



Giường đặc biệt phòng chống hoại tử dành cho bệnh nhân bất động - Giải Nhất Cuộc thi Sáng chế 2014

“Special bed for disable patients” won the first prize of the AT Competition 2014



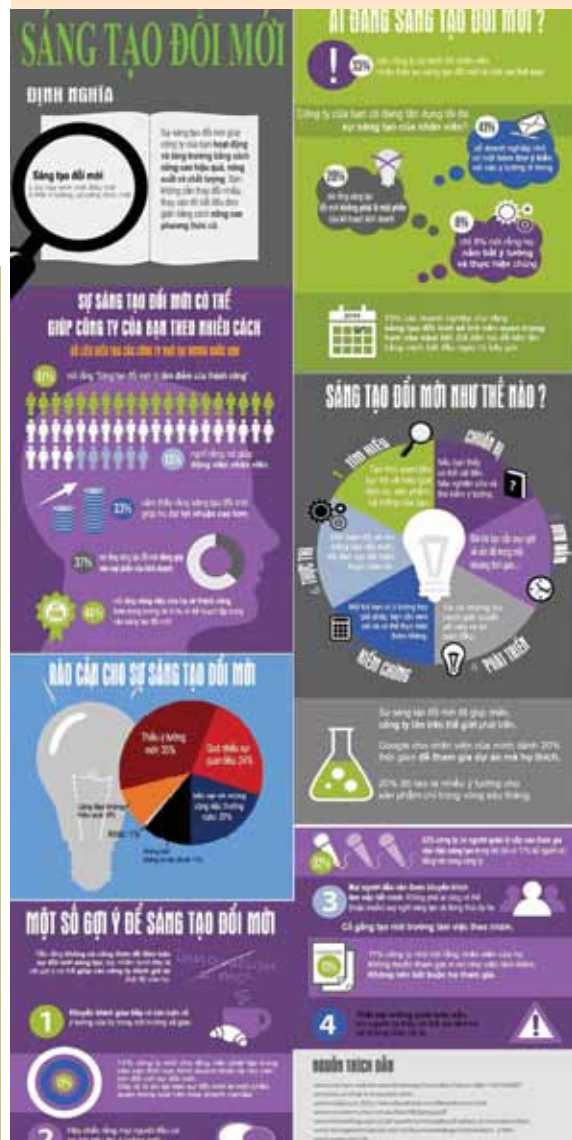
Các tác giả đạt giải tại Lễ trao giải Cuộc thi Sáng chế 2014

inventors receiving awards at the Awarding Ceremony of the AT Competition 2014



Giải nhất:**"Các bước đăng ký độc quyền sáng chế", tác giả Dư Anh Dân**

The first prize:

"Steps for Patent Registration" by Du Anh Dan**Giải nhì:****"Sáng tạo đổi mới", tác giả Nguyễn Mạnh Linh**

The second prize:

"Innovation" by Nguyen Manh Linh



Đồng giải ba:
"Sáng chế là gì?" tác giả **Đậu Quốc Dũng**
 The third prizes:
 "What's an invention?" by Dau Quoc Dung



Đồng giải ba:
"Các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ",
 tác giả **Vũ Thị Thùy Dung**
 The third prizes:
 "Intellectual Property's subject matters"
 by Vu Thi Thuy Dung



**Thứ trưởng Trần Văn Tùng phát biểu tại
Triển lãm quốc tế Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý năm 2014**

Mr. Tran Van Tung, Vice Minister of Science and Technology, delivering the opening speech at the International Geographical Indication Exhibition 2014



Một số gian hàng tại Triển lãm quốc tế Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý năm 2014

Pavilions at the International Geographical Indication Exhibition 2014



TRIỂN LÃM QUỐC TẾ SẢN PHẨM MANG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ NĂM 2014

THE INTERNATIONAL GEOGRAPHICAL INDICATION EXHIBITION 2014



Trang tin điện tử của Cục SHTT ngày càng quan trọng đối với cá nhân và tổ chức trong cả nước bởi các thông tin chính thống, chính xác và đa dạng trong lĩnh vực SHTT. Các hoạt động của Cục SHTT - hạt nhân của hệ thống SHTT - được cập nhật thường xuyên, giúp các chủ thể, nhất là các cơ quan quản lý về SHTT địa phương và cộng đồng doanh nghiệp nhanh chóng tiếp cận với hoạt động quản lý nhà nước về SHTT, ví dụ như cơ chế, chính sách mới; văn bản pháp luật được ban hành; thống kê đơn và văn bằng bảo hộ của các địa phương... Hoạt động SHTT quan trọng của cả nước được phản ánh kịp thời trong các bài viết, đặc biệt có thể kể đến các nội dung: Chỉ dẫn địa lý mới được bảo hộ ở Việt Nam; các hoạt động đào tạo, phổ biến kiến thức SHTT đã, đang và sẽ triển khai; các hội nghị, hội thảo chuyên môn về SHTT; v.v... Đây là nguồn thông tin hữu ích cho việc nâng cao nhận thức về SHTT; chia sẻ và phổ biến các kinh nghiệm về xác lập, khai thác và bảo vệ quyền SHTT...

Chuyên mục truyền thống của trang tin điện tử về pháp luật SHTT năm qua đã cập nhật các thông tin liên quan đến hệ thống phân loại SHCN. Sau khi Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) công bố trên trang thông tin điện tử www.wipo.int những sửa đổi năm 2013 và 2014 của Bảng phân loại hàng hóa/dịch vụ Ni-xơ phiên bản 10, Cục SHTT đã triển khai, hoàn thành bản dịch tiếng Việt của Bảng phân loại quốc tế hàng hóa/dịch vụ Ni-xơ phiên bản 10 với những sửa đổi nêu trên và công bố để áp dụng tại Thông báo số 9694/TB-SHTT ngày 19/11/2014 về việc áp dụng bản dịch tiếng Việt của Bảng phân loại hàng hóa/dịch vụ Ni-xơ phiên bản 10 với những sửa đổi năm 2013-2014. Toàn bộ những sửa đổi được cập nhật vào Danh mục hàng hóa/dịch vụ của Bảng phân loại Ni-xơ để đưa lên trang tin điện tử của Cục. Các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp có thể tìm kiếm nhanh chóng các thông tin liên quan đến những sửa đổi nói riêng và toàn bộ Danh mục hàng hóa/dịch vụ Ni-xơ Phiên bản 10, giúp cho việc đăng ký nhãn hiệu được chính xác, thuận tiện và nhanh chóng.

BẢO ĐẢM THÔNG TIN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Một nội dung được quan tâm nhiều trên trang tin điện tử của tất cả người dùng tin là việc công bố thông tin SHCN trong quá trình xử lý đơn đăng ký SHCN. Trang tin điện tử là nguồn thông tin SHCN chính thức duy nhất cung cấp bản điện tử của Công báo SHCN do Cục SHTT phát hành hàng tháng. Tất cả 12 số của năm 2014 đã được đưa lên trang chủ www.noip.gov.vn kịp thời để người nộp đơn biết được chính xác kết quả xử lý đơn đăng ký SHCN của mình, theo dõi những trường hợp có khả năng xâm phạm quyền SHTT của mình để áp dụng các biện pháp bảo vệ phù hợp nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp từ quyền SHTT đã được xác lập. Năm 2014 có đến 975 đơn phản đối cấp văn bằng bảo hộ chính là minh chứng cho việc khai thác hiệu quả thông tin SHCN được công bố của các doanh nghiệp, cá nhân và tổ chức khác.

Cùng với việc công bố thông tin SHCN đầy đủ và kịp thời, việc duy trì và phát triển công cụ tra cứu thông tin SHCN (Thư viện điện tử SHCN - IPLib và Thư viện số về bằng sáng chế của Việt Nam - DigiPat) trên trang tin điện tử của Cục đóng góp không nhỏ cho việc xác lập và bảo vệ quyền SHCN, phục vụ kịp thời nhu cầu của xã hội trong các hoạt động nghiên cứu và triển khai (R&D), sản xuất và kinh doanh.



INDUSTRIAL PROPERTY INFORMATION ACTIVITIES



Maintenance and update the website (www.noip.gov.vn)

The NOIP's website is playing an increasingly important role for individuals and organizations in the country as an official, accurate and rich information source of intellectual property rights. The operation of NOIP - the key IP Office in Viet Nam - is regularly updated to provide IP stakeholders, including local management agencies and business communities with an immediate access point to the State's management of intellectual property activities, including: IP mechanisms and policies, newly enacted legislation, statistics on filings and granted protection titles of provinces/cities under the Central Government. Outstanding intellectual property activities throughout the country are also immediately reported in the articles, particularly, on newly protected geographical indications in Viet Nam, IP trainings, IP dissemination and outreach activities that have been or will be conducted, IP professional conferences and workshops. The website is a rich and useful source for raising awareness of IP rights, spreading information and sharing experiences in the establishment, exploitation and protection of intellectual property rights in the domestic and abroad.

Last year, the traditional column of IP legislation on the website was updated

with information on the Industrial Property classification system. Immediately after the World Intellectual Property Organization (WIPO) had published the 2013 and 2014's versions of the Nice International Classification of Goods and Services (10th edition) on its website (www.wipo.int) NOIP made it available in Vietnamese and published it on its website for the public's use (as noticed in the Office's Communication No. 9694/TB-SHTT of 19 November 2014 on the application of the Vietnamese versions of the 10th edition of the Nice Classification, as revised in 2013 and 2014). All amendments to the list of goods and services under the Nice Classification were updated on the NOIP's website for easy and quick access by individuals, organizations and businesses for information related to these amendments in particular and for the entire list of goods and services under the 10th edition of the Nice Classification in general. Such access makes the registration of trademarks accurate, convenient and quick.

Publication of IP information of applications under examination on the website is one of the issues given much attention by all users and this is the official source providing monthly electronic versions of NOIP's Official Industrial Property Gazette. All 12 volumes from 2014 were posted promptly on the website's homepage (at www.noip.gov.vn) for applicants to follow up on their applications, to monitor potential infringements of their IP rights and to take appropriate safeguards in order to protect the legitimate interests of their rights. 975 oppositions filed against the grants of protection titles in 2014 showed the effective use of the published IP information by individuals, organizations and businesses.

Along with the full and timely publication of IP information, the maintenance and development of search engines (for the Industrial Property Digital Library - the Vietnamese Digital Patent Library - DigiPat) on the NOIP's website have made a significant contribution to the establishment and protection of IP rights, meeting the actual needs of those stakeholders in research and development (R&D) as well as in industry and business.



2

Cung cấp thông tin sở hữu công nghiệp

Việc phục vụ, cung cấp thông tin SHCN theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức dùng tin trong cả nước được duy trì thường xuyên. Việc cung cấp thông tin sáng chế mang tính nghiệp vụ chuyên sâu là nguồn thông tin tham khảo quan trọng đối với doanh nghiệp trong các hoạt động đổi mới, sáng tạo và phát triển sản xuất của mình. Trong năm 2014, Cục SHTT đã giải quyết được 75 yêu cầu cung cấp thông tin sáng chế của các doanh nghiệp và tổ chức nộp trực tiếp tại Cục theo nhiều lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ khác nhau. Thông tin sáng chế ngày càng được quan tâm và là nguồn thông tin tham khảo có giá trị đối với nhiều cơ quan, tổ chức để xử lý các vấn đề chuyên môn có liên quan, nhất là đối với hoạt động nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách, đánh giá trong lĩnh vực KH&CN. Thông tin thống kê theo các tiêu chí khác nhau của hàng chục cơ quan, tổ chức khác nhau trong năm qua được Cục SHTT thực hiện và cung cấp, điển hình là các thông tin về tình trạng đăng ký, bảo hộ đối tượng SHCN và khai thác quyền SHCN.

Để hỗ trợ người dùng tin trong việc tìm hiểu và khai thác thông tin SHCN, Cục SHTT duy trì Phòng đọc tại trụ sở Cục. Người đọc không chỉ tự mình tìm kiếm thông tin SHCN mà còn được các cán bộ có kinh nghiệm trợ giúp chuyên môn cần thiết về cách thức tra cứu, tìm kiếm thông tin, khai thác các cơ sở dữ liệu thông tin SHCN hiện có tại Cục như: Cơ sở dữ liệu sáng chế (Orbit của Questel và Patbase của Minesoft) và cơ sở dữ liệu phi sáng chế (Cơ sở dữ liệu về khoa học y, dược - HINARI; khoa học nông nghiệp - AGORA và khoa học về môi trường - OARE; cơ sở dữ liệu công bố ARDI của WIPO hay VISTA của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia). Năm 2014, Phòng đọc của Cục SHTT đã phục vụ hàng trăm lượt bạn đọc trong và ngoài Cục, đồng thời cung cấp hàng nghìn trang tài liệu tham khảo, tài liệu kỹ thuật dưới dạng bản mô tả sáng chế, kể cả các sáng chế được cấp bằng mới nhất (khi chưa được số hóa và đưa lên Thư viện số về bằng sáng chế của Việt Nam để khai thác). Các thông tin mới nhất này rất hữu ích cho các nhà khoa học và doanh nghiệp trong đánh giá về tình trạng kỹ thuật của lĩnh vực nghiên cứu và quan trọng hơn là việc đánh giá khả năng ứng dụng, thương mại hóa nhằm định hướng và phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

3

Phát triển cơ sở dữ liệu và hoàn thiện công cụ tra cứu sở hữu công nghiệp

Tăng cường cơ sở dữ liệu thông tin SHCN là định hướng nhằm phát triển cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ công tác xác lập, khai thác và bảo vệ quyền SHCN của Cục và của toàn xã hội. Nhiều nhiệm vụ liên quan đến xây dựng, và khai thác cơ sở dữ liệu thông tin SHCN phục vụ các hoạt động rất đa dạng hiện nay, điển hình là hỗ trợ các cơ quan thực thi quyền SHTT thông qua sử dụng hoặc liên kết vào cơ sở dữ liệu của Cục trong khuôn khổ dự án hợp tác với Nhật Bản (Dự án Tăng cường năng lực thực thi quyền SHTT của Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA)), hỗ trợ hoạt động giám định SHCN của Viện Khoa học Sở hữu trí tuệ thông qua cập nhật thường xuyên cơ sở dữ liệu thông tin SHCN của Cục...

Việc cập nhật và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin SHCN của Việt Nam và nước ngoài được thực hiện thường xuyên. Trong năm 2014, Cục SHTT đã bổ sung trên 1.400 bản mô tả sáng chế/giải pháp hữu ích của Việt Nam đã được cấp bằng và 534.124 bản mô tả sáng chế/giải pháp hữu ích của nước ngoài trên đĩa CD-ROM tiếp nhận từ các cơ quan SHTT nước ngoài và quốc tế; Tiếp nhận và đưa vào khai thác Công báo SHCN, tạp chí về SHCN của nhiều nước trên thế giới. Bên cạnh đó, toàn bộ bản mô tả sáng chế được cấp bằng năm 2013 với trên 35.000 trang đã được số hóa và cập nhật vào Thư viện số về bằng sáng chế của Việt Nam tại địa chỉ <http://digipat.noip.gov.vn>. Các cơ sở dữ liệu thông tin sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu của Việt Nam thường xuyên được cập nhật để khai thác tại Thư viện điện tử SHCN.

Công tác phân loại SHCN trong năm 2014 gắn với việc cập nhật và phát triển phân loại hàng hóa và dịch vụ để sử dụng trong đăng ký nhãn hiệu ở Việt Nam và khu vực. Bên cạnh việc Việt hóa Bảng phân loại quốc tế hàng hóa/dịch vụ Ni-xơ phiên bản 10 đối với những sửa đổi, bổ sung năm 2013-2014 để công bố để áp dụng (Thông báo số 9694/TB-SHTT ngày 19/11/2014), trong khuôn khổ hợp tác giữa các nước ASEAN Cục SHTT còn triển khai Danh mục hàng hóa, dịch vụ đặc thù của Việt Nam để tích hợp vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ đặc thù của ASEAN theo phân loại của Bảng phân loại hàng hóa/dịch vụ Ni-xơ nhằm giúp người nộp đơn trong khu vực dễ dàng thực hiện phân loại trong đăng ký nhãn hiệu.

2

Provision of industrial property information

The provision of industrial property information at the request of individuals, organizations and information users throughout the country has been demonstrably successful. Patent information is an important source for innovation and creativity in enterprises, and for the development of production. However, this requires a high level of expertise. In 2014, 75 requests submitted directly to NOIP for patent information searches by businesses and organizations in various technical fields and different technologies were answered. Patent information is a valuable source and important reference for agencies and organizations for different tasks, especially for research activities, policy-making and scientific and technological assessment and evaluation. Multi-criteria statistics on industrial property activities of a series of agencies and organizations was also made and provided by NOIP in the past year, specifically those on registration, protection and exploitation of industrial property rights.

In order to support users in further understanding and exploiting industrial property information, NOIP maintains a reading room at its headquarters where readers can conduct searches by themselves or seek support from experienced staff on how to conduct searches, and look for needed information as well as use commercial industrial property information databases available at the Office, such as: Patent databases (Questel Orbit and Patbase of Minesoft databases) or non-patent databases (the Medical Sciences, the Access to Research in Health Programme - HINARI, the Access to Global Online Research in Agriculture - AGORA, the Online Access to Research in the Environment - OARE, the Access to Research for Development and Innovation of WIPO (ARDI) and VISTA of the National Agency for Science and Technology Information). In 2014, the NOIP's reading room served hundreds of clients inside and outside the Office, provided thousands of reference pages and patent documentation, including newly granted patents (that have not yet been digitized and updated to the DigiPat for public use). Such current information should be very helpful for scientists and businesses in assessing the state of the art technical solutions, and more importantly, in evaluating the potential of the application and commercialization of generated technologies for the orientation of production and business.

3

Development of industrial property databases and improvement of searching tools

It is the Office's developmental orientation to strengthen the industrial property databases in order to upgrade the industrial property information infrastructure to serve the industrial property establishment, to allow NOIP to utilize and protect industrial property rights and to benefit the public. There have been several projects on the development of industrial property databases and exploitation of industrial property information serving various activities, including: support for the enforcement of industrial property rights by use of or linking to NOIP's databases under the framework of the Project on "Enhancing the capacity for intellectual property enforcement in Viet Nam" funded by JICA or support for assessment activities of the Viet Nam Intellectual Property Research Institute (VIPRI) by regularly providing databases to them.

The updating and management of Vietnamese and foreign industrial property databases have been properly maintained. In 2014, NOIP supplemented 1,400 Vietnamese patent/utility solution descriptions and 575,626 foreign patent/utility solution descriptions on CD-ROMs from foreign Intellectual Property Offices, received and put into use of Industrial Property Gazettes and Industrial Property Magazines from many countries over the world. Furthermore, all descriptions of granted patents in 2013 with over 35,000 pages were digitized and added to the Vietnamese Digital Patent Library (DigiPat) at <http://digipat.noip.gov.vn>. Databases of inventions, industrial designs and trademarks of Viet Nam were periodically updated for use on the IPLib.

The industrial property classification in 2014 was implemented in association with the updating and development of the list of goods and services for trademark registration in Viet Nam and in the region. Further to Vietnamization of the 10th Nice Classification, as amended in 2013 and 2014, to publish for application (under Notification No. 9694/TB-SHTT of 19 November 2014), under the cooperation framework of ASEAN countries, NOIP also developed the Vietnamese list of ethnic goods that will be integrated into the ASEAN list of ethnic goods in accordance with the list of goods and services under the Nice Classification to facilitate the classification in trademark registration of region's applicants.



4

Ứng dụng công nghệ thông tin

Hệ thống công nghệ thông tin của Cục SHTT hiện nay về cơ bản đáp ứng được nhu cầu quản trị việc tiếp nhận và xử lý đơn đăng ký SHCN tại Việt Nam. Tuy nhiên, đây là hệ thống được xây dựng và phát triển dựa trên 2 dự án do Chính phủ Nhật Bản tài trợ dưới hình thức chuyển giao kỹ thuật của Cơ quan Sáng chế Nhật Bản (JPO) từ năm 2000 đến năm 2009. Các yếu tố của hệ thống công nghệ thông tin nhờ đó có sự phát triển và vận hành đáp ứng một cách cơ bản nhu cầu về quản trị hoạt động đăng ký quyền SHCN hiện nay (trang thiết bị được tăng cường, dữ liệu cơ bản đã được tập trung và chuẩn hóa, quy trình và công nghệ xử lý đơn được tự động hóa). Tuy nhiên, hệ thống công nghệ thông tin của Cục sau hơn 10 năm khai thác đã lạc hậu nên năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký quyền SHCN bộc lộ nhiều bất cập, không đáp ứng được yêu cầu hiện nay. Thậm chí, nhiều chức năng quản trị trong xác lập quyền SHCN chưa được xây dựng hoặc chưa hoàn thiện và hoạt động chưa đầy đủ, chưa ổn định. Vấn đề

này ngày càng trở nên bức thiết bởi sự phát triển khá nhanh của hoạt động xác lập quyền SHCN trong thời gian qua (tăng trưởng khoảng 5-10%/năm) và tính phức tạp của việc xử lý đơn đăng ký cũng như nhu cầu khai thác hệ thống ngày càng phức tạp (nhu cầu đa dạng về dữ liệu, dữ liệu cần được chuẩn hóa theo các chuẩn hiện đại để dàng tích hợp vào các hệ thống công nghệ thông tin khác nhau...). Thực tiễn của các cơ quan SHCN trên thế giới cho thấy hiệu quả hoạt động phụ thuộc rất lớn vào năng lực của hệ thống công nghệ thông tin, trước tiên là hệ thống quản trị đơn đăng ký SHCN. Chính vì vậy, Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ đã quan tâm và tạo điều kiện để Cục SHTT xây dựng Dự án "Hệ thống thông tin tích hợp" nhằm hiện đại hóa một cách căn bản hệ thống công nghệ thông tin của Cục. Việc triển khai thành công Dự án này không chỉ tăng cường đáng kể năng lực hoạt động của Cục SHTT mà còn của cả hệ thống SHTT Việt Nam, qua đó đóng góp tích cực hơn nữa vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

4

Utilization of information technology

Although the Office's information technology (IT) system was developed by two projects funded by the Government of Japan in the form of technology transfer from the Japan Patent Office (JPO) in the period of 2000 - 2009, currently, the system is basically meeting the needs of administration of receiving and handling IP applications in Viet Nam. Thanks to those projects, the components of the IT system were developed and are operating well, meeting basic needs of the current administration of IP registration activities of the Office (under such projects, facilities were provided, basic databases were gathered and standardized, and application handling was automated). However, after 10 years of operation, the IP system is becoming outdated, leading to the limited utilization of information technology in the handling and registration of IP applications, and failing to meet the current actual needs. Some modules in the IP administration system have not yet been fully developed, or are incomplete, non-

functional or non-operational. These matters have been getting more urgent and serious due to the recent high demand for industrial property rights registration (with a growth rate of 5 to 10% per year), the complication of industrial property application handling, the growing and diversified needs for the IT system (diverse needs of databases, data standardization in accordance with modern standards for easy integration into different IT systems). The fact shows that the performance of industrial property offices, in particular, the industrial property administration system greatly depends on the efficiency of IT systems. Therefore, upon the proposal of NOIP, the Ministry of Science and Technology approved a Project titled, "the Integrated Information System" to modernize the entire IT system of the Office. The successful implementation of this Project will not only substantially strengthen the operational capacity of NOIP, but the entire IP system of Viet Nam, thereby contributing more effectively to the socio-economic development of the country.



Hỗ trợ và tư vấn luôn được Cục SHTT quan tâm và thực hiện dưới nhiều hình thức để thúc đẩy các hoạt động SHTT của cả nước, nhất là tăng cường chất lượng của các hoạt động này. Các hoạt động SHTT ngày càng đa dạng và phức tạp, đòi hỏi việc hỗ trợ tư vấn triển khai một cách chuyên nghiệp và sáng tạo. Có thể nói rằng, hầu hết các đơn vị chuyên môn của Cục SHTT ngoài xử lý công việc thường xuyên của mình đều tham gia công tác hỗ trợ, tư vấn. Mọi câu hỏi, thắc mắc, đề nghị của người nộp đơn là cá nhân hay tổ chức đều được các đơn vị chuyên môn trao đổi, giải thích, hướng dẫn, và đã được đáp ứng một cách cơ bản. Người nộp đơn và những người có nhu cầu xác lập quyền SHCN có thể đến Phòng Đăng ký để được hướng dẫn về thủ tục nộp đơn. Việc thu thập thông tin SHCN có thể được đáp ứng tại Phòng đọc của Cục. Tương tự như vậy, những thắc mắc và đề nghị của người nộp đơn trong quá trình xử lý đơn được thẩm định viên và lãnh đạo các phòng thẩm định hướng dẫn, giải thích và giải đáp một cách cơ bản.

Việc hỗ trợ, tư vấn cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp được thực hiện tại các sự kiện mà Cục tham gia. Đặc biệt, trong các hội nghị, hội thảo, tọa đàm... những người tham dự luôn nhận được những tư vấn phù hợp và được hỗ trợ những thông tin cần thiết liên quan đến các hoạt động SHTT của mình.

Đặc biệt, trong Tuần lễ "Sở hữu trí tuệ thúc đẩy đổi mới sáng tạo" nhân Ngày SHTT thế giới, Cục SHTT đã tổ chức Bàn hỗ trợ, tư vấn xác lập quyền sở hữu công nghiệp miễn phí cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu. Bàn tư vấn được tổ chức trong 5 ngày từ ngày 21-25/4/2014 tại 3 điểm: Trụ sở Cục SHTT, 2 Văn phòng đại diện Cục SHTT tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Tại đây, các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sẽ được giải đáp các thắc mắc, đồng thời được hỗ trợ trực tiếp về trình tự, thủ tục nộp đơn đăng ký các đối tượng SHCN. Chuyên viên của Cục SHTT đồng thời cung cấp thông tin về tình trạng đơn đã nộp và cách thức khắc phục các thiếu sót của đơn, v.v... Để việc tư vấn và hỗ trợ có hiệu quả, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có câu hỏi hoặc cần giải đáp các thắc mắc liên quan đến trình tự, thủ tục xác lập quyền SHTT có thể trực tiếp đến hoặc điện thoại, gửi thư điện tử trước tới trụ sở Cục hoặc các Văn phòng đại diện. Ngoài ra, tại Bàn tư vấn, Cục SHTT còn cung cấp các tài liệu tuyên truyền, hướng dẫn về các vấn đề liên quan đến SHTT do Cục SHTT phát hành.

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Thời gian qua, tuy Cục SHTT chưa đầu tư được nhiều cho công tác hỗ trợ, tư vấn do điều kiện về nguồn nhân lực còn hạn chế, song đã định hình được nhu cầu và từng bước đáp ứng nhu cầu của xã hội. Cục SHTT xác định rõ ràng về chính sách đẩy mạnh các hoạt động phát triển tài sản trí tuệ trong xã hội nhằm khai thác hiệu quả hơn nữa quyền SHTT, qua đó đóng góp một cách tích cực vào sự phát triển chung của kinh tế - xã hội đất nước. Chính vì vậy, thời gian tới Cục SHTT sẽ dành nhiều ưu tiên cho các hoạt động hỗ trợ và tư vấn, trước tiên là của các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp, trong đó Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ sẽ đóng một vai trò quan trọng.

Công tác tổ chức triển khai Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ (Chương trình 68)

Với sự chỉ đạo sát sao của Bộ Khoa học và công nghệ, sự phối hợp tích cực của các Bộ, ban ngành và các địa phương, Cục SHTT đang triển khai những năm cuối của Chương trình 68 giai đoạn 2011-2015 một cách khẩn trương theo mục tiêu, nội dung, kế hoạch được phê duyệt và đã thu hút được sự quan tâm, tham gia tích cực của cộng đồng, nhất là doanh nghiệp. Chương trình 68 đã góp phần khẳng định quyền SHTT thực sự là công cụ hữu ích để thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu và triển khai hướng đến sự phát triển bền vững của cả nước. Năm 2014 đặc biệt quan trọng với Chương trình vì là năm tăng tốc để tổng kết, kết thúc giai đoạn 2 và xem xét việc đề xuất giai đoạn 3, 2016-2020.

Kết quả thực hiện các nội dung Chương trình

Số liệu thống kê tính đến hết năm 2014, các kết quả được tổng hợp như sau: Trong số 620 dự án đề xuất hỗ trợ từ các cơ quan, đơn vị, địa phương thì 326 dự án thuộc danh mục được phê duyệt để tuyển chọn cho triển khai. Số lượng các dự án thực tế được hỗ trợ triển khai là 213, cụ thể như sau:



SUPPORT FOR INTELLECTUAL PROPERTY ASSETS DEVELOPMENT

1

Support and consultation activities

Support and consultation have been paid much attention by NOIP and conducted in various forms with a view to promoting IP activities over the country, especially to enhancing the quality of these activities. The IP activities are now more and more diverse and complex, so that the support and consultation should be made in professional and creative manners the requirements. It could be said that almost of NOIP's bodies are involved in support and consulting activities further to their regular jobs. Any question, inquiry or proposal of applicants or individuals, organizations will be justified, responded and explained satisfactorily. Moreover, applicants and stakeholders may contact with NOIP's Registration Office for guidance on the procedures for IP registration or to the Reading Room for other IP information. Similarly, examiners or their leaders may also have adequate responses to other inquiries or comments from applicants on application handling.

In 2014, the support and consultation to individuals, organizations and businesses were also made in events organized and managed by the Office. In those conferences, workshops or seminars, participants were able to receive direct consultation and information relevant to their IP activities.

In particular, during the Innovation Week to celebrate the World IP Day, NOIP established IP Helpdesks to provide free support and consultation on issues related to the establishment of industrial property rights. The Helpdesks were maintained for 5 days (from 21 to 25 April 2014) at the NOIP's premises in Ha Noi and its Branch Offices in Da Nang and Ho Chi Minh City. With these Helpdesks, applicants were provided answers to all questions, and were supported directly with information on the process and procedures for the registration of industrial property subject matters. NOIP's staff would also provide information on the status of

pending applications and the ways to overcome specific shortcomings in those applications, if any. Furthermore, for effective and timely support and consultation, any business, organization or individual facing difficulties with the order and procedures for the establishment of IP rights were directed to come to the Office, make phone calls, or send e-mail to the Office or its branch offices for information and responses. The Helpdesks were also tabled with IP materials and guidelines on various topics published by NOIP.

Although NOIP has not invested much in the support and consultation activities due to limited resources, the needs of society have been identified and gradually addressed over the past years. Furthermore, NOIP has been developing policies and measures for promoting the development of IP assets in society in order to exploit IP rights more effectively for the socio-economic development of the whole country. Therefore, in the future, NOIP will emphasize its priorities over support and consulting activities, targeting universities, institutions and enterprises, in which Program 68 will play an important role.

2

Implementation of the National Program on Supporting Development of Intellectual Property assets (Program 68)

Under the close guidance of the Ministry of Science and Technology and with the active collaboration of Ministries, agencies and local authorities, Program 68 has been properly implemented in the final years of the 2011 - 2015 period in accordance with the approved objectives, contents and work-plans that has drawn the close attention and active participation of the IP community in general and businesses in particular. Program 68 helps to confirm that IP is a useful tool to promote production, trading, research and development activities, for the sustainable development of the country. Especially, the year of 2014 was very important because it was the transitional year for evaluation and conclusion of the 2nd phase, and preparation for the 3rd phase of the Program (2016 - 2020).

Implementation results of Program 68

According to the statistics, by the end of 2014, the implementation of the Program results has achieved the following results: 620 projects have been filed to seek support of the Program by agencies, institutions and localities, in which 326 were approved for implementation. However, the actual numbers of projects received supports for implementation were 213, as follows:



(i) Phân loại theo nhóm dự án

STT	Loại dự án	Số lượng dự án được hỗ trợ triển khai	Tỷ lệ/tổng số dự án được phê duyệt (%)
1	Nhóm dự án xác lập, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm đặc thù của địa phương mang địa danh	110	51,64
2	Nhóm dự án đào tạo, phổ biến kiến thức về khoa học, công nghệ và sở hữu trí tuệ	81	38,03
3	Nhóm dự án áp dụng sáng chế, kết quả nghiên cứu khoa học	11	5,16
4	Nhóm dự án xây dựng và vận hành “Tổ chức Sở hữu trí tuệ trong các trường đại học, viện nghiên cứu”	7	3,29
5	Nhóm dự án khai thác thông tin và tăng cường thực thi quyền sở hữu trí tuệ	4	1,88
Tổng cộng		213	100

(ii) Phân loại theo đơn vị chủ trì

Tổng số các đơn vị chủ trì thực hiện 213 dự án là 180 đơn vị do một số đơn vị được phê duyệt chủ trì nhiều hơn 1 dự án, cụ thể như sau:

STT	Loại đơn vị được giao chủ trì thực hiện dự án thuộc Chương trình 68 giai đoạn 2011-2015	Số lượng	Tỷ lệ/tổng số đơn vị chủ trì (%)
1	Trung tâm Ứng dụng KH&CN thuộc Sở KH&CN	66	36,67
2	Sở Khoa học và Công nghệ	30	16,67
3	Doanh nghiệp	28	15,56
4	Đài truyền hình địa phương	17	9,44
5	Ủy ban nhân dân cấp huyện	11	6,11
6	Hội, hiệp hội	10	5,56
7	Viện nghiên cứu, ứng dụng	8	4,44
8	Cơ sở giáo dục, đào tạo	6	3,33
9	Chi cục thuộc Sở KH&CN	3	1,67
10	Tạp chí	1	0,56
Tổng cộng		180	100



(i) Projects classified by category

No.	Project categories	Number of projects supported for implementation	Percentage of approved projects (%)
1	Projects on the establishment, management and development of intellectual property for origin-linked products of localities	110	51.64
2	Projects in the training and dissemination of technological and scientific, and IP knowledge	81	38.03
3	Projects on the application of patented inventions and research results	11	5.16
4	Projects on the development and operation of "IP Office in universities and institutions"	7	3.29
5	Projects of the exploitation of IP information and IP rights enforcement	4	1.88
Total		213	100

(ii) Project classified by implementing agencies

There were 180 implementing agencies of 213 approved projects, some of them were authorized to implement more than one project, as follows:

No.	Implementing agencies of the Program's projects in 2011-2015	Quantity	Percentage of implementing agencies (%)
1	Centers for Scientific and Technological applications (under the provincial Departments of Science and Technology)	66	36.67
2	The provincial Departments of Science and Technology	30	16.67
3	Businesses	28	15.56
4	Local television stations	17	9.44
5	The district people's committees	11	6.11
6	Associations/Societies	10	5.56
7	Research and development institutions	8	4.44
8	Education and training institutions	6	3.33
9	Offices for Standards, Metrology and Quality (under the provincial Departments of Science and Technology)	3	1.67
10	Magazines	1	0.56
Total		180	100



Từ thống kê trên dễ dàng nhận thấy, các loại hình đơn vị chủ trì thực hiện dự án thuộc Chương trình 68 giai đoạn 2011-2015 đã có sự thay đổi đáng kể. Nếu như đơn vị chủ trì thuộc Chương trình 68 giai đoạn 2005-2010 chủ yếu là các Sở Khoa học và Công nghệ (chiếm trên 80%) thì trong giai đoạn hiện nay, các đơn vị chủ trì dự án khá đa dạng về loại hình và đến từ nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau. Điều này cho thấy Chương trình đã có sự lan tỏa mạnh tới các ngành nghề, lĩnh vực của đời sống xã hội, cũng như tới các địa phương. Công tác tổ chức triển khai Chương trình 68 giai đoạn 2011-2015 về cơ bản bảo đảm theo nội dung Chương trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Đánh giá về hiệu quả kinh tế - xã hội của Chương trình 68

Chương trình Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011-2015 được triển khai đã có những tác động tích cực, tạo ra giá trị gia tăng và hiệu quả đối với đời sống kinh tế - xã hội của Việt Nam, thể hiện qua một số phương diện sau:

- Chương trình góp phần đưa hoạt động SHTT tới mọi miền tổ quốc, xã hội hóa công tác đầu tư cho hoạt động bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ

SHTT là lĩnh vực đặc thù và thường phát sinh từ các hoạt động sáng tạo, có mối quan hệ chặt chẽ với hoạt động nghiên cứu khoa học và sản xuất, kinh doanh. Với đặc thù như vậy, hoạt động SHTT sôi động chủ yếu ở các tỉnh, thành phố lớn, nhất là ở các nơi tập trung và phát triển

hoạt động khoa học và công nghệ, công nghiệp và thương mại. Chương trình 68 được triển khai đã tạo ra một cơ hội cho hoạt động SHTT tại các địa bàn nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Đến nay tất cả 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tham gia và có dự án được hỗ trợ từ Chương trình 68.

Từ mô hình của Chương trình 68, 30 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã chủ động xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình phát triển tài sản trí tuệ của mình, bằng nguồn kinh phí tự huy động đối với các sản phẩm, dịch vụ của mình, bao gồm: Bến Tre, Bình Định, Bình Phước, Bình Thuận, Cần Thơ, Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đắk Lắk, Đồng Nai, Đồng Tháp, Khánh Hòa, Long An, Lâm Đồng, Nam Định, Ninh Bình, Phú Yên, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Sóc Trăng, Thừa Thiên - Huế, Tiền Giang, Tây Ninh, Vĩnh Long, Vĩnh Phúc và Yên Bái.

- Chương trình 68 giúp nâng cao nhận thức và thúc đẩy hoạt động sáng tạo một cách khá sâu rộng

Chương trình 68 được triển khai đã có tác động không nhỏ trong việc nâng cao nhận thức của các cấp, ngành và cả cộng đồng về SHTT. Các dự án tuyên truyền, phổ biến kiến thức về SHTT được triển khai, duy trì thường xuyên, liên tục và có chiều sâu trên các phương tiện thông tin đại chúng nhiều năm đã tạo nên sự chuyển biến tích cực trong nhận thức.



The statistics show a considerable change in implementing agencies on projects supported by the Program 68 during the period of 2011 - 2015. In the period of 2005 - 2010, the implementing agencies of projects under the Programs mainly were the provincial Departments of Science and Technology (accounting for more than 80%), however, in this phase, it is diverse types of agencies and/or institutions, coming from a variety of fields acting as implementing agency. This proves a wide spread out of the Program over industries and fields of the society as well as to localities. The implementation of the Program during the period of 2011 - 2015 has closely followed the objectives and contents as approved by the Prime Minister.

The social and economic implications of Program 68

The National Program for Supporting Development of Intellectual Property Assets (period of 2011 - 2015) has been producing positive results, generating added values and promoting the efficiency of the socio-economic development of Viet Nam. Outstanding examples among these positive results are:

- Program 68 has contributed to spreading IP activities throughout the country and socializing investments in the protection and development of intellectual property

Intellectual property is a special field and often generated from creative and innovative activities that have close ties to scientific research, production and business activities. With these characters, IP activities are mainly stimulated in big provinces and cities, especially in centers of science, technology, industry and trade throughout the country. Therefore, Program 68 was set up with a view to providing

opportunities for IP activities in rural and remote areas. So far, all 63 provinces and cities under the Central Government have been involved in projects in Program 68.

Based on the Program's model, 30 provinces and cities under the Central Government have developed for approval and implemented their own Programs for Supporting Development of IP Assets by mobilized funding to support products and services in those localities, including: Ben Tre, Binh Dinh, Binh Phuoc, Binh Thuan, Can Tho, Ha Noi, Ho Chi Minh City, Hai Phong, Dak Lak, Dong Nai, Dong Thap, Khanh Hoa, Long An, Lam Dong, Nam Dinh, Ninh Binh, Phu Yen, Quang Binh, Quang Nam, Quang Ngai, Quang Ninh, Soc Trang, Thua Thien - Hue, Tien Giang, Tay Ninh, Vinh Long, Vinh Phuc and Yen Bai.

- Program 68 has contributed to raising awareness and promoting creative activities extensively

The implementation of Program 68 has generated significant impacts in raising awareness at all levels, within industries and the wider community on IP rights. Projects on communication and dissemination of IP knowledge implemented regularly and intensively for years in the mass media have produced positive changes in the public perception of these issues.

By the end of 2014, Program 68 (in the period of 2011 - 2015) has supported 78 projects on IP for broadcasting on television stations in 49 provinces and cities, with around 2,500 programs that are considered an effective and efficient channel of communication for the diffusion of intellectual property information to the general public, to those working in industry, in numerous research and scientific fields and to the various regions of the country.



Gian hàng của Văn phòng Chương trình 68 tại Triển lãm quốc tế Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, Hà Nội ngày 9/9/2014

The pavilion of Program 68 at the International GI Exhibition, in Ha Noi, on September 9, 2014



Tính đến hết năm 2014, Chương trình 68 (giai đoạn 2011 - 2015) đã hỗ trợ để triển khai 78 dự án tuyên truyền về SHTT trên đài truyền hình của 49 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với gần 2.500 lần phát sóng nhằm tuyên truyền, phổ biến kiến thức về SHTT. Đây là một kênh truyền tải, một phương thức truyền bá hữu hiệu về SHTT đến mọi miền của tổ quốc, mọi đối tượng, mọi lĩnh vực và ngành nghề.

- Chương trình 68 huy động sự tham gia của đông đảo các nhà sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp

Thông qua các dự án của Chương trình, gần 50 tổ chức tập thể đã được thành lập dưới hình thức hội/hiệp hội các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm. Đây được coi là sự tập hợp sức mạnh, huy động nguồn lực của xã hội để cùng phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần vào việc thực hiện chính sách xây dựng nông thôn mới của Nhà nước. Một số tổ chức tập thể điển hình đã được thành lập như: Hội sản xuất và kinh doanh nước mắm Phú Quốc, buổi Đoàn Hùng, hồi Lạng Sơn, chè Shan tuyết Mộc Châu, chè Tân Cương, vải thiều Thanh Hà, cà phê Buôn Ma Thuột, hoa Đà Lạt...

- Chương trình 68 góp phần nâng cao chất lượng, đảm bảo nguồn gốc xuất xứ và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm của địa phương nói riêng, của Việt Nam nói chung để phát triển bền vững

Các sản phẩm được bảo hộ quyền SHTT khi đưa ra thị trường đòi hỏi phải được kiểm tra, quản lý chất lượng và đáp ứng các tiêu chuẩn về mẫu mã, tem nhãn theo quy trình nghiêm ngặt, do đó đảm bảo chất lượng của sản phẩm ổn định, nhất là các tính chất đặc thù, nổi trội, cũng như nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm. Ví dụ, nước mắm Phú Quốc đã được quản lý chặt chẽ, bảo đảm chất lượng đặc thù của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý vì sản phẩm hiện nay chỉ được sản xuất và đóng chai tại huyện đảo Phú Quốc thay vì đưa sản phẩm về Thành phố Hồ Chí Minh đóng chai như trước đây.

Qua khảo sát thực địa của các Hội đồng nghiệm thu dự án trong Chương trình 68 năm 2012-2014 và báo cáo của các đơn vị sản xuất và kinh doanh sản phẩm, cũng như của địa phương cho thấy:

- + Giá bán sản phẩm cam Vinh đã tăng hơn 50% sau khi chỉ dẫn địa lý được đăng bạ và quản lý;
- + Giá bán sản phẩm chè Mộc Châu có bao bì mang chỉ dẫn địa lý cao hơn từ 1,7 đến 2 lần so với các sản phẩm cùng loại không có bao bì;
- + Sản phẩm chè Tân Cương có bao bì mang chỉ dẫn địa lý có giá bán cao hơn khoảng 1,5 lần so với các sản phẩm cùng loại không dùng bao bì này. Đặc biệt, hệ thống tem nhãn chỉ dẫn địa lý đã được công ty chè Hoàng Bình - một công ty chè lớn của tỉnh Thái Nguyên - sử dụng rất hiệu quả;
- + Đối với gạo nếp cái hoa vàng Kinh Môn - Hải Dương, 1 kg gạo đóng trong bao bì mang nhãn hiệu tập thể được bán với giá 27.000 VNĐ/kg, trong khi gạo cùng loại không được đóng trong bao bì này chỉ bán được với giá 22.000 VNĐ/kg;
- + Sản phẩm su su Sa Pa, sau khi có nhãn hiệu tập thể được bảo hộ đã được các đối tác từ Trung Quốc yêu cầu đóng bao bì và gắn logo nhãn hiệu tập thể vào trước khi xuất khẩu. Đây là tín hiệu tích cực vì từ trước đến nay, đối tác Trung Quốc hầu như chỉ nhập khẩu sản phẩm thô không nhãn mác;
- + Tương tự như vậy, giá bán cam Cao Phong đã tăng gần 50% sau khi công bố chỉ dẫn địa lý được bảo hộ.

- Chương trình 68 góp phần đưa các kết quả nghiên cứu, sáng chế vào ứng dụng trong thực tiễn đời sống, phục vụ lợi ích của cộng đồng

Qua hơn 2 năm thực hiện Chương trình 68 (giai đoạn 2011-2015), có 11 dự án về áp dụng sáng chế, kết quả nghiên cứu khoa học được phê duyệt cho triển khai. Việc triển khai các dự án này đã góp phần vào thực hiện chủ trương của Bộ Khoa học và Công nghệ về tăng cường các giải pháp áp dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn đời sống xã hội.

Chương trình 68 như một cầu nối các tác giả sáng chế với các nhà đầu tư để thương mại hóa sáng chế, góp phần tích cực trong việc hình thành thị trường khoa học công nghệ, các vườn ươm và hệ thống doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- *Program 68 has encouraged the participation of a large number of producers and businesspersons, especially in the agricultural sector*

By implementation of the Program's projects, there have been 50 collective organizations established in the form of producers and business societies/associations. These are considered as examples of collective power and mobilized resources for promoting production and business activities, contributing to the implementation of the rural development policy of the State. Some typical collective organizations are as follows: the Phu Quoc Fish Sauce Association, the Association of Doan Hung grapefruit, the Lang Son Star Anise Association, Shan Tuyet Moc Chau tea producers, Tan Cuong tea producers, the Thanh Ha Lychee Production and Commercialization Association, the Buon Ma Thuot Coffee Association and the Da Lat Flower Association.

- *Program 68 has contributed to improving the quality, guaranteeing the origin and enhancing the competitiveness of local products, in particular and Viet Nam in general towards the sustainable development*

IP-protected products sold in the market are required to have quality controlled and guaranteed, as well as to meet the packaging and labeling requirements under a strict process, thus ensuring the stable qualities of products, especially their special and outstanding characteristics, and origins. For example, Phu Quoc fish sauce is under a strict management process to ensure the specific quality of the GI-protected product, under which the fish sauce is only produced and bottled right on Phu Quoc Island, instead of bottling in Ho Chi Minh City as was previously done.

It has been shown from fieldwork by the Checking and Acceptance Boards of projects under Program 68 over the years of 2012 - 2014 and reports made by products producers and traders and local authorities that:

+ The price of Vinh oranges has gone up 50% since the GI was protected and managed;

+ The price of Moc Chau tea with packages bearing the geographical indication has gone up 1.7 times to twice that of the same products without GI packages;

+ Tan Cuong tea with packages bearing the geographical indication is priced at 1.5 times higher than the same products without this package. In particular, Hoang Binh - a large tea company in Thai Nguyen province has effectively exploited the labeling system by using the geographical indication;

+ For the collective mark Kinh Mon hoa vang (yellow flowers) for sticky rice (Hai Duong province), 1 kg of rice contained in packages with the collective mark is priced at VND 27,000; while the same product without such packaging is sold at VND 22,000 per kg;

+ For Sa Pa chayote, since the collective mark was protected, Chinese trading partners have requested the use of the protected collective mark on packages for export products. This is a positive sign since previously only raw materials without labels were imported;

+ Similarly, the price of Cao Phong oranges has increased by around 50% since the geographical indication was protected.

- *Program 68 has contributed to applying research results and patents to the practice for the people's benefits*

After more than 2 years of implementation of Program 68 (2011 - 2015), 11 projects on application of patents and research results have been approved for implementation. The implementation of these projects has been contributed to achieving the policies of the Ministry of Science and Technology on enhancing the application of research results into daily life.

It can be said that Program 68 linked inventors with investors to help commercialize inventions, actively contributing to developing the science and technology market, and helped incubators and scientific and technological enterprises.



1

Giải quyết đơn khiếu nại, hủy bỏ hiệu lực và chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ

Năm 2014, công tác giải quyết khiếu nại về xác lập quyền SHCN được thực hiện nghiêm túc, thường xuyên hướng đến đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội. Trong xu thế gia tăng không nhỏ các đơn xác lập quyền SHCN, Cục SHTT đã tiếp nhận 1.362 đơn khiếu nại các loại liên quan đến các đối tượng SHCN khác nhau, trong đó khiếu nại về nhãn hiệu là 1.292 đơn, kiểu dáng công nghiệp - 23 đơn, và sáng chế/giải pháp hữu ích - 43/4 đơn. Trong năm 2014, 706 đơn khiếu nại hợp lệ đã được giải quyết. Chất lượng giải quyết đơn khiếu nại ngày càng được cải thiện. Cụ thể, trong tổng số các đơn khiếu nại đã được giải quyết của năm 2014 chỉ có 74 trường hợp người khiếu nại không chấp nhận Quyết định giải quyết khiếu nại của Cục (chiếm 0,86%) và tiếp tục khiếu nại lên Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện ra Tòa Hành chính.

Bên cạnh đó, Cục SHTT nhận được 178 đơn đề nghị chấm dứt hiệu lực và 164 đơn đề nghị hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, trong đó có 86 đơn đề nghị hủy bỏ hiệu lực và 102 đơn đề nghị chấm dứt hiệu lực hợp lệ đã được giải quyết, tăng hơn hai lần so với năm 2013.

2

Công tác phối hợp trong thực thi quyền sở hữu công nghiệp

Cục SHTT tham gia bằng nhiều hình thức vào các hoạt động thực thi quyền SHTT, cụ thể:

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trong khuôn khổ Ban chỉ đạo 389/TW và hỗ trợ cung cấp ý kiến chuyên môn đối với những vụ bắt giữ và xử lý hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.
- Tham gia các cuộc họp của Hội Chống hàng giả, bảo vệ người tiêu dùng.
- Phối hợp với Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện 8 cuộc thanh tra đối với 8 cơ sở tại tỉnh Bắc Ninh, thành phố Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện quy định pháp luật về chỉ dẫn bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp. Để chuẩn bị tài liệu cho các cuộc thanh tra này, Cục SHTT đã tra cứu gần 4.000 Giấy chứng nhận đăng

THỰC THI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

ký nhãn hiệu của các cơ sở dự kiến thanh tra và sao chụp Đăng bạ quốc gia của 500 nhãn hiệu, các hình ảnh được bảo hộ. Qua thanh tra cho thấy, hầu hết các cơ sở đã nhận thức được sự cần thiết phải bảo hộ quyền SHCN (như đối với nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp...). Tuy nhiên, một số cơ sở chưa nhận thức đầy đủ về việc sử dụng chỉ dẫn bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp như: không sử dụng chỉ dẫn ® cho nhãn hiệu đã được cấp văn bằng bảo hộ và/hoặc sử dụng nhãn hiệu gắn lên sản phẩm mà không trùng với nhãn hiệu đã được cấp văn bằng bảo hộ nhưng lại gắn chữ ® cho nhãn hiệu được sử dụng. Trong số 8 cơ sở được thanh tra, có 1 cơ sở vi phạm các quy định về chỉ dẫn bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp và đã bị xử phạt cảnh cáo.

- Phối hợp với các cơ quan thực thi quyền SHTT trong công tác đào tạo cán bộ: Cục SHTT thường xuyên tham gia tập huấn cho các cán bộ thực thi. Chỉ tính riêng năm 2014, Cục SHTT đã phối hợp và tập huấn 19 khóa cho cán bộ của hải quan, quản lý thị trường, thanh tra, Sở Khoa học và Công nghệ, Hội Bảo vệ người tiêu dùng. Bên cạnh đó, Cục SHTT tích cực tham gia các hội nghị về thực thi quyền SHTT, điển hình như Hội nghị quốc tế Interpol về Chống buôn lậu và hàng giả tổ chức tại Hà Nội tháng 11/2014 do Bộ Công an tổ chức.
- Cung cấp ý kiến chuyên môn trong lĩnh vực SHTT để hỗ trợ các cơ quan thực thi quyền SHTT. Cục SHTT cung cấp 123 ý kiến chuyên môn theo đề nghị của các cơ quan thực thi như công an, quản lý thị trường, Sở Khoa học và Công nghệ, hải quan, trong đó 6 ý kiến liên quan đến sáng chế, 2 - giải pháp hữu ích, 106 - nhãn hiệu, và 4 - kiểu dáng công nghiệp.



INDUSTRIAL PROPERTY RIGHTS ENFORCEMENT AND APPEAL SETTLEMENT

1

Settlement of appeal, cancellation and invalidation requests

Settlement of the appeal on the establishment of industrial property rights in 2014 was taken seriously with a target of meeting the growing needs of society. In the trend of increasing filings for registration of IP rights, NOIP received 1,362 appeals related to all types of industrial property subject matters, including 1,292 appeals related to trademarks, 23 related to industrial designs, 43 and 4 related to patents and utility solutions, respectively. In which, 706 valid appeals were settled. The quality of settlement was further improved so that only 74 (accounting for 0.86%) applicants re-appealed the NOIP's decisions on appeal settlement to the Minister of Science and Technology or to the Administrative Courts.

In addition, NOIP received 178 requests for cancellation and 164 requests for invalidation of protection titles by individuals, organizations and businesses, of which 86 requests for cancellation and 102 for invalidation were settled - double the number compared to 2013.

2

Coordination of industrial property rights enforcement activities

In 2014, NOIP engaged in IP rights enforcement activities in various forms that included:

- Preparing periodical reports within the framework of the National Steering Committee

on the Prevention and Control of Smuggling, Trade Fraud and Fake Commodities (the National Steering Committee 389/TW) and providing expert advices to seizures and handling fake or IPR-infringing goods.

- Participating in meetings of the Anti-trade Frauds and Consumer Protection;
- Coordinating with the Inspectorate of Science and Technology to carry out specialized inspections in 8 establishments in Bac Ninh, Hai Phong, Ho Chi Minh City and Dong Nai on the implementation of legal provisions on the protected indication of industrial property rights. In preparation for these inspections, NOIP conducted searches on 4,000 trademark registrations of targeted establishments for inspection and duplicated registrations of 500 trademarks with protected signs. The inspections showed that most of establishments perceived well the need of protection of industrial property rights (trademarks, industrial designs, etc...); However, several were not fully aware of the use of IP protected indications, for example, not use the symbol ® for protecting trademarks, and/or use signs not identical to protected trademarks on goods but with the symbol ®. One among 8 inspected establishments was fined by warning for its violation of using the indication of protected industrial property rights.
- Coordinating with IPR enforcement agencies in training staff: NOIP regularly participated in the trainings for enforcement officers. In 2014, NOIP organized or jointly organized 19 training courses for staff of customs, market surveillance, Inspectorates, local Departments of Science and Technology and the Consumer Protection Association. Moreover, NOIP actively participated in conferences on IP rights enforcement, namely, the Interpol International Conference on Anti-Counterfeit and Anti-Smuggling, hosted by the Ministry of Public Security, in Ha Noi, on May 11, 2014.
- Providing expertise on IP-related issues in order to support IP enforcement agencies: NOIP provided 123 expert comments at the request of IP enforcement agencies (the Police, the Market Surveillance Agency, the Departments of Science and Technology, the Customs), in which, 6 on patents, 2 on utility solutions, 106 on trademarks and 4 on industrial designs.





Tọa đàm “Vai trò của sở hữu trí tuệ với sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương và chặng đường 10 năm xây dựng, phát triển văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Cục SHTT”

Roundtable on “Roles of IP in local socio-economic development and 10 years of NOIP's branch Office in Ho Chi Minh City”

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP Ở ĐỊA PHƯƠNG

1

Tổ chức bộ máy và nhân lực quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp

Năm 2014, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về SHTT ở các địa phương về cơ bản vẫn giữ như năm 2013. Trong số 63 Sở KH&CN, chỉ có 11 Sở có phòng chuyên công tác SHTT, còn lại 52 Sở thực hiện chức năng quản lý nhà nước về SHTT thông qua phòng ghép chức năng quản lý cùng với các lĩnh vực khác như quản lý công nghệ, an toàn bức xạ... Hiện nay, cả nước có tổng số 156 cán bộ đang thực hiện công tác quản lý nhà nước về SHTT tại các Sở KH&CN, bao gồm: 84 cán bộ chuyên trách và 72 cán bộ kiêm nhiệm (so với năm 2013 tăng 4 cán bộ).

2

Công tác xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn hoạt động quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp

Công tác xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn hoạt động quản lý nhà nước về SHCN vẫn

được các Sở KH&CN tiến hành thường xuyên. Năm qua đã có 42 văn bản được các Sở KH&CN tham mưu hoặc ban hành. Nội dung chủ yếu của các văn bản này là: Hoạt động hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của địa phương (Quyết định ban hành Chương trình, kế hoạch thực hiện, phê duyệt kinh phí...); quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận; quy định quản lý hoạt động sáng kiến của địa phương...

3

Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách và pháp luật về sở hữu công nghiệp

Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách và pháp luật về SHTT ngày càng được các địa phương quan tâm. Hoạt động này được thực hiện dưới nhiều hình thức: tập huấn, hội thảo, hội nghị, trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài, website...). Năm 2014, các địa phương đã tổ chức 52 cuộc hội thảo, 106 lớp tập huấn và hàng trăm lượt tuyên truyền, phổ biến kiến thức về SHTT, tăng 23,4% so với năm 2013.



ADMINISTRATION OF INDUSTRIAL PROPERTY ACTIVITIES AT LOCAL LEVELS



1

Organizational structure and human resources for the State management of industrial property at local levels

In 2014, the organization of the State management of intellectual property at local levels remained stable as 2013. There were only 11 among 63 provincial Departments of Science and Technology establishing IP divisions, the rest of 52 Departments combined functions of the state management of IP with other issues, such as technology management, radiation safety. At the time being, there were 156 persons working on the state management of IP at the Departments of Science and Technology, including 84 full-time staff and 72 part-time staff (up 4 officers than 2013).

2

Formulation and issuance of legal documents guiding the State management of industrial property

The Departments of Science and Technology have properly implemented the formulation and issuance of legal documents guiding the State management of industrial property activities. In

particular, last year, the Departments of Science and Technology issued or submitted for issuance of 42 guiding documents. The main contents of these documents included: Supports to the development of local IP assets (Decisions on approving the Programs, implementation plans and budget), regulations on the management and use of geographical indications or certification marks and regulations on management of local innovative activities, etc.

3

Dissemination and outreach activities on IP knowledge, policies and legislation

The dissemination and outreach on intellectual property knowledge, policies, and legislation have been focused on by localities through various methods such as trainings, seminars, conferences and mass media (newspapers, radio and websites). In 2014, 52 seminars/workshops and 106 trainings and hundreds of dissemination activities on IP rights were conducted at localities, up 23.4 % compared to 2013.



4

Công tác hướng dẫn xác lập, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp

Công tác hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập và bảo vệ quyền SHTT dần trở thành một trong những hoạt động trọng tâm của các Sở KH&CN. Khác với hệ thống tổ chức dịch vụ đại diện SHCN thường chỉ tập trung chủ yếu ở các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, các Sở KH&CN có ở tất cả các địa phương và là địa chỉ đáng tin cậy để các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp nhận được tư vấn chuyên môn SHTT một cách có chất lượng và kịp thời. Đối tượng SHCN được yêu cầu tư vấn nhiều nhất là nhãn hiệu (4.351 lượt), tiếp theo là kiểu dáng công nghiệp (265 lượt), sáng chế (224 lượt). Các địa phương cung cấp các hoạt động tư vấn tích cực nhất phải kể đến là: Bắc Giang, Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh, Thái Bình...

5

Công tác thực thi, xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp

Thực tiễn thực thi quyền SHTT cho thấy, xử lý xâm phạm quyền SHCN được áp dụng nhiều và hiệu quả nhất vẫn bằng biện pháp hành chính.

Việc đào tạo, tập huấn cho cán bộ thực thi của các địa phương liên tục được triển khai và đạt hiệu quả cao trong thời gian qua đã giúp cho các cơ quan thực thi nâng cao năng lực chuyên môn về SHTT, nhờ đó công tác xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN được triển khai khá mạnh. Hơn nữa, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/08/2013 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN, trong đó phân định rõ hơn về thẩm quyền và mức xử phạt đã góp phần thúc đẩy các hoạt động thực thi hành chính ở các địa phương, cũng như tăng sức răn đe đối với các hành vi xâm phạm quyền SHCN. Do đó, trong 2 năm cuối, số tiền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi xâm phạm quyền SHCN đã tăng đáng kể. Năm 2014, đã có 1.106 vụ xâm phạm quyền SHCN bị xử lý bằng biện pháp hành chính, với tổng số tiền phạt là 15.520.251.000 đồng, trong đó đối tượng bị xâm phạm chủ yếu vẫn là nhãn hiệu, chiếm 97,8% số vụ và 98% tổng số tiền phạt. Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Yên Bái, Đồng Nai, Đà Nẵng, Cần Thơ là những địa phương thực hiện xử lý xâm phạm quyền SHCN nhiều nhất. Cụ thể về việc áp dụng biện pháp hành chính trong bảng thống kê dưới đây.

Bảng thống kê số liệu xử lý xâm phạm quyền SHCN trong 5 năm gần đây*Đơn vị tiền phạt: 1.000 VNĐ*

Năm	Nhãn hiệu		Sáng chế/Giải pháp hữu ích		Kiểu dáng công nghiệp		Chỉ dẫn địa lý		Cạnh tranh không lành mạnh	
	Số vụ	Tiền phạt	Số vụ	Tiền phạt	Số vụ	Tiền phạt	Số vụ	Tiền phạt	Số vụ	Tiền phạt
2010	1.632	4.592.000	-	-	215	383.088	-	-	11	68.500
2011	1.561	9.021.421	04	10.000	107	264.354	39	18.250	-	-
2012	1.016	3.416.884	10	120.550	38	154.245	-	-	-	-
2013	2.147	18.422.475	-	-	67	199.250	2	4.000	-	-
2014	1.082	15.223.701	02	-	20	278.550	2	18.000	-	-



4

Guidance on establishment and protection of industrial property rights

Guidance on the establishment and protection of industrial property rights has been gradually becoming one of the main activities of the Departments of Science and Technology. Different from IP representative organizations that often locate in big cities of Ha Noi and Ho Chi Minh City, the Departments of Science and Technology are established in all provinces and cities, and are reliable sources for professional consultations of individuals, organizations and businesses in a quality and timely manners. The most popular consultations were provided to trademarks (4,351), followed by industrial designs (265), then patents (224), while the most active consultants were Bac Giang province, Can Tho, Ho Chi Minh City and Thai Binh province.

5

Enforcement of industrial property rights

It is the fact that the most frequent and effective way to enforce industrial property rights is using the administrative measure. Therefore, the training for enforcement officers

of provinces continues to be carried out and has been highly effective in recent times, helping further improve their professional knowledge of IP issues. Thanks to these trainings, the administrative enforcement of industrial property rights is conducted properly. Furthermore, Decree No. 99/2013/ND-CP of 29 August 2013 issued by the Government to regulate administrative sanctions in the field of industrial property clearly establishes the authorities and sanctions that facilitate the administrative enforcement in localities, as well as provides an effective deterrent to further infringements of industrial property rights. Therefore, over the past 2 years, the amount of administrative sanctions for the infringements of industrial property rights increased significantly. In particular, in 2014, 1,106 infringement cases were handled by administrative measures, with a total fine of VND 15,520,251,000. Most of the infringements in the said cases involved with trademarks, accounting for 97.8% of total cases and 98% of total fine. Ho Chi Minh City, Tay Ninh, Yen Bai, Dong Nai, Da Nang and Can Tho were prominent localities in the handling of industrial property infringements. Further information on administrative measures is detailed in the table below.

Statistics on administrative enforcement of industrial property rights over the past five years

Unit: VND 1,000

Year	Trademarks		Patents/Utility solutions		Industrial Designs		Geographical indications		Unfair competition	
	Cases	Fines	Cases	Fines	Cases	Fines	Cases	Fines	Cases	Fines
2010	1.632	4.592.000	-	-	215	383.088	-	-	11	68.500
2011	1.561	9.021.421	04	10.000	107	264.354	39	18.250	-	-
2012	1.016	3.416.884	10	120.550	38	154.245	-	-	-	-
2013	2.147	18.422.475	-	-	67	199.250	2	4.000	-	-
2014	1.082	15.223.701	02	-	20	278.550	2	18.000	-	-



6

Hoạt động hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ theo các Chương trình địa phương

Hoạt động hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ ở hầu khắp các địa phương đã và đang được thực hiện rất hiệu quả. Đã có 38/63 tỉnh/thành phố xây dựng và triển khai Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của địa phương. Các Chương trình này được triển khai dưới nhiều hình thức như: Chương trình hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận; Chương trình xây dựng và phát triển thương hiệu cho nông sản địa phương, Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của địa phương...

7

Việc triển khai các biện pháp hỗ trợ và thúc đẩy hoạt động sáng kiến, sáng tạo

Hoạt động sáng kiến được hầu hết các địa phương quan tâm, đẩy mạnh dưới nhiều hình thức như: Soạn thảo và trình các cấp có thẩm quyền ban hành quy định quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn; tổ chức các lớp tập huấn với nội dung là quy định pháp luật về sáng kiến;

thành lập các Hội đồng cấp tỉnh để xem xét và đánh giá các sáng kiến... Ngoài ra, trong năm 2014, các địa phương đã tổ chức tổng cộng 24 Hội thi Sáng tạo kỹ thuật, cùng nhiều hội thi và giải thưởng khác đã và đang được triển khai như: Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng, Giải thưởng Bằng lao động sáng tạo, Giải thưởng Sáng tạo công nghệ thông tin và truyền thông...

8

Đánh giá chung

Xét một cách toàn diện, hoạt động quản lý nhà nước về SHTT tại các địa phương trong năm qua đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách, pháp luật về SHCN tiếp tục là điểm nhấn trong các hoạt động của địa phương nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và nhân dân. Công tác hướng dẫn xác lập quyền, bảo vệ quyền SHCN ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các nhà sản xuất, kinh doanh ở địa phương xác lập, bảo vệ quyền SHTT nhằm nâng cao sức cạnh tranh và giá trị trên thị trường. Số lượng đơn đăng ký xác lập quyền của người

Thứ trưởng Trần Văn Tùng thăm gian hàng triển lãm sản phẩm của tỉnh Bạc Liêu bên lề Hội nghị toàn quốc về quản lý sở hữu trí tuệ năm 2014

Vice Minister Tran Van Tung visiting the exhibition booth of Bac Lieu province on the sideline of the National Conference on IP Management 2014



6

Programs on supporting for IP assets development at provincial levels

Support activities for the development of intellectual property assets in a number of provinces have been widely and effectively implemented. 38 out of 63 provinces and cities over the country have been developing and implementing the programs to provide support for development of intellectual property assets in their localities. These programs were being implemented in various manners, namely programs for the development of collective and certification marks, programs for development of branding for local products, and programs for development of local IP assets.

7

Implementation of measures for supporting and promoting innovative and creative activities

Innovative activities were given great attention and promoted in various forms by most localities. This has included preparing and submitting to competent authorities for issuance of regulations on management of innovative activities at their localities, organizing trainings on legal provisions on innovations and establishing the Provincial Innovative Councils

to review and evaluate innovations. Moreover, in 2014, 24 Technical Innovation Contests and other innovation contests and awards were organized by localities, for example, Innovation contests for kids, Awards for creative works and Awards for innovation in information technology and communications.

8

Conclusion

In general, the State management of IP activities at localities in the past year achieved encouraging and positive results. The dissemination of IP knowledge, policies and legislation and outreach work continued to be focused on local activities to raise greater awareness of intellectual property at all levels, sectors, businesses and the public. The guidance on the establishment and protection of industrial property rights played an increasingly important role in supporting local producers and businesses in the establishment and protection of their IP rights in order to improve competitiveness and value in the markets. The number of Vietnamese applications for registration of IP rights increased rapidly last year and, as had been noted above, the number of applications from organizations and individuals in rural and remote areas increased



Ông Lê Thanh Dũng - Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Bạc Liêu phát biểu khai mạc Hội nghị toàn quốc về Quản lý sở hữu trí tuệ năm 2014

Mr. Le Thanh Dung, Standing Vice Chairman of the People's Committee of Bac Lieu province, delivering the opening remarks at the National Conference of IP Management 2014



Toàn cảnh Hội nghị toàn quốc về Quản lý sở hữu trí tuệ năm 2014

The National Conference of IP Management 2014

nộp đơn Việt Nam đã tăng nhanh trong năm qua. Cần phải ghi nhận là số lượng đơn của các tổ chức, cá nhân ở nhiều địa phương vùng sâu, vùng xa đã có sự chuyển biến rõ rệt, ví dụ như số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu năm 2014 so với năm 2013 của tỉnh Quảng Trị tăng 80% (từ 20 lên 36 đơn), Lạng Sơn - tăng 48% (từ 44 lên 65 đơn), Cà Mau - tăng 40% (từ 70 lên 98 đơn), Thái Nguyên - tăng 38% (từ 64 lên 88 đơn)...

Các dự án hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ (theo Chương trình của cả Trung ương và địa phương) phát huy được hiệu quả, đặc biệt là thúc đẩy sự phát triển của công nghệ, các đặc sản địa phương, các sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu. Chính vì vậy, các địa phương đã chú trọng đầu tư cho việc phát triển các sản phẩm đặc sản như những sản phẩm chủ lực và thu được nhiều kết quả khả quan, góp phần tạo động lực mạnh mẽ phát triển nền nông nghiệp Việt Nam. Giá trị của một số đặc sản địa phương tăng lên rõ rệt sau khi tham gia các dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ của Trung ương và địa phương, thậm chí tăng hai lần như sản phẩm chè Mộc Châu có bao bì mang chỉ dẫn địa lý.

Bên cạnh đó, các địa phương ngày càng nhận thức đầy đủ và tích cực triển khai các biện pháp khuyến khích sáng tạo. Hoạt động này không chỉ thu hút hàng nghìn lượt người tham gia với nhiều công trình, sáng kiến, sáng

chế được đánh giá cao về tác động đến đời sống kinh tế - xã hội, mà còn là định hướng quan trọng làm cơ sở cho sự phát triển các hoạt động SHTT ở địa phương trong thời gian tới.

Công tác quản lý nhà nước về SHTT được trao đổi, đánh giá một cách đầy đủ và toàn diện tại Hội nghị toàn quốc về Quản lý sở hữu trí tuệ năm 2014 do Cục SHTT phối hợp với Sở KH&CN tỉnh Bạc Liêu tổ chức tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu từ ngày 29-31/10/2014. Hội nghị đã thu hút 320 đại biểu đến từ 52 Sở KH&CN, các đơn vị trong Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục SHTT, các viện, trường đại học và cao đẳng, các doanh nghiệp... thuộc khu vực đồng bằng hình của Trung ương và tỉnh Bạc Liêu. Hội nghị đã tập trung phân tích và đánh giá những kết quả đã đạt được trong hoạt động quản lý SHTT năm 2013-2014: Các nội dung liên quan đến việc tiếp tục sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật về SHTT cũng như hệ thống văn bản dưới luật nhằm đáp ứng đầy đủ các yêu cầu phát triển mới và phù hợp với nhu cầu thực tiễn của đất nước cũng như từng địa phương. Đặc biệt, Hội nghị tập trung thảo luận về định hướng phát triển của hoạt động quản lý SHTT trong năm 2015 và những năm tiếp theo.





Đại biểu Hội nghị toàn quốc về Quản lý sở hữu trí tuệ năm 2014

Delegates at the National Conference of IP Management 2014

significantly. For example, the number of trademark applications from Quang Tri province increased by up to 80% in 2014 compared to 2013 (36 applications compared to 20), Lang Son province increased by 48% (65 compared to 44), Ca Mau province increased by 40% (up to 98 from 70) and Thai Nguyen increased by 38% (88 compared to 64).

Projects for supporting development of intellectual property assets (under both Central and local programs) have generated strong gains, especially in promoting the development of local technologies, specialties, and potential export products. Therefore, many special and unique products are regarded as key local products and worthy of serious investment for further development. Such support and investment has produced positive results, creating strong momentum for agricultural development in Viet Nam. The prices of local special and unique products have been increasing significantly after receiving support for IP development under such programs, even doubling as in the case of Moc Chau tea with packages labeled with the protected geographical indication.

Local authorities have also been fully aware of the important roles of innovation and creativity, and actively introduced measures for attracting thousands of people involved in innovative

and inventive work, which not only produces substantial benefits for socio-economic life, but also sets out an important developmental orientation for local IP activities in the future.

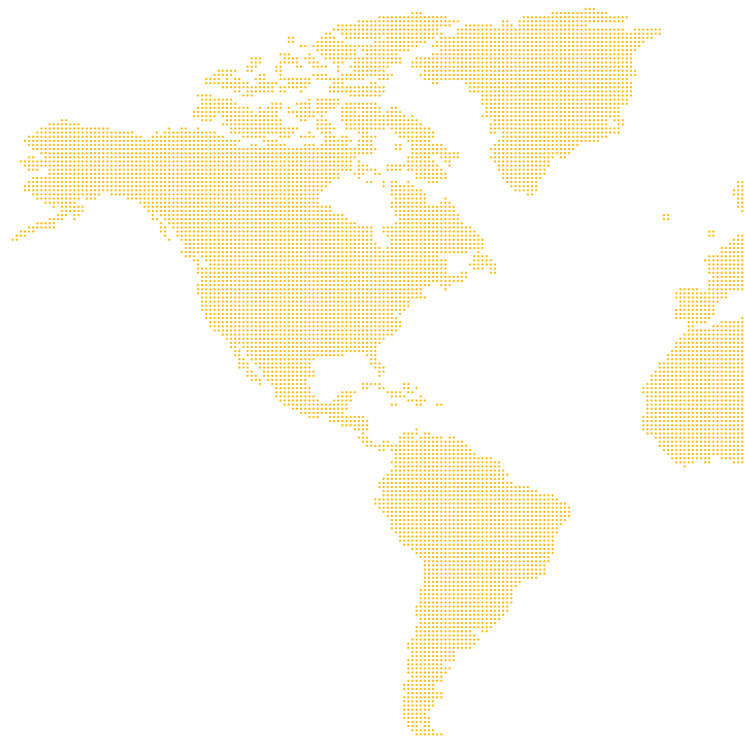
The State management of IP activities was also discussed, debated and reviewed comprehensively at the National Conference on IP Management 2014 hosted by NOIP, in cooperation with the Department of Science and Technology of Bac Lieu province, in Bac Lieu town, on October 29 to 31, 2014. The Conference was attended by 320 delegates of 52 local Departments of Science and Technology, departments under the Ministry of Science and Technology, NOIP and representatives of universities, institutions and businesses in the Mekong Delta and media agencies. In the Conference, they focused on analyzing matters and evaluating the results of IP management achieved in the years of 2013 and 2014. In particular, delegates actively discussed ways to amend, supplement and improve the IP legal framework and its guiding documents for meeting the increasing requirements of development, consistent with the actual needs of each locality and the whole country. The Conference also debated the developmental orientation of IP management activities in 2015 and following years.



Quản lý hoạt động dịch vụ đại diện SHCN tiếp tục được duy trì thường xuyên và ổn định. Kết quả cụ thể như sau: Cấp lại 2 Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện SHCN; ghi nhận mới 13 tổ chức dịch vụ đại diện SHCN và 16 cá nhân vào Danh sách người đại diện SHCN; xóa tên 5 tổ chức dịch vụ đại diện SHCN và 21 người đại diện SHCN; ghi nhận sửa đổi, bổ sung tên giao dịch, tên viết tắt và văn phòng đại diện của 11 tổ chức, cũng như ghi nhận việc sửa đổi, bổ sung địa chỉ giao dịch/chỉ nhánh/văn phòng đại diện của 13 tổ chức đại diện SHCN. Tính đến hết ngày 31/12/2014, Việt Nam có 156 tổ chức được ghi nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp và 311 cá nhân được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện SHCN.

Bên cạnh đó, Cục SHTT còn thực hiện việc thống kê số lượng đơn đăng ký xác lập quyền SHCN nộp qua các tổ chức dịch vụ đại diện SHCN nhằm phục vụ cho công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đại diện SHCN. Tỷ lệ đơn đăng ký của các đối tượng SHCN nộp thông qua các tổ chức dịch vụ đại diện SHCN chiếm tỷ lệ cao và có xu hướng ngày càng tăng. Năm 2014, có hơn 63% đơn đăng ký bảo hộ các đối tượng SHCN nộp thông qua các tổ chức đại diện SHCN, trong đó 91% là đơn đăng ký sáng chế, 53,5% đơn đăng ký giải pháp hữu ích, 72,1% đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp và 58,4% đơn đăng ký nhãn hiệu. Hơn nữa, chất lượng đơn nộp qua các tổ chức dịch vụ đại diện SHCN cũng ngày càng được cải thiện, tạo niềm tin cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký xác lập quyền SHCN. Điều đó cho thấy rằng, các tổ chức và người đại diện SHCN đã đóng góp không nhỏ vào sự phát triển của hệ thống SHTT nói riêng và sự phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước nói chung.

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP



ADMINISTRATION OF INDUSTRIAL PROPERTY AGENTS

The administration of industrial property representatives has been continuously fulfilled. In 2014, NOIP re-issued 2 certificates of industrial property agents, recorded 13 new industrial property representative organizations and 16 industrial property agents in the Register, deleted 5 organizations and 21 agents, recorded the amendments of business names, abbreviations and offices' addresses for 11 organizations, and the amendments related to addresses of branches/representative offices for 13 organizations. By December 31st 2014, 156 organizations and 311 persons throughout the country were recorded as eligible industrial property representative organizations and industrial property agents, respectively.

NOIP also recorded the statistics of industrial property applications filed via industrial property representative organizations in order to take appropriate management measures for their activities because the number of industrial property applications filed through industrial property organizations accounted for a high proportion and a trend of strong growth. In 2014, more than 63% of total industrial property applications were filed with NOIP by industrial property representative organizations, namely 91% of patent applications, 53.5% of utility solution applications, 72.1% of industrial design applications and 58.4% of trademark applications. The quality of applications filed through the industrial property representative organizations is continually improved, gaining confidence among individuals, organizations and businesses seeking the protection of their industrial property rights. In fact, industrial property representative organizations and industrial property agents have contributed enormously to the development of the industrial property system in particular and the socio-economic development and the international integration of the country in general.



PHỤ LỤC THỐNG KÊ

62. SÁNG CHẾ VÀ GIẢI PHÁP HỮU ÍCH PATENT AND UTILITY SOLUTION

62. Đơn đăng ký sáng chế đã nộp từ 1981 đến 2014

Patent applications filed from 1981 to 2014

63. Bằng độc quyền sáng chế đã cấp từ 1981 đến 2014

Patents granted from 1981 to 2014

65. Đơn đăng ký giải pháp hữu ích đã nộp từ 1989 đến 2014

Utility solution applications filed from 1989 to 2014

66. Bằng độc quyền giải pháp hữu ích đã cấp từ 1990 đến 2014

Utility solution patents granted from 1990 to 2014

69. Đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích nộp cho Cục Sở hữu trí tuệ theo nước xuất xứ vùng lãnh thổ từ năm 2000 đến 2014

Patent and utility solution applications directly filed with NOIP by country/territory of origin from 2000 to 2014

71. 10 quốc gia/ vùng lãnh thổ có đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích nộp trực tiếp nhiều nhất năm 2014

Top ten countries/ territories by numbers of invention and utility solution applications filed directly

with NOIP in 2014

81. Mối tương quan giữa tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và số đơn, bằng độc quyền sáng chế giai đoạn 2001 – 2014

The correlation between GDP and invention applications/patents during 2001-2014

82. KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP INDUSTRIAL DESIGN

82. Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp đã nộp từ 1988 đến 2014

Industrial design applications filed from 1988 to 2014

83. Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp đã cấp từ 1989 đến 2014

Industrial design patents granted from 1989 to 2014

85. NHÃN HIỆU TRADEMARK

85. Đơn đăng ký nhãn hiệu quốc gia đã nộp từ 1982 đến 2014



STATISTICS

National trademark applications filed from 1982 to 2014

86. Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đã cấp từ 1982 đến 2014

Trademark certificates granted from 1982 to 2014

88. Đơn đăng ký nhãn hiệu theo nước xuất xứ (bao gồm đơn nộp trực tiếp cho Cục Sở hữu trí tuệ và đơn nộp thông qua Văn phòng quốc tế của WIPO), từ năm 2005 đến 2014

Trademark applications by country of origin (including applications directly filed with NOIP and through WIPO International Bureau) from 2005 to 2014

90. Đơn đăng ký nhãn hiệu nộp trực tiếp cho Cục Sở hữu trí tuệ theo nhóm hàng hoá dịch vụ từ 2000 đến 2014

Trademark applications directly filed with NOIP by class of goods/services from 2000 to 2014

93. CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

GEOGRAPHICAL INDICATION

93. Đơn đăng ký và giấy chứng nhận chỉ dẫn địa lý nộp vào Cục Sở hữu trí tuệ từ 2001-2014

Geographical indication applications filed with NOIP and certificates granted from 2001 to 2014

94. CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

TRANSFER OF INDUSTRIAL PROPERTY RIGHTS

94. Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng theo chủ thể

Licensing contracts by holders

95. Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng theo đối tượng

Licensing contracts by subject matters

96. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu theo chủ thể

Assignment contracts by holders

97. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu theo đối tượng

Assignment contracts by subject matters

98. GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

SETTLEMENT OF INDUSTRIAL PROPERTY APPEALS

98. Đơn khiếu nại về việc cấp Văn bằng bảo hộ

Appeals against granting of protection titles



ĐƠN ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ ĐÃ NỘP TỪ NĂM 1981 ĐẾN 2014

PATENT APPLICATIONS FILED FROM 1981 TO 2014

Năm Year	Số đơn đăng ký sáng chế đã nộp Filed patent applications		
	Người nộp đơn Việt Nam by Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by Foreigners	Tổng số Total
1981-1988	453	7	460
1989	53	18	71
1990	62	17	79
1991	39	25	64
1992	34	49	83
1993	33	194	227
1994	22	270	292
1995	23	659	682
1996	37	971	1008
1997	30	1234	1264
1998	25	1080	1105
1999	35	1107	1142
2000	34	1205	1239
2001	52	1234	1286
2002	69	1142	1211
2003	78	1072	1150
2004	103	1328	1431
2005	180	1767	1947
2006	196	1970	2166
2007	219	2641	2860
2008	204	2995	3199
2009	258	2632	2890
2010	306	3276	3582
2011	301	3387	3688
2012	382	3577	3959
2013	443	3726	4169
2014	487	3960	4447
Tổng số Total	4158	41543	45701

* Thời điểm để lấy số liệu thống kê tính đến 31/12/2014
Statistics is calculated up to 31 December 2014

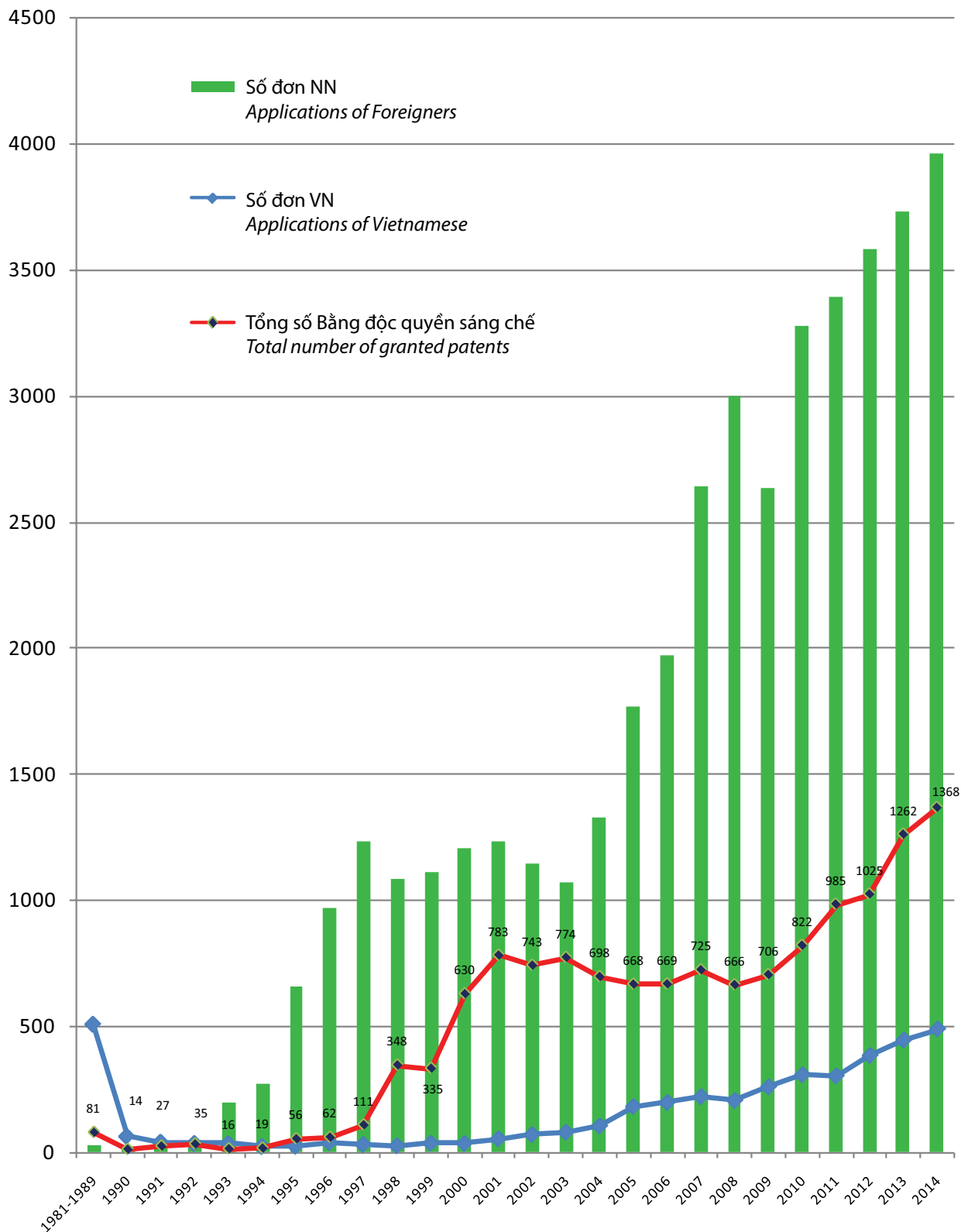




BẢNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ ĐÃ CẤP TỪ NĂM 1981 ĐẾN 2014
PATENTS GRANTED FROM 1981 TO 2014

Năm Year	Số bằng độc quyền sáng chế đã cấp Granted patents		
	Người nộp đơn Việt Nam to Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài to Foreigners	Tổng số Total
1981-1989	74	7	81
1990	11	3	14
1991	14	13	27
1992	19	16	35
1993	3	13	16
1994	5	14	19
1995	3	53	56
1996	4	58	62
1997	0	111	111
1998	5	343	348
1999	13	322	335
2000	10	620	630
2001	7	776	783
2002	9	734	743
2003	17	757	774
2004	22	676	698
2005	27	641	668
2006	44	625	669
2007	34	691	725
2008	39	627	666
2009	29	677	706
2010	29	793	822
2011	40	945	985
2012	45	980	1025
2013	59	1203	1262
2014	36	1332	1368
Tổng số Total	598	13030	13628





Số lượng đơn đăng ký và bằng độc quyền sáng chế được cấp từ năm 1981-2014
Patent applications and patents granted for inventions from 1981 to 2014



ĐƠN ĐĂNG KÝ GIẢI PHÁP HỮU ÍCH ĐÃ NỘP TỪ NĂM 1989 ĐẾN 2014
UTILITY SOLUTION APPLICATIONS FILED FROM 1989 TO 2014

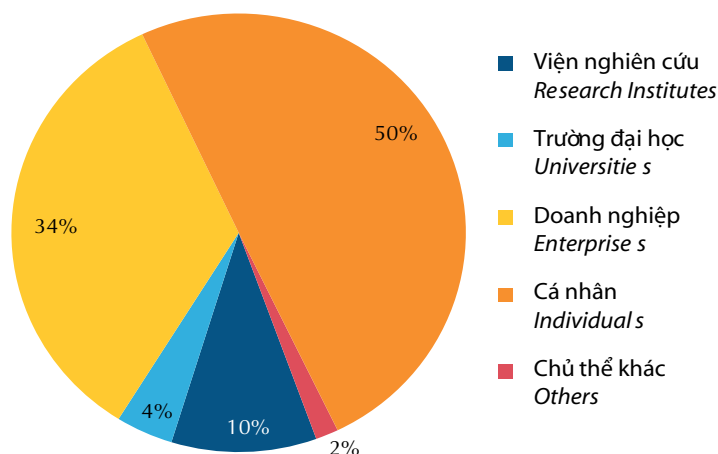
Năm Year	Số đơn đăng ký giải pháp hữu ích đã nộp Filed utility solution applications		
	Người nộp đơn Việt Nam by Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by Foreigners	Tổng số Total
1989	25		25
1990	39	25	64
1991	52	01	53
1992	32	01	33
1993	38	20	58
1994	34	24	58
1995	26	39	65
1996	41	38	79
1997	24	42	66
1998	15	13	28
1999	28	14	42
2000	35	58	93
2001	35	47	82
2002	67	64	131
2003	76	51	127
2004	103	62	165
2005	182	66	248
2006	160	76	236
2007	120	100	220
2008	116	168	284
2009	133	120	253
2010	215	84	299
2011	193	114	307
2012	198	100	298
2013	227	104	331
2014	246	127	373
Tổng số Total	2460	1558	4018



BẢNG ĐỘC QUYỀN GIẢI PHÁP HỮU ÍCH ĐÃ CẤP TỪ NĂM 1990 ĐẾN 2014
UTILITY SOLUTION PATENTS GRANTED FROM 1990 TO 2014

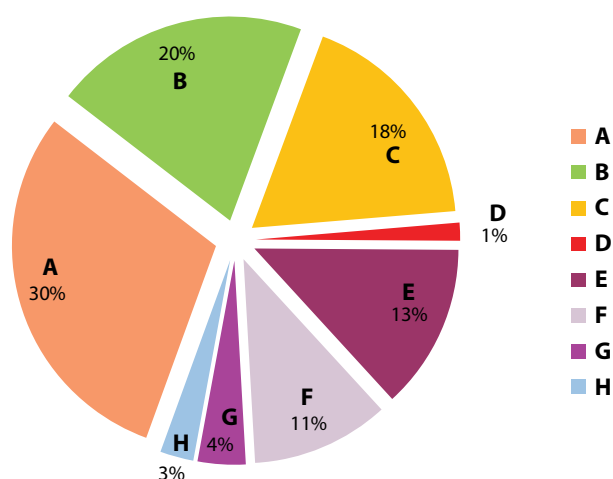
Năm Year	Số bằng độc quyền giải pháp hữu ích đã cấp Granted utility solution patents		
	Người nộp đơn Việt Nam to Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài to Foreigners	Tổng số Total
1990	23		23
1991	44	1	45
1992	23	1	24
1993	9	1	10
1994	18	9	27
1995	8	16	24
1996	5	6	11
1997	8	12	20
1998	3	14	17
1999	6	12	18
2000	10	13	23
2001	17	9	26
2002	21	26	47
2003	28	27	55
2004	44	25	69
2005	41	33	74
2006	45	25	70
2007	49	36	85
2008	48	27	75
2009	45	19	64
2010	35	23	58
2011	46	23	69
2012	59	28	87
2013	74	33	107
2014	66	20	86
Tổng số Total	775	439	1214





Bằng độc quyền sáng chế và giải pháp hữu ích của người nộp đơn Việt Nam từ năm 2000-2014 theo chủ thể

Patents granted for Vietnamese inventions and utility solutions by holders from 2000 to 2014

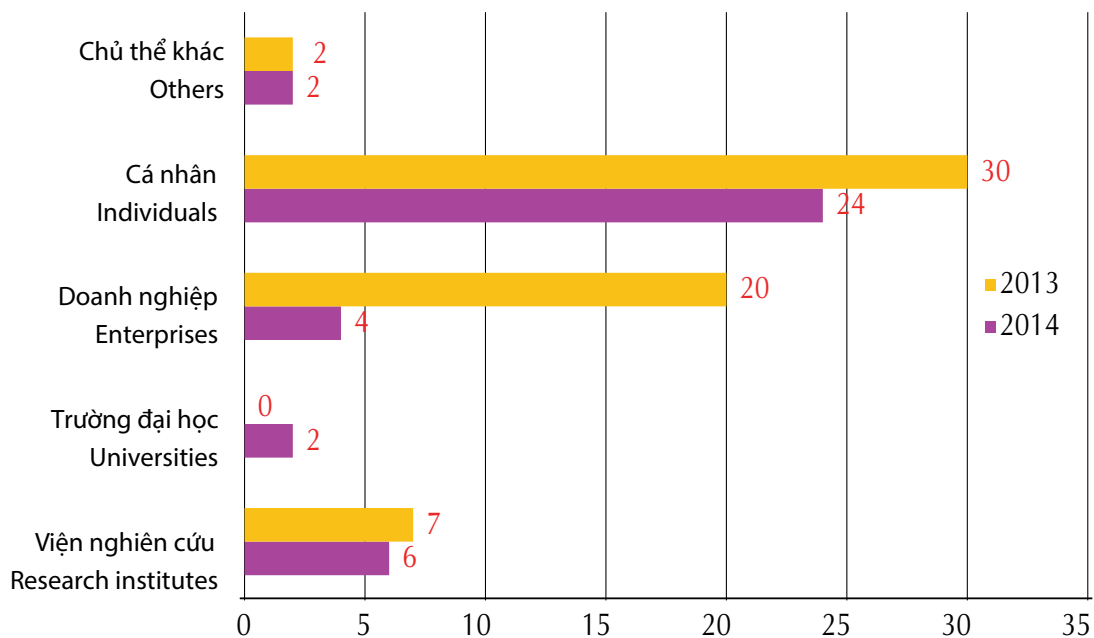


Bằng độc quyền sáng chế và giải pháp hữu ích của người nộp đơn Việt Nam từ năm 2000-2014 theo Phân loại sáng chế quốc tế (IPC)

Patents granted for Vietnamese inventions and utility solutions by from 2000 to 2014 by IPC

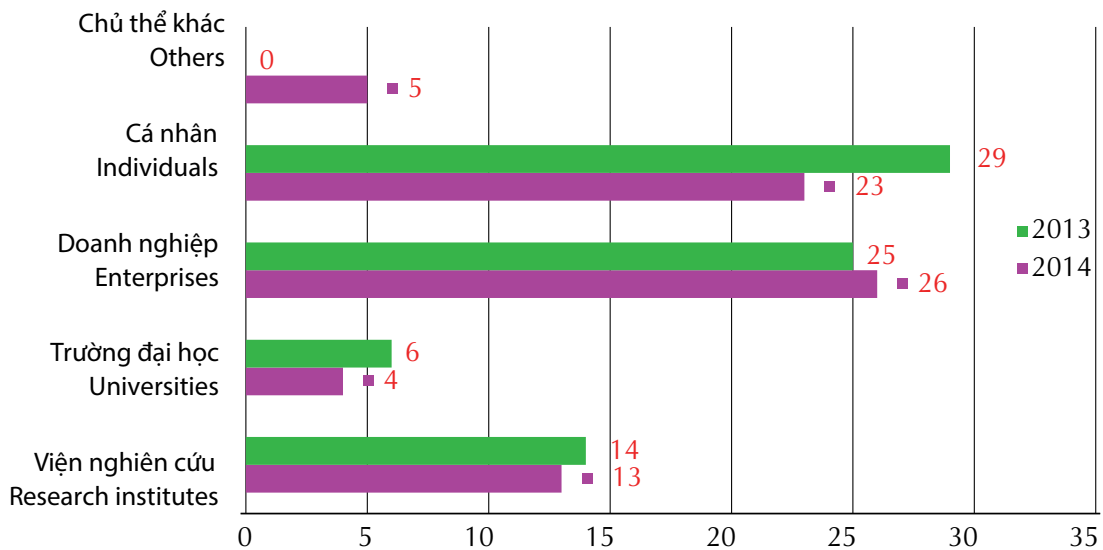
- A** Các nhu cầu của đời sống con người - *Human necessities*
- B** Các quy trình công nghệ; giao thông vận tải - *Performing operations; transporting*
- C** Hóa học; luyện kim - *Chemistry; metallurgy*
- D** Dệt; giấy - *Textiles; paper*
- E** Công trình xây dựng cố định - *Fixed constructions*
- F** Cơ khí; chiếu sáng; cấp nhiệt; vũ khí; kỹ thuật nổ - *Mechanical engineering; lighting; heating; weapons; blasting*
- G** Vật lý - *Physics*
- H** Điện - *Electricity*





**Số lượng bằng độc quyền sáng chế của người nộp đơn Việt Nam
năm 2014 so với năm 2013 theo chủ thể**

Patents granted for Vietnamese inventions by holders in 2014
in comparison with 2013

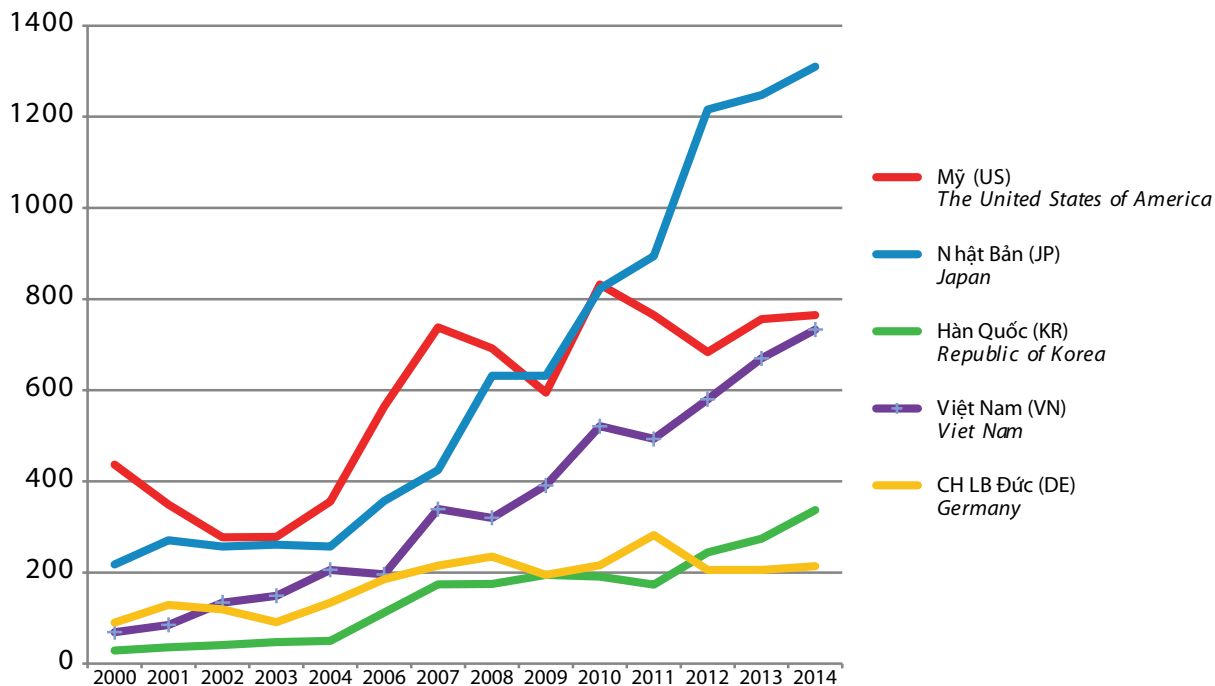


**Bằng độc quyền giải pháp hữu ích của người nộp đơn Việt Nam
năm 2014 so với năm 2013 theo chủ thể**

Patents granted for Vietnamese utility solutions by holders in 2014
in comparison with 2013

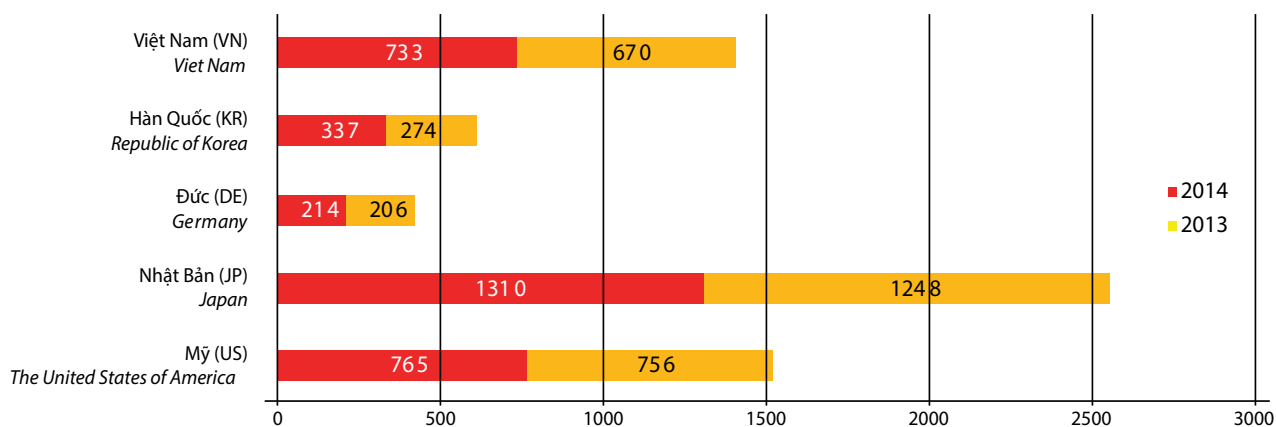
ĐƠN ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ VÀ GIẢI PHÁP HỮU ÍCH NỘP CHO CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ THEO NƯỚC XUẤT XỨ/
VÙNG LÃNH THỔ TỪ NĂM 2000 ĐẾN 2014
PATENT AND UTILITY SOLUTION APPLICATIONS DIRECTLY FILED WITH NOIP BY COUNTRY/TERRITORY OF ORIGIN
FROM 2000 TO 2014

Nước/ vùng lãnh thổ xuất xứ Country/ Territory of Origin Năm Year	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Ôxtrâyliá (AU) Australia	18	20	15	21	30	31	31	39	61	36	41	53	28	34	43
Bỉ (BE) Belgium	17	23	15	16	24	28	46	84	80	58	53	45	47	37	29
Canada (CA) Canada	11	10	11	5	25	14	13	16	18	8	17	28	24	25	22
Thụy Sĩ (CH) Switzerland	51	62	0	59	97	93	56	107	135	118	153	154	200	192	205
Trung Quốc (CN) China	29	86	15	18	10	19	27	63	87	117	139	150	142	146	196
CHLB Đức (DE) Germany	90	129	119	91	134	165	185	215	235	195	216	282	206	206	214
Đan Mạch (DK) Denmark	11	15	11	16	25	17	33	30	45	33	35	48	19	28	33
Pháp (FR) France	88	69	58	40	43	74	79	92	120	107	140	144	138	127	127
Anh (GB) Great Britain	59	62	34	45	31	61	70	83	98	59	71	63	63	63	67
Italia (IT) Italy	3	8	17	11	27	23	30	34	35	44	41	47	43	46	45
Nhật Bản (JP) Japan	218	271	257	261	257	376	357	425	632	632	823	894	1216	1248	1310
Hàn Quốc (KR) Republic of Korea	29	36	41	47	50	67	112	174	175	195	191	173	244	274	337
Hà Lan (NL) Netherlands	65	52	80	37	59	66	68	117	113	107	98	118	96	115	99
Na Uy (NO) Norway	7	10	7	7	7	7	16	9	14	13	10	9	19	14	16
Thụy Điển (SE) Sweden	18	11	6	1	2	9	11	10	19	13	51	35	29	40	40
Đài Loan (TW) Chinese Taipei	47		92	73	106	142	137	247	321	192	202	187	181	185	184
Mỹ (US) The United States of America	437	349	277	278	356	523	564	738	692	595	832	765	684	756	765
Việt Nam (VN) Việt Nam	69	85	134	149	206	362	196	339	320	391	521	493	580	670	733
Các nước khác Other countries/ territories	65	70	153	102	107	116	371	763	283	230	247	307	298	294	355
Tổng số Total	1332	1368	1342	1277	1596	2195	2402	3585	3483	3143	3881	3995	4257	4500	4820



Sự gia tăng đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích của một số nước có đơn nộp nhiều nhất trong giai đoạn 2000-2014

The increase in invention and utility solution applications of top countries during 2000-2014



Số lượng đơn đăng ký sáng chế và GPIH của một số nước có đơn nộp nhiều nhất năm 2014 so với năm 2013

The increase in invention and utility solution applications of top countries in 2014 in comparison with 2013

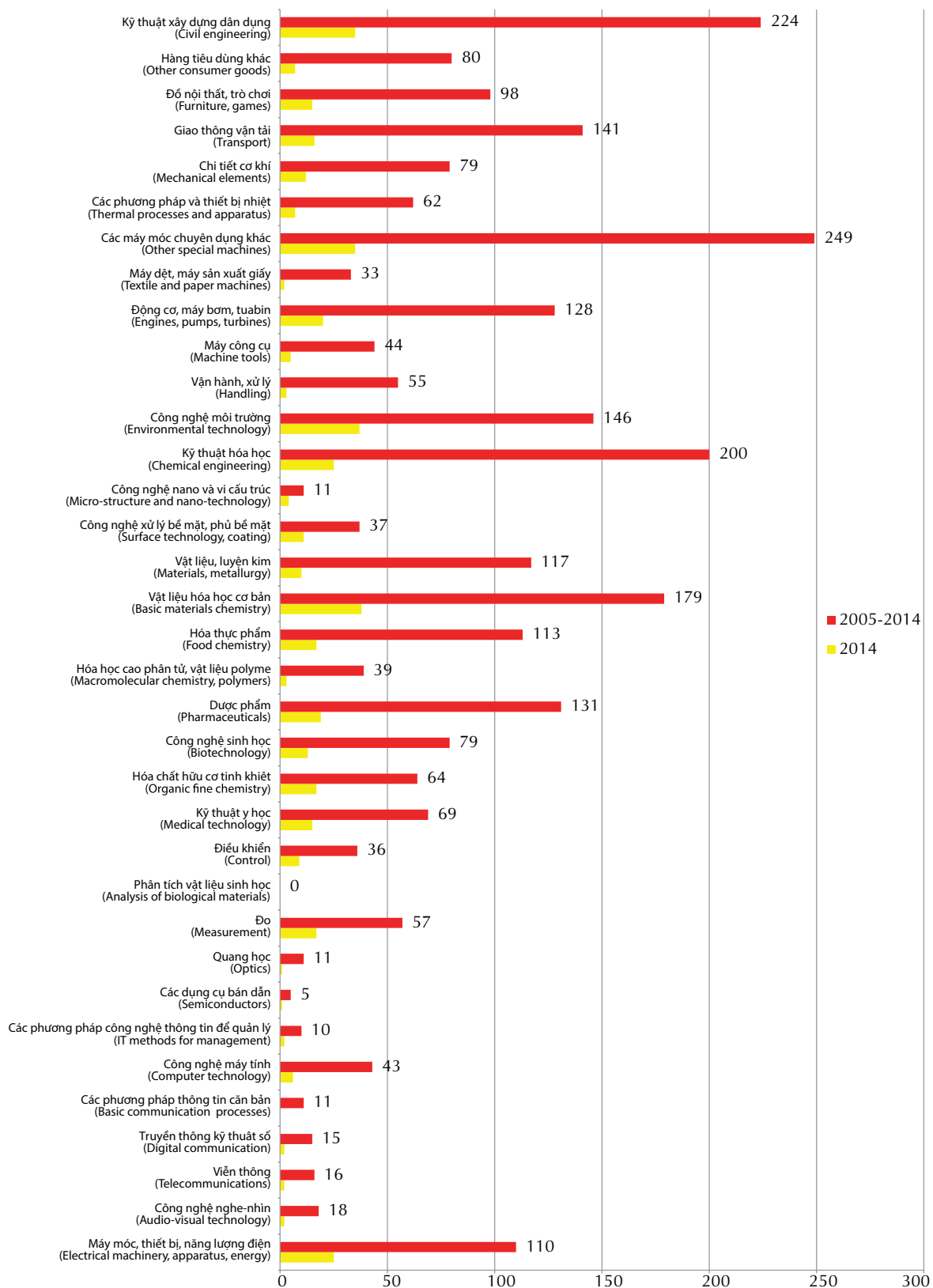


10 QUỐC GIA/VÙNG LÃNH THỔ CÓ ĐƠN ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ VÀ GIẢI PHÁP HỮU ÍCH NỘP TRỰC TIẾP NHIỀU NHẤT NĂM 2014

TOP TEN COUNTRIES/TERRITORIES BY NUMBERS OF INVENTION AND UTILITY SOLUTION APPLICATIONS FILED DIRECTLY WITH NOIP IN 2014

STT No	Tên nước/ vùng lãnh thổ Country/Territory of origin	Đơn sáng chế Invention applications	Đơn GPHI Utility solution applications	Tổng số đơn nộp Number of applications
1	Nhật Bản (JP) Japan	1301	9	1310
2	Mỹ (US) The United States of America	761	4	765
3	Việt Nam (VN) Viet Nam	487	246	733
4	Hàn Quốc (KR) Republic of Korea	336	1	337
5	CHLB Đức (DE) Germany	212	2	214
6	Thụy Sĩ (CH) Switzerland	205	0	205
7	Trung Quốc (CN) China	186	10	196
8	Đài Loan (TW) Chinese Taipei	100	84	184
9	Pháp (FR) France	127	0	127
10	Hà Lan (NL) Netherlands	99	0	99

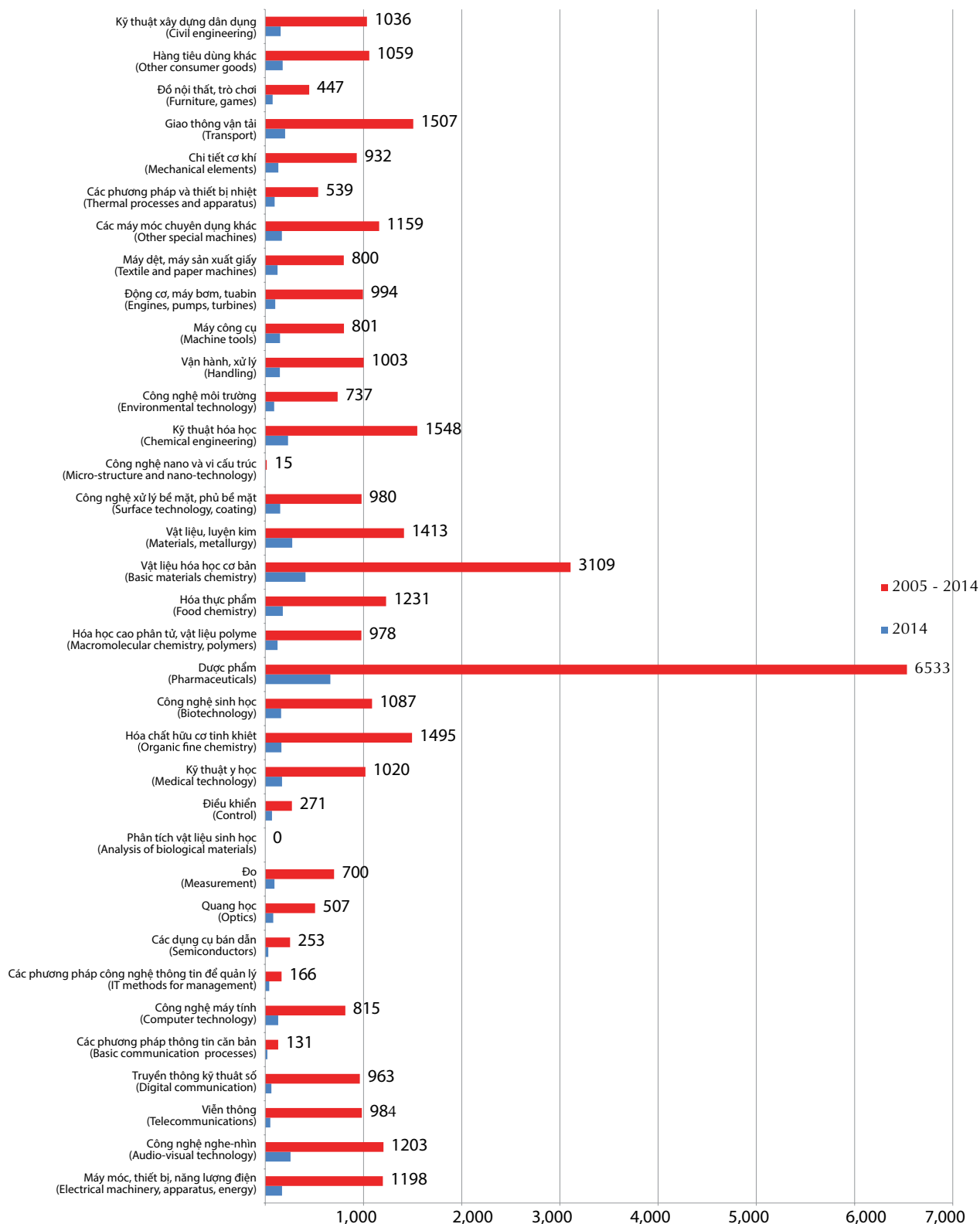




**So sánh số lượng đơn sáng chế của người nộp đơn Việt Nam
năm 2014 và tổng đơn của 10 năm (từ năm 2005- 2014) theo phân loại công nghệ**

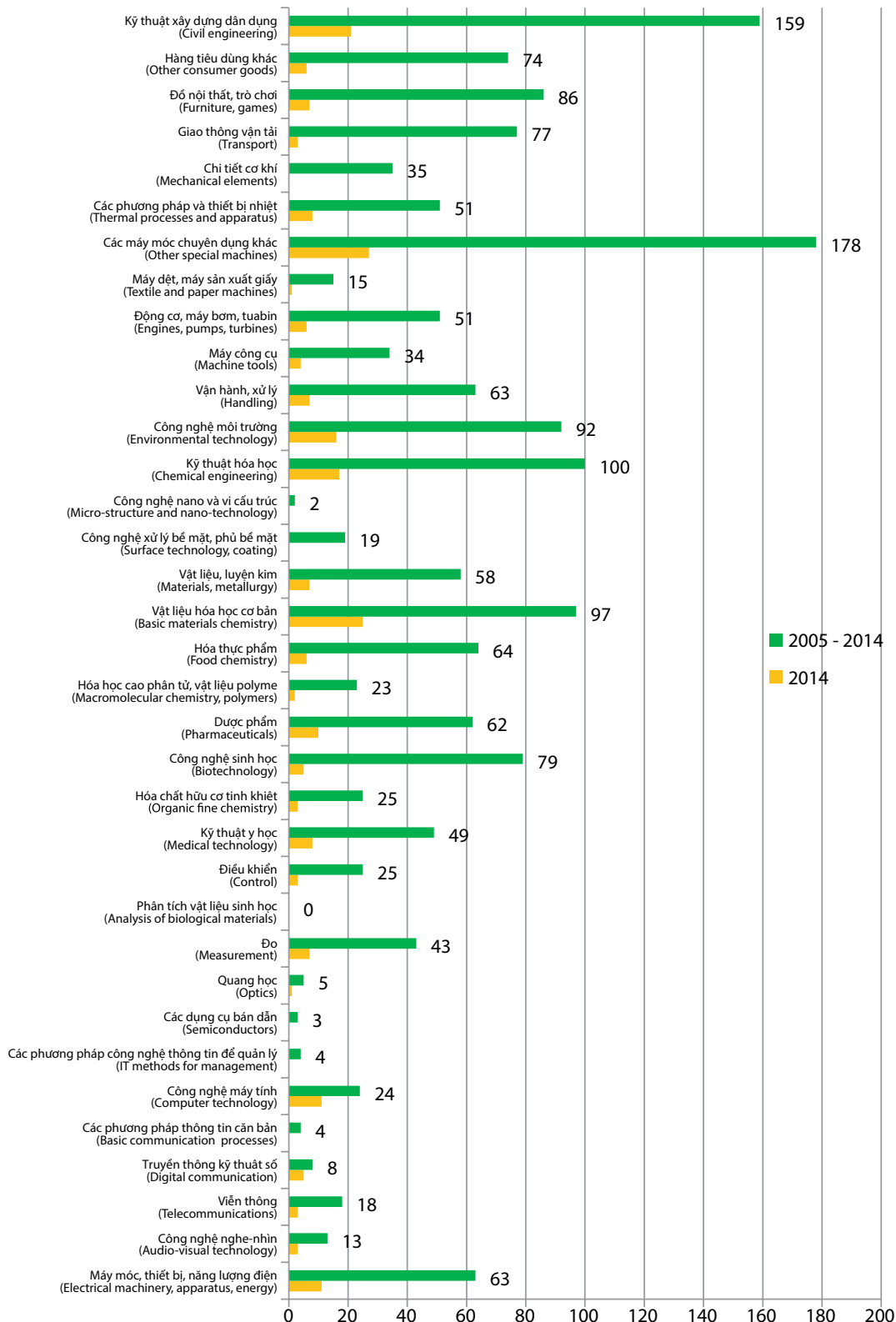
Invention applications by Vietnamese applicants in 2014 and
in 10 years (from 2005 to 2014) technology classification





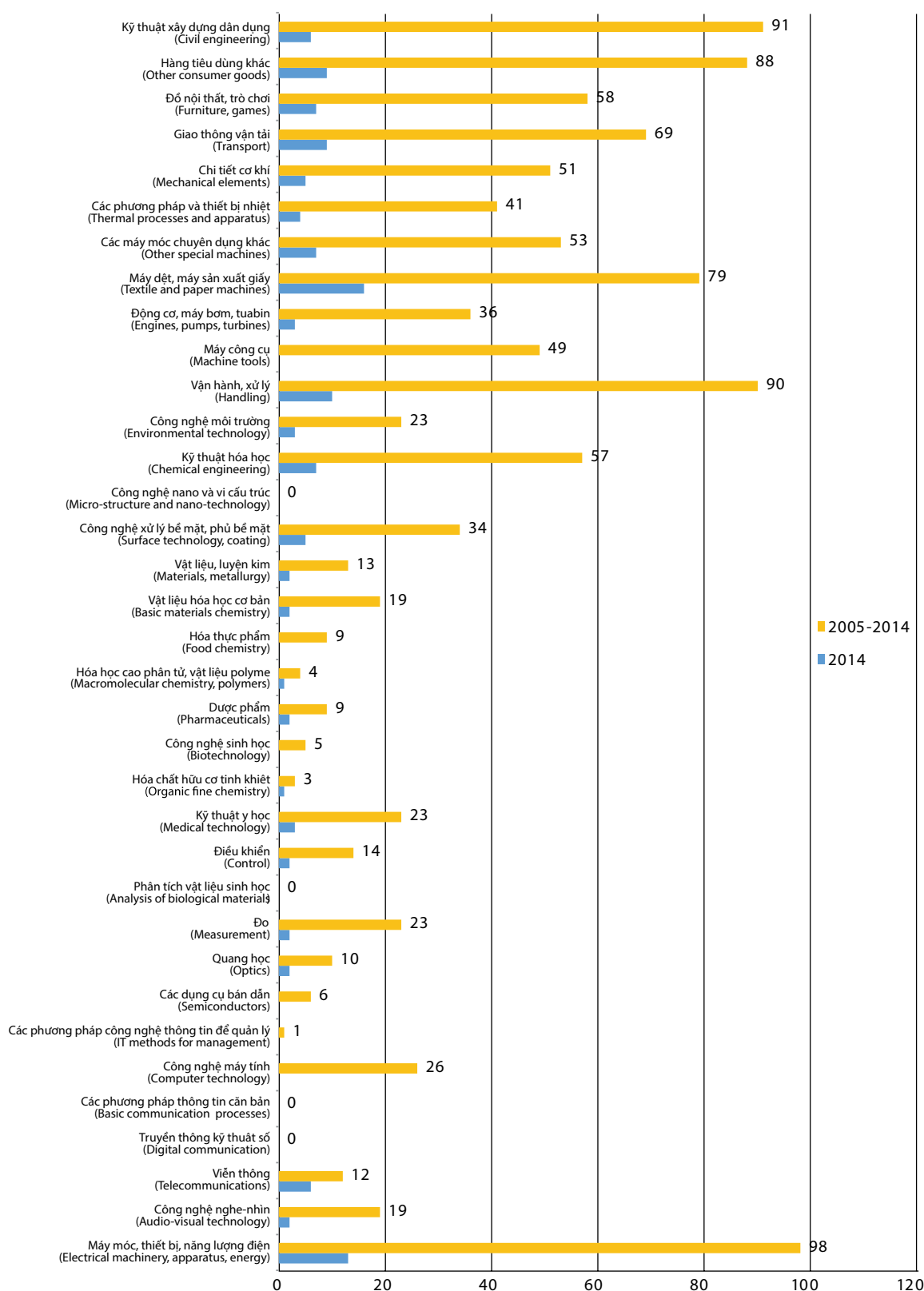
So sánh số lượng đơn sáng chế của người nộp đơn nước ngoài của năm 2014 và tổng đơn của 10 năm (từ năm 2005- 2014) theo phân loại công nghệ
Invention applications by foreign applicants in 2014 and in 10 years (from 2005 to 2014) by technology classification





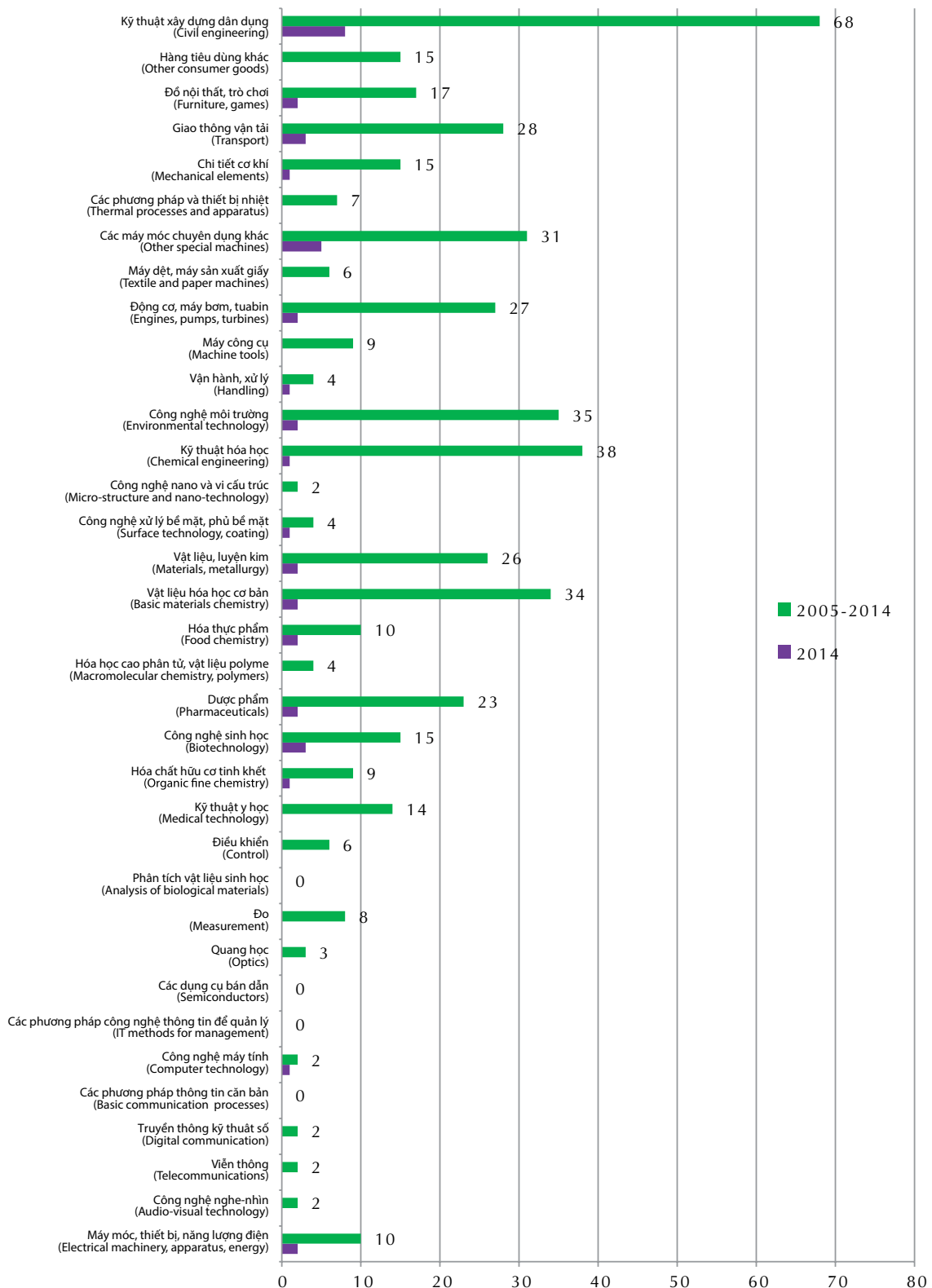
So sánh số lượng đơn giải pháp hữu ích của người nộp đơn Việt Nam của năm 2014 và tổng đơn của 10 năm (từ năm 2005- 2014) theo phân loại công nghệ
Utility solutions applications by Vietnamese applicants in 2014 and in 10 years (from 2005 to 2014) by technology classification





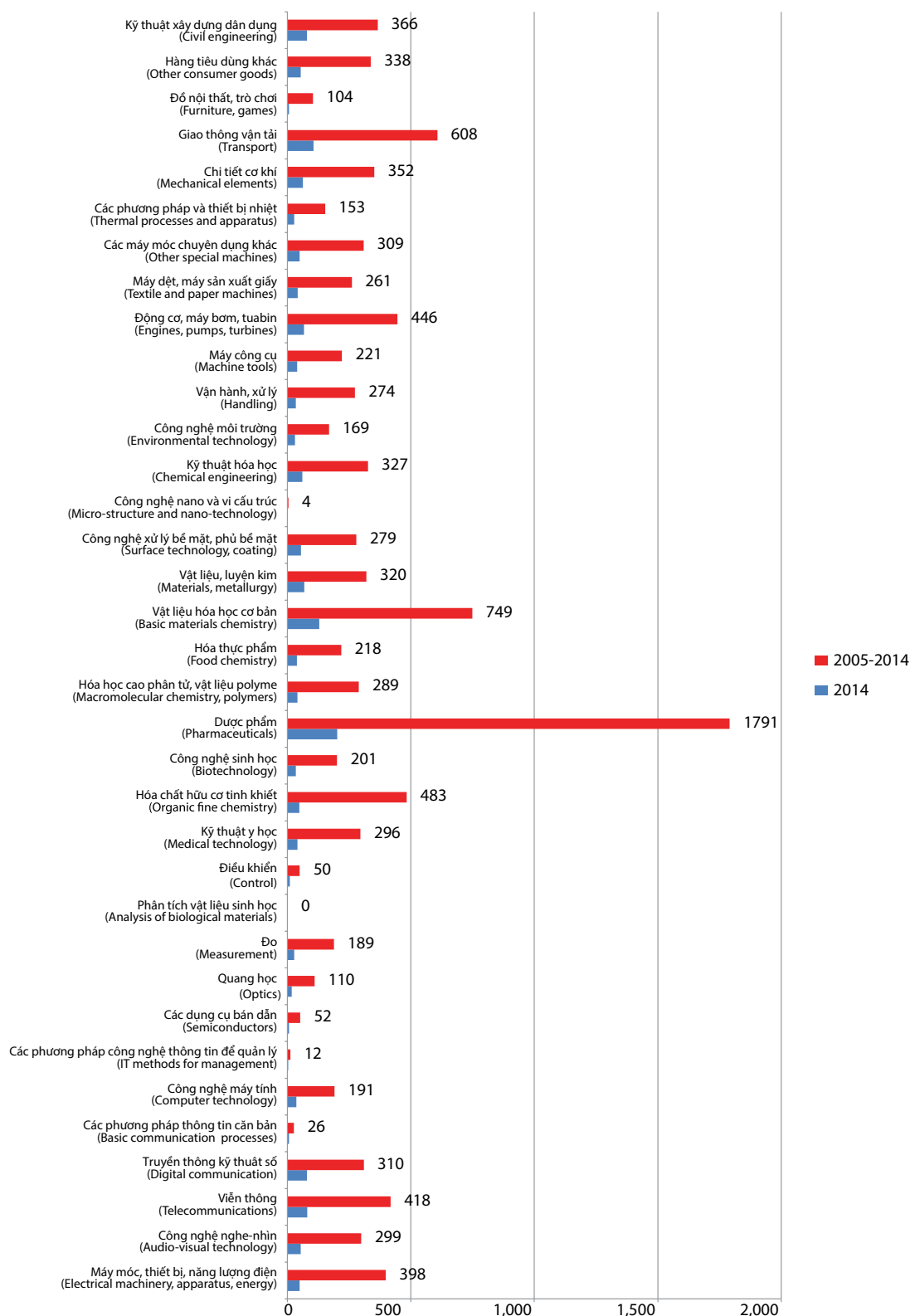
So sánh số lượng đơn giải pháp hữu ích của người nộp đơn nước ngoài của năm 2014 và tổng đơn của 10 năm (từ năm 2005- 2014) theo phân loại công nghệ
Utility solution applications by foreign applicants in 2014 and in 10 years (from 2005 to 2014) by technology classification





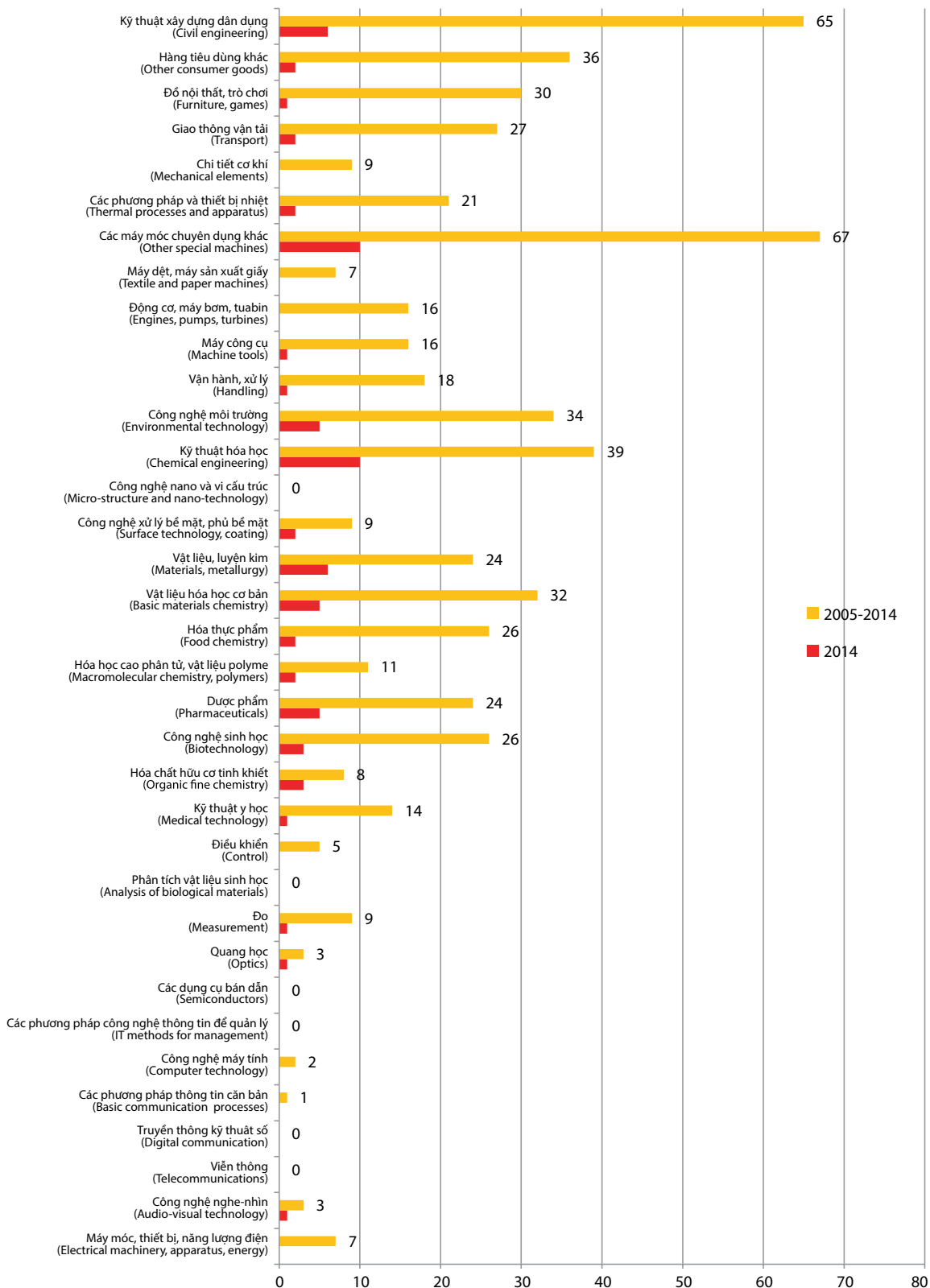
**So sánh số lượng bằng sáng chế của người nộp đơn Việt Nam
của năm 2014 và tổng bằng của 10 năm (từ năm 2005- 2014) theo phân loại công nghệ**
Invention patents granted to Vietnamese applicants in 2014 and in 10 years (from 2005 to 2014)
by technology classification





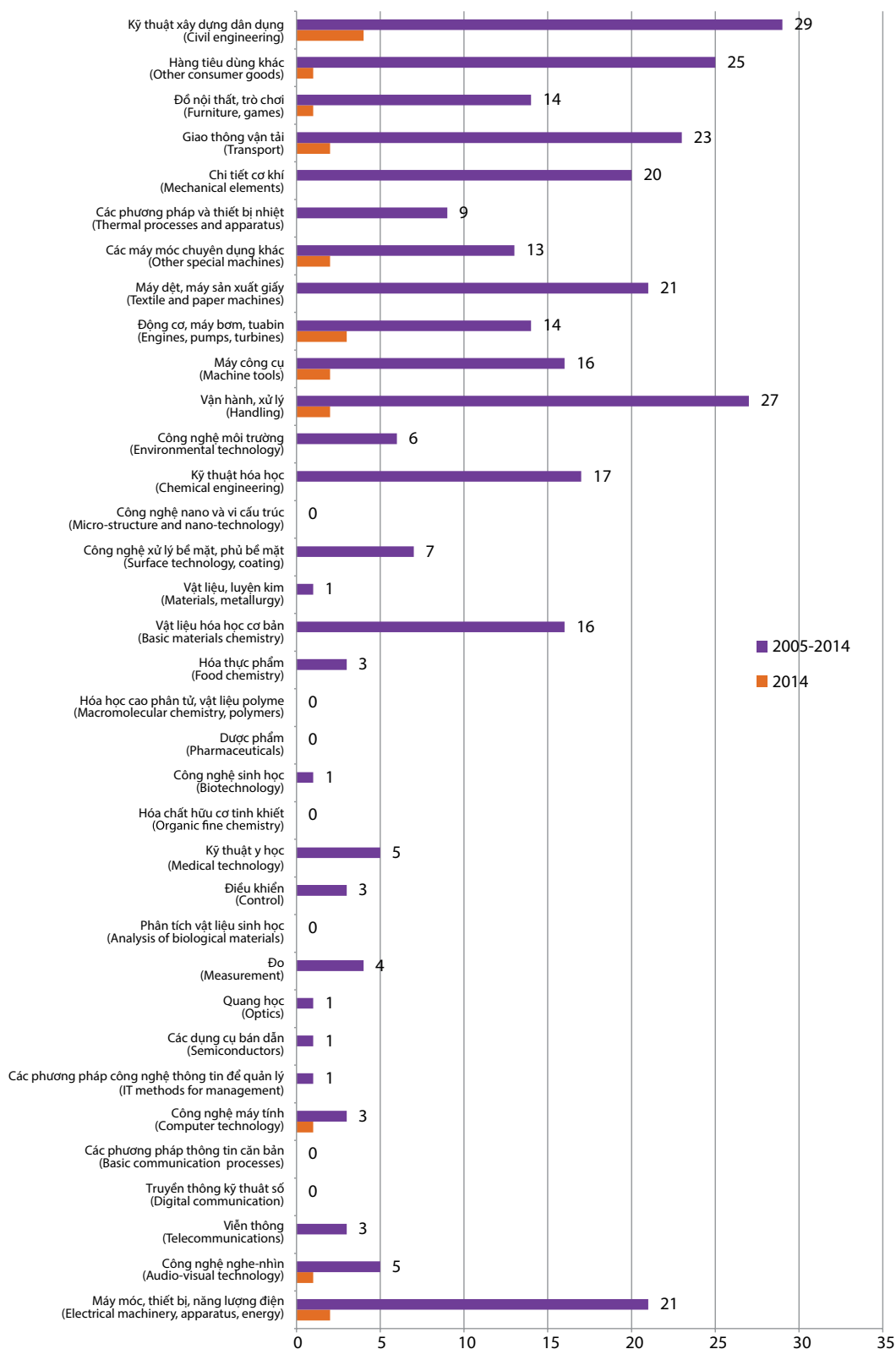
Số lượng bằng sáng chế của người nộp đơn nước ngoài của năm 2014 và tổng bằng của 10 năm (từ năm 2005- 2014) theo phân loại công nghệ
Invention patents granted to foreign applicants in 2014 and in 10 years (from 2005 to 2014) by technology classification





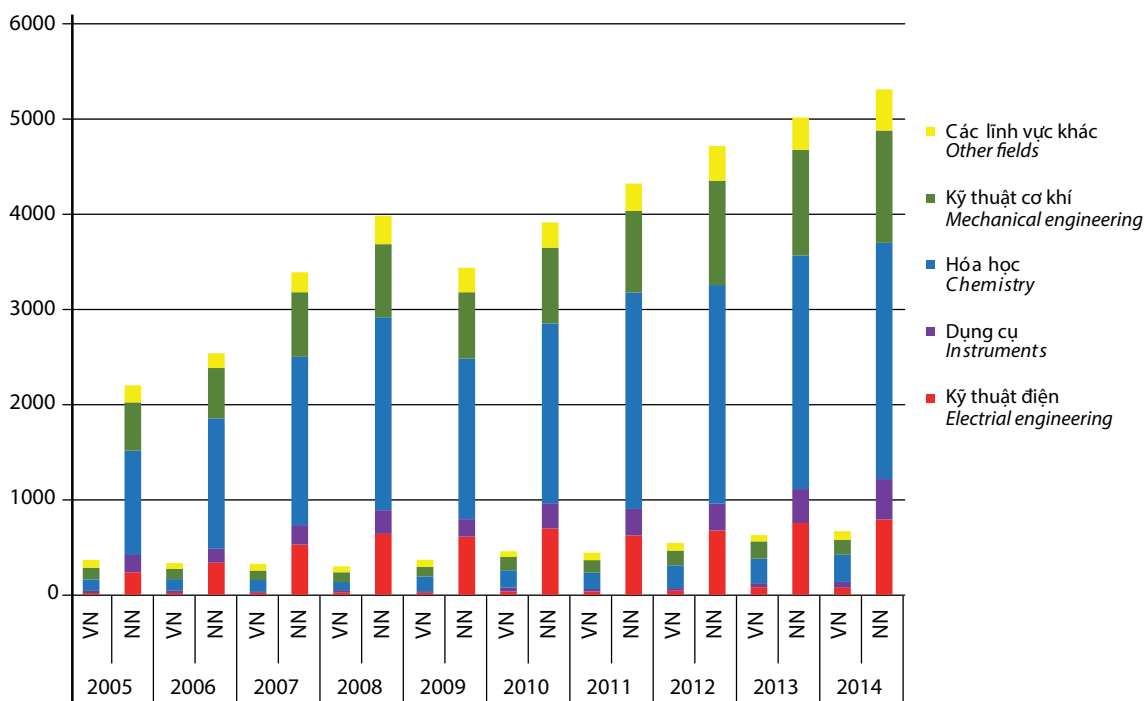
So sánh số lượng bằng giải pháp hữu ích của người nộp đơn Việt Nam của năm 2014 và tổng đơn của 10 năm (từ năm 2005- 2014) theo phân loại công nghệ
Utility solution patents granted to Vietnamese applicants in 2014 and in 10 years (from 2005 to 2014) by technology classification



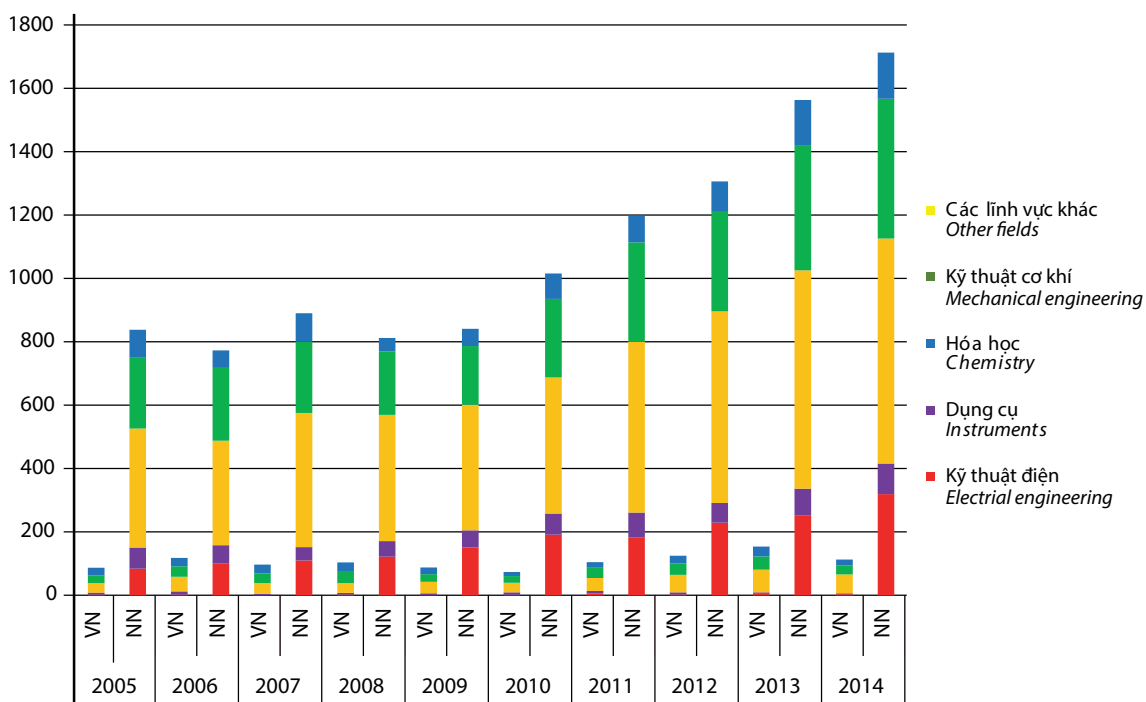


So sánh số lượng bằng giải pháp hữu ích của người nộp đơn nước ngoài của năm 2014 và tổng đơn của 10 năm (từ năm 2005- 2014) theo phân loại công nghệ
Utility solution patents granted to foreign applicants in 2014 and in 10 years (from 2005 to 2014) by technology classification





Số lượng đơn sáng chế và giải pháp hữu ích từ năm 2005 đến 2014 theo phân loại công nghệ
Invention and utility solution applications from 2005 to 2014
by technology classification



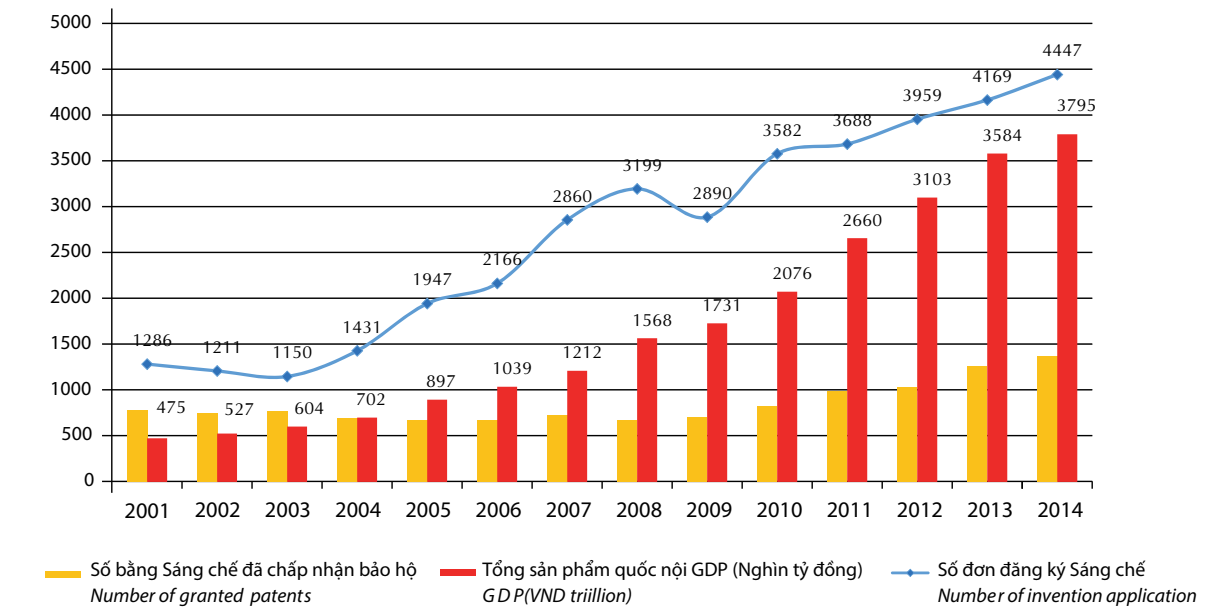
Số lượng bằng sáng chế và giải pháp hữu ích từ năm 2005 đến 2014 theo phân loại công nghệ
Invention and utility solution patents from 2005 to 2014 by technology classification



**MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA TỔNG SẢN PHẨM QUỐC NỘI (GDP)
VÀ SỐ ĐƠN, BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ GIAI ĐOẠN 2001 - 2014**
THE CORRELATION BETWEEN GDP AND INVENTION APPLICATIONS/PATENTS DURING 2001-2014

Năm Year	Số đơn đăng ký sáng chế Number of invention applications	Số bằng độc quyền sáng chế Number of patents	Tổng sản phẩm quốc nội GDP (Nghìn tỷ đồng) GDP (VND trillion)
2001	1286	783	475
2002	1211	743	527
2003	1150	774	604
2004	1431	698	702
2005	1947	668	897
2006	2166	669	1039
2007	2860	725	1212
2008	3199	666	1568
2009	2890	706	1731
2010	3582	822	2076
2011	3688	985	2660
2012	3959	1025	3103
2013	4169	1262	3584
2014	4447	1368	3795

(Nguồn GDP: Trích từ số liệu đăng trên trang web của Tổng cục Thống kê - <http://www.gso.gov.vn>)
(Source: statistics on the General Statistics Office's website - <http://www.gso.gov.vn>)



ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP ĐÃ NỘP TỪ NĂM 1988 ĐẾN 2014
INDUSTRIAL DESIGN APPLICATIONS FILED FROM 1988 TO 2014

Năm Year	Số đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp đã nộp Filed industrial design applications		
	Người nộp đơn Việt Nam by Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by Foreigners	Tổng số Total
1988	6		6
1989	52	8	60
1990	194	6	200
1991	420	2	422
1992	674	14	688
1993	896	50	946
1994	643	73	716
1995	1023	108	1131
1996	1516	131	1647
1997	999	157	1156
1998	931	126	1057
1999	899	137	1036
2000	1084	119	1203
2001	810	242	1052
2002	595	235	830
2003	447	233	680
2004	686	286	972
2005	889	446	1335
2006	1105	490	1595
2007	1338	567	1905
2008	1088	648	1736
2009	1430	469	1899
2010	1207	523	1730
2011	1200	661	1861
2012	1349	597	1946
2013	1366	763	2129
2014	1594	717	2311
Tổng số Total	24441	7808	32249

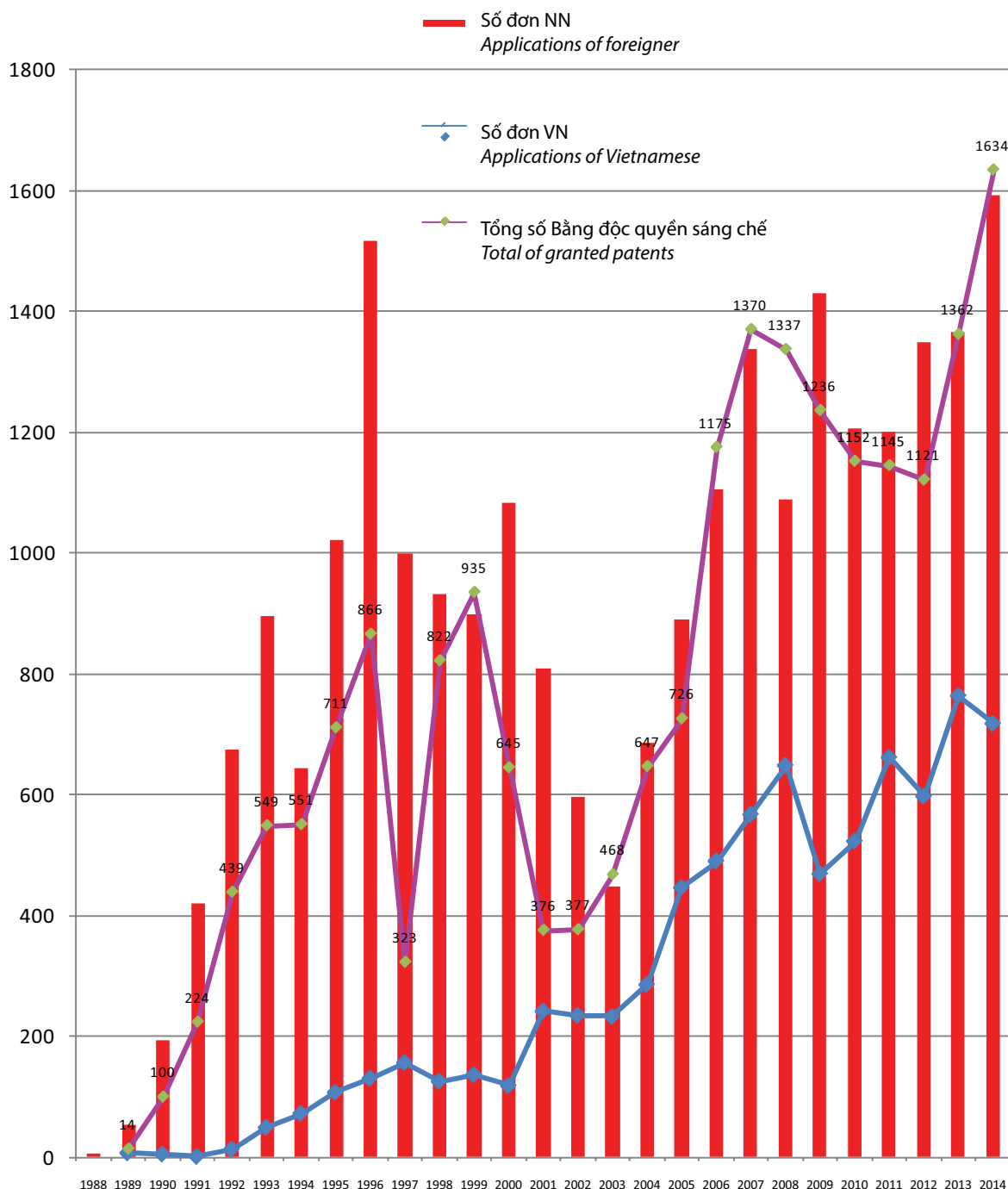




BẢNG ĐỘC QUYỀN KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP ĐÃ CẤP TỪ 1989 ĐẾN 2014
INDUSTRIAL DESIGN PATENTS GRANTED FROM 1989 TO 2014

Năm Year	Số bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp đã cấp Granted industrial design patents		
	Người nộp đơn Việt Nam to Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài to Foreigners	Tổng số Total
1989	14		14
1990	91	9	100
1991	219	5	224
1992	433	6	439
1993	528	21	549
1994	524	27	551
1995	626	85	711
1996	798	68	866
1997	261	62	323
1998	728	94	822
1999	841	94	935
2000	526	119	645
2001	333	43	376
2002	368	9	377
2003	359	109	468
2004	412	235	647
2005	508	218	726
2006	678	497	1175
2007	896	474	1370
2008	908	429	1337
2009	747	489	1236
2010	832	320	1152
2011	807	338	1145
2012	681	440	1121
2013	852	510	1362
2014	984	650	1634
Tổng số Total	14954	5351	20305





Số lượng đơn và bằng kiểu dáng công nghiệp từ năm 1988 đến 2014
Industrial design applications and granted patents from 1988 to 2014





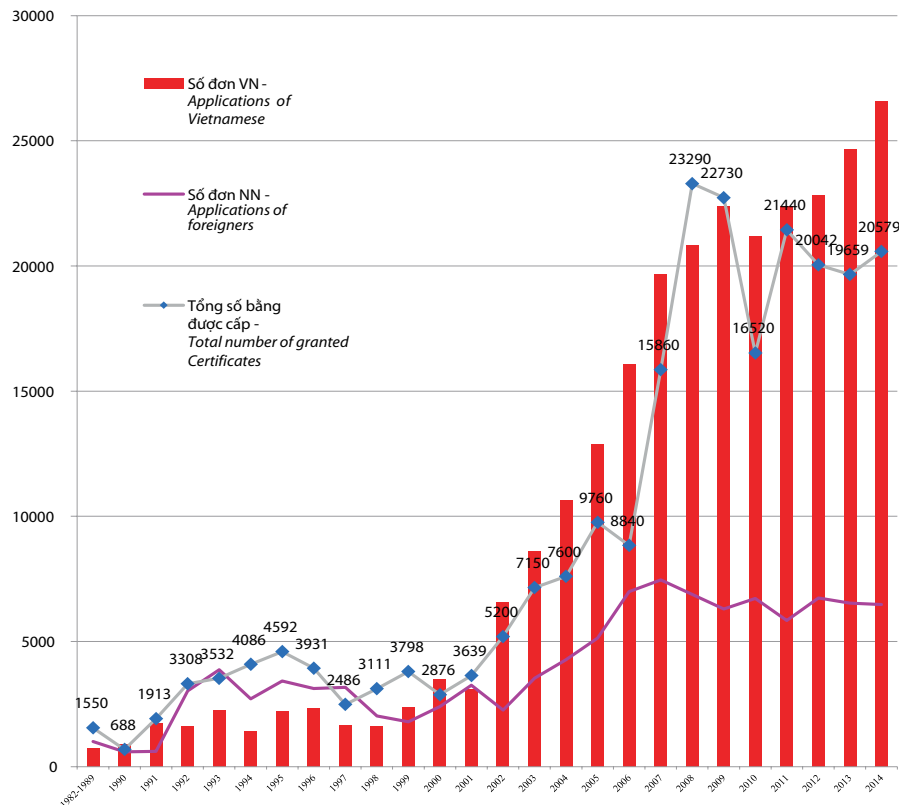
ĐƠN ĐĂNG KÝ NHÂN HIỆU QUỐC GIA ĐÃ NỘP TỪ NĂM 1982 ĐẾN 2014
NATIONAL TRADEMARK APPLICATIONS FILED FROM 1982 TO 2014

Năm Year	Đơn đăng ký nhãn hiệu quốc gia đã nộp từ năm 1982 đến 2014 National trademark applications filed from 1982 to 2014		
	Người nộp đơn Việt Nam by Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by Foreigners	Tổng số Total
1982-1988	461	773	1234
1989	255	232	487
1990	890	592	1482
1991	1747	613	2360
1992	1595	3022	4617
1993	2270	3866	6136
1994	1419	2712	4131
1995	2217	3416	5633
1996	2323	3118	5441
1997	1645	3165	4810
1998	1614	2028	3642
1999	2380	1786	4166
2000	3483	2399	5882
2001	3095	3250	6345
2002	6560	2258	8818
2003	8599	3536	12135
2004	10641	4275	14916
2005	12884	5134	18018
2006	16071	6987	23058
2007	19653	7457	27110
2008	20831	6882	27713
2009	22378	6299	28677
2010	21204	6719	27923
2011	22402	5835	28237
2012	22838	6740	29578
2013	24656	6528	31184
2014	26587	6477	33064
Tổng số Total	260698	106099	366798

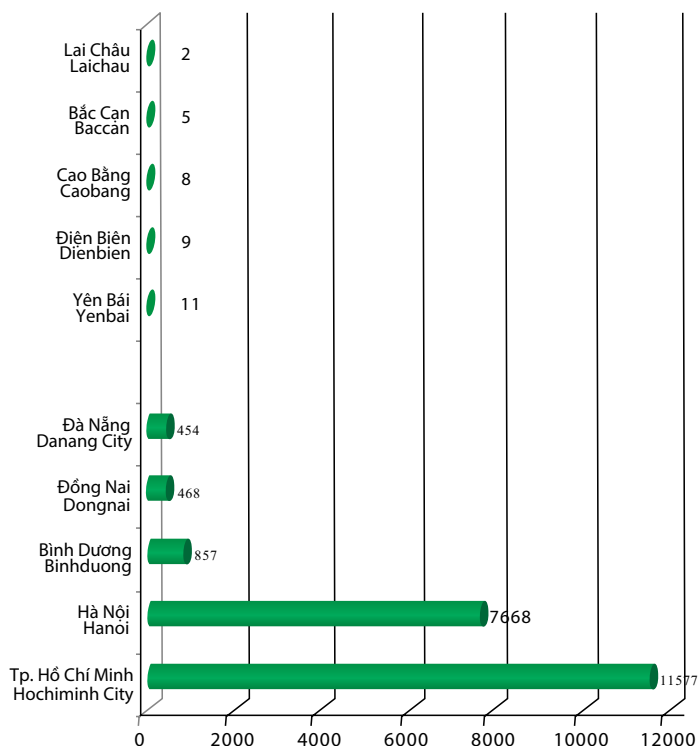


GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU ĐÃ CẤP TỪ NĂM 1982 ĐẾN 2014
TRADEMARK CERTIFICATES GRANTED FROM 1982 TO 2014

Năm Year	Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đã được cấp Granted trademark certificates		
	Người nộp đơn Việt Nam to Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài to Foreigners	Tổng số Total
1982-1989	380	1170	1550
1990	423	265	688
1991	1525	388	1913
1992	1487	1821	3308
1993	1395	2137	3532
1994	1744	2342	4086
1995	1627	2965	4592
1996	1383	2548	3931
1997	980	1506	2486
1998	1095	2016	3111
1999	1299	2499	3798
2000	1423	1453	2876
2001	2085	1554	3639
2002	3386	1814	5200
2003	4907	2243	7150
2004	5444	2156	7600
2005	6427	3333	9760
2006	6335	2505	8840
2007	10660	5200	15860
2008	15826	7464	23290
2009	16231	6499	22730
2010	12313	4207	16520
2011	15502	5938	21440
2012	14976	5066	20042
2013	14503	5156	19659
2014	15378	5201	20579
Tổng cộng Total	158736	79447	238183



Số lượng đơn đăng ký và giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu từ năm 1982 đến 2014
Trademark applications and granted trademark certificates from 1982 to 2014



Đơn đăng ký nhãn hiệu nộp nhiều nhất và ít nhất của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2014
Five top and five bottom trademark applications by Viet Nam's provinces/cities in 2014



ĐƠN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU THEO NƯỚC XUẤT XỨ (BAO GỒM ĐƠN NỘP TRỰC TIẾP CHO CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ ĐƠN NỘP THÔNG QUA VĂN PHÒNG QUỐC TẾ CỦA WIPO), TỪ NĂM 2005 ĐẾN 2014

Năm / Year	2005		2006		2007		2008		2009
Nước/Vùng lãnh thổ Country/Territory of origin	Đơn nộp trực tiếp Direct applications	Đơn nộp gián tiếp Indirect application	Đơn nộp trực tiếp Direct applications	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct applications	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct applications	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct applications
Áo (AT) Austria		34		52	4	36	2	17	1
Ôxtrâyliá (AU) Australia	64		10	10	118	64	70	88	74
Canada (CA) Canada	43		5		65		90	81	99
Thụy Sĩ (CH) Switzerland	41	268	270	424	77	446	94	295	116
Trung Quốc (CN) China	182	339	2	392	355	393	337	491	309
CH Séc (CZ) Czech Republic	1	3		25	22	26	21	20	3
CHLB Đức (DE) Germany	42	415	58	568	64	656	65	299	43
Đan Mạch (DK) Denmark	28	4		22	13	33	4	25	8
Tây Ban Nha (ES) Spain	7	57		67	12	95	4	27	3
Pháp (FR) France	118	361		463	142	506	143	359	91
Anh (GB) Great Britain	191	4	12	19	179	106	165	188	101
Ấn Độ (IN) India	604				906		993	764	858
Italia (IT) Italy	40	174	2	336	51	400	25	123	52
Nhật Bản (JP) Japan	462	30	361	38	490	129	615	649	508
Hàn Quốc (KR) Republic of Korea	597	6	31	6	1247		1045	851	1083
Malaixia (MY) Malaysia	147		1		195		192	161	238
Hà Lan (NL) Netherlands	106	89	89		150		94	135	110
Thụy Điển (SE) Sweden	20			5	13	20	11	19	11
Singapo (SG) Singapore	331	4		8	388	45	430	417	286
LB Nga (RU) Russian Federation	2	24	5	68	31	104	19	47	14
Thái Lan (TH) Thailand	225				307		241	209	241
Mỹ (US) The United States of America	1127	6	1268				1112	1156	954
Việt Nam (VN) Viet Nam	12884		16071		19653		20930		22378
Các nước khác Other countries/territories	17	1818		17					1096



TRADEMARK APPLICATIONS BY COUNTRY OF ORIGIN (INCLUDING APPLICATIONS DIRECTLY FILED WITH NOIP AND THROUGH WIPO INTERNATIONAL BUREAU) FROM 2005 TO 2014										
	2010		2011		2012		2013		2014	
Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct applications	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct applications	Đơn nộp gián tiếp Direct applications	Đơn nộp trực tiếp Direct applications	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct applications	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct applications	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications
24	1	28		58	4	35	0	23	1	31
69	84	61	71	95	63	65	100	134	76	88
	51		108	3	47	0	52	0	90	0
324	76	299	105	408	119	296	107	393	114	267
369	323	457	312	637	408	442	486	693	464	440
12	4	15	4	37	1	10	6	19	1	14
350	54	323	53	700	79	301	89	347	72	398
19	13	25	6	53	8	38	6	45	13	34
37	18	47	24	104	29	65	17	28	27	37
320	120	369	79	554	129	397	146	388	131	365
101	159	61	136	208	163	120	164	144	154	127
	870		362		453	0	252	5	310	29
128	63	161	41	337	37	194	42	189	47	180
182	622	227	720	381	937	363	955	466	910	385
47	1071	72	517	124	537	112	640	90	694	91
	174		180	3	223	0	213	0	188	0
	110		97	120	94	0	112	0	119	0
13	13	12	8	43	17	18	17	12	33	20
75	379	56	268	127	327	60	283	60	249	57
60	12	57	7	109	8	98	12	120	12	90
	188		218	1	286	0	392	0	519	0
253	1235	344	1386	585	1692	490	1222	695	1175	538
	21204		22402		22838		24656		26587	
544	1179	1622	1133	570	1079	942	1215	910	1078	1023

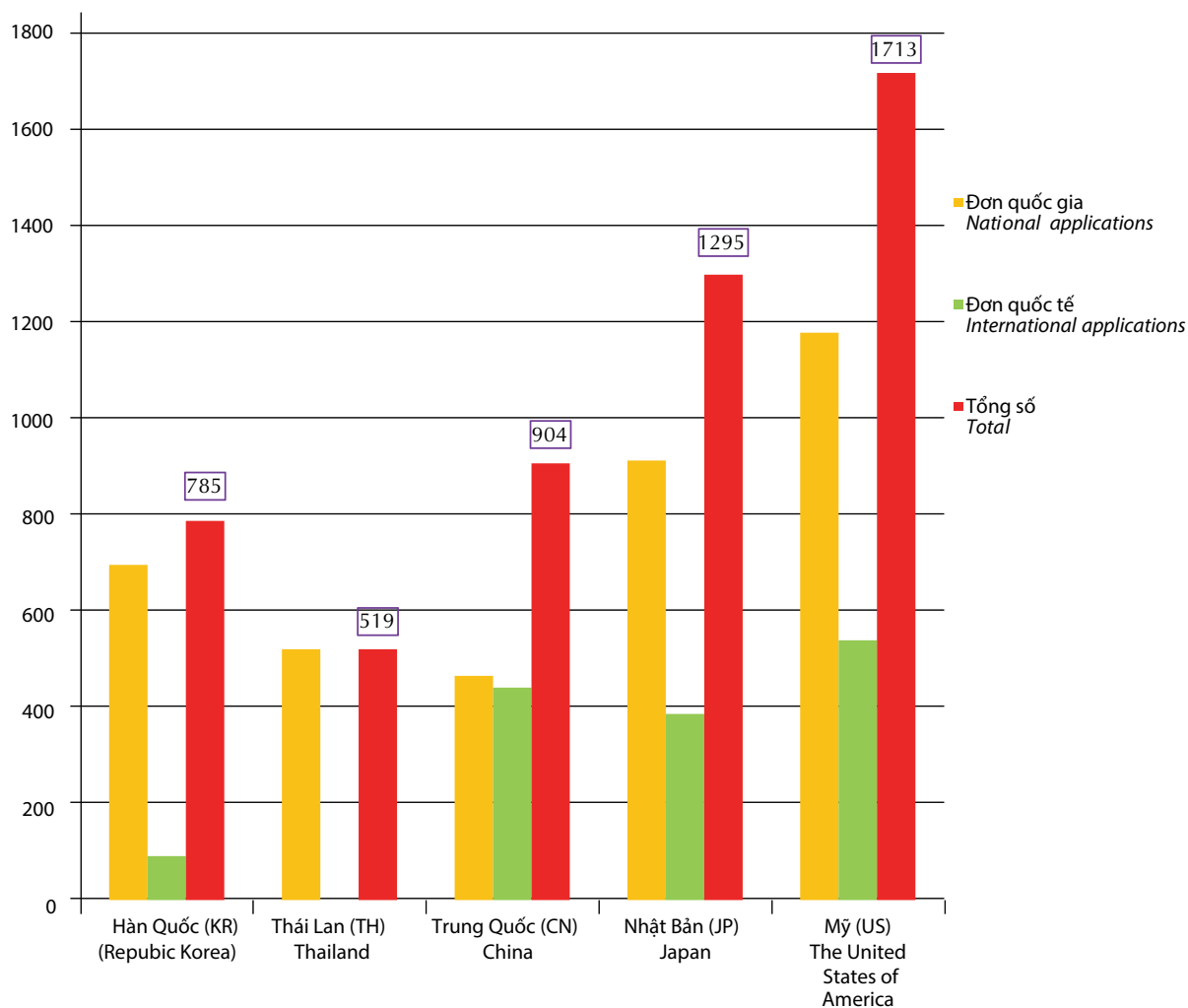
**ĐƠN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU NỘP TRỰC TIẾP CHO CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ THEO NHÓM HÀNG HOÁ/
DỊCH VỤ TỪ NĂM 2000 ĐẾN 2014**

Nhóm hàng hoá/ dịch vụ Class of goods/ services	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
01	194	177	273	343	356	397	485	706	742	804	744	907	1058	955	1178
02	77	138	251	216	321	405	351	465	382	486	365	521	507	604	697
03	410	453	536	807	836	921	1078	1301	1320	1523	1634	1654	1988	2145	2436
04	61	51	66	60	87	108	100	182	200	184	228	276	244	293	307
05	1166	1415	1629	2928	4169	5756	7759	9157	10119	9601	8302	6934	7177	6944	7333
06	146	145	202	230	346	353	440	558	586	602	758	787	883	810	856
07	155	216	300	353	452	479	565	1	650	693	792	886	927	965	953
08	67	46	41	59	103	79	106	166	154	172	178	201	236	275	281
09	528	461	617	815	1060	1193	1457	1797	1702	1645	1663	1857	1839	1956	2054
10	62	89	88	92	126	142	174	233	218	251	242	315	363	435	430
11	188	227	390	417	587	664	775	829	810	1040	1012	1162	1096	1280	1284
12	482	385	409	347	584	650	746	817	673	553	510	529	647	706	712
13	13	0	3	4	7	2	13	15	11	20	17	24	34	14	21
14	65	37	61	86	112	131	236	223	268	212	266	293	359	345	537
15	8	1	8	5	20	12	7	20	14	22	23	24	53	32	41
16	235	265	293	429	435	452	645	733	748	775	836	860	871	930	977
17	76	73	65	81	101	126	183	206	184	195	244	250	268	301	290
18	84	62	101	166	175	266	332	397	405	379	378	528	537	591	552
19	81	147	345	418	415	565	572	676	741	762	821	868	791	681	753
20	74	70	154	266	312	333	453	515	537	591	601	658	699	645	643
21	143	125	192	241	242	279	329	363	341	424	431	462	578	619	563
22	21	8	12	28	33	37	30	46	49	49	73	141	87	88	116
23	35	8	14	32	37	31	41	46	37	42	33	64	71	61	65

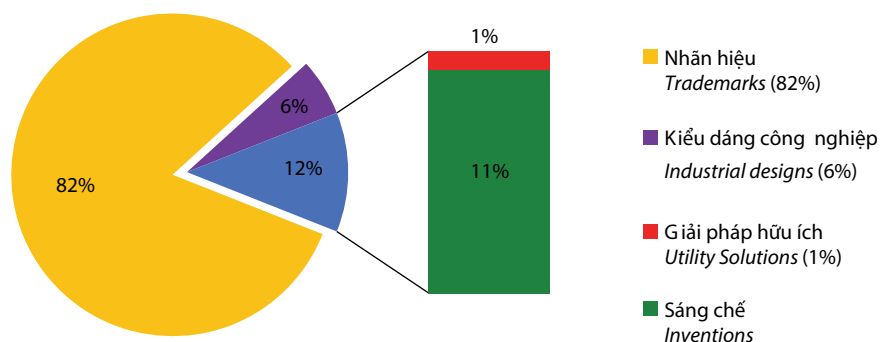
TRADEMARK APPLICATIONS DIRECTLY FILED WITH NOIP BY CLASS OF GOODS/SERVICES
FROM 2000 TO 2014

Nhóm hàng hoá/ dịch vụ Class of goods/ services	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
24	73	34	65	145	131	155	199	222	218	295	270	353	417	340	381
25	341	350	412	671	697	895	1094	1269	1223	1304	1427	1575	1800	1955	2020
26	59	11	14	18	39	58	67	75	91	71	86	106	124	130	91
27	10	7	8	8	30	24	27	38	33	58	44	76	83	77	85
28	90	80	62	129	158	192	231	203	270	229	314	357	437	394	489
29	211	335	528	557	622	650	1013	1047	878	1061	1092	1156	1419	1648	1688
30	579	627	921	1029	1263	1504	1536	1698	1446	1874	1759	1973	2337	2760	2759
31	110	162	311	366	514	370	381	428	441	475	486	645	648	837	895
32	212	255	320	446	590	714	772	847	775	803	816	834	849	984	969
33	84	54	135	134	256	252	321	387	471	411	413	424	569	625	477
34	120	127	137	120	147	118	128	158	168	108	106	154	185	205	312
35	551	623	1079	1653	2035	2262	3085	3945	4292	4595	4940	5530	5377	5698	6225
36	149	98	158	276	308	393	781	1391	1317	1163	1326	1428	956	894	791
37	136	123	216	396	462	507	768	1128	1254	1138	1538	1544	1211	979	921
38	154	58	73	67	91	163	248	356	417	332	327	437	470	323	310
39	129	139	182	280	386	502	623	975	979	934	1109	1271	1146	921	1054
40	24	27	47	152	167	227	309	397	404	468	511	532	628	484	504
41	134	108	187	295	407	572	832	1187	1353		1398	1600	1580	1651	1655
42	438	347	259	327	448	570	753	983	1089		1110	1216	1211	973	973
43			191	290	468	609	893	1307	1281		1467	1662	1768	1925	2217
44			73	99	135	212	334	449	476		567	690	714	797	806
45			8	16	42	49	85	221	278		261	306	352	321	317





Đơn đăng ký nhãn hiệu của những nước ngoài có đơn nộp nhiều nhất năm 2014
Trademark applications by top foreign countries in 2014



Tỷ lệ các loại đơn đăng ký SHCN nộp trực tiếp năm 2014
Direct applications broken down by subject matters in 2014

CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

GEOGRAPHICAL INDICATION



ĐƠN ĐĂNG KÝ VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN CHỈ DẪN ĐỊA LÝ NỘP VÀO CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ TỪ NĂM 2001-2014
GEOGRAPHICAL INDICATION APPLICATIONS FILED WITH NOIP AND CERTIFICATES GRANTED FROM 2001 TO 2014

Năm Year	Người Việt Nam by Vietnamese		Người nước ngoài by Foreigners		Tổng số Total	
	Đơn Applications	Giấy chứng nhận Certificates	Đơn Applications	Giấy chứng nhận Certificates	Đơn Applications	Giấy chứng nhận Certificates
2001	2	2	1		3	2
2002	2			1	2	1
2003	12				12	
2004	3				3	
2005	2	1			2	1
2006	4	2	1		5	2
2007	3	6	1	1	4	7
2008	7	2	1		8	2
2009	6	2			6	2
2010	7	6		1	7	7
2011	4	5	1	0	5	5
2012	7	5			7	5
2013	3	6	1	0	4	6
2014	2	5	0	1	2	6
Tổng số Total	64	32	6	4	70	46




HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO QUYỀN SỬ DỤNG THEO CHỦ THỂ
 LICENSING CONTRACTS BY HOLDERS

Số lượng đơn đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng SHCN Number of requests for registration of licensing contracts					Số lượng hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng SHCN đã được đăng ký Number of registered licensing contracts			
Các bên ký kết Contracting party Năm Year	VN-VN Vietnamese- Vietnamese	VN-NN Vietnamese- Foreigner	NN-NN Foreigner- Foreigner	Tổng số Total	VN-VN Vietnamese- Vietnamese	VN-NN Vietnamese- Foreigner	NN-NN Foreigner- Foreigner	Tổng số Total
2000	16 (18)	57 (208)	07 (31)	80 (257)	11 (14)	60 (159)	09 (32)	80 (205)
2001	11 (15)	62 (267)	11 (45)	84 (327)	15 (22)	52 (200)	12 (36)	79 (258)
2002	40 (48)	82 (312)	17 (42)	139 (402)	32 (40)	80 (335)	20 (60)	132 (435)
2003	84 (114)	75 (247)	9 (14)	167 (375)	34 (45)	60 (232)	5 (5)	99 (272)
2004	160 (215)	62 (160)	20 (92)	242 (467)	157 (222)	66 (139)	15 (84)	238 (445)
2005				177				353
2006	77 (133)	60 (211)	9 (109)	146 (453)	77 (141)	55 (373)	4 (5)	135 (519)
2007	61 (87)	65 (268)	27 (867)	153 (1222)	53 (72)	70 (300)	12 (818)	135 (1190)
2008	132 (267)	77 (441)	20 (45)	230 (723)	132 (260)	76 (477)	33 (103)	241 (840)
2009	66 (96)	59 (255)	27 (144)	152 (495)	74 (98)	65 (387)	24 (146)	163 (622)
2010	69 (169)	66 (475)	19 (99)	154 (743)	69 (147)	60 (399)	16 (71)	145 (617)
2011	84 (102)	56 (205)	30 (193)	170 (500)	64 (73)	54 (281)	25 (156)	143 (510)
2012	136 (309)	60 (320)	16 (148)	212 (777)	89 (198)	45 (169)	8 (208)	142 (575)
2013	90 (146)	93 (369)	21 (122)	204 (637)	109 (152)	46 (144)	9 (45)	164 (341)
2014	110 (257)	73 (455)	24 (104)	206 (816)	90 (188)	104 (461)	22 (166)	216 (815)

VN-VN : Chuyển giao giữa người Việt Nam-người Việt Nam

VN-NN : Chuyển giao giữa người Việt Nam-người nước ngoài

NN-NN : Chuyển giao giữa người nước ngoài-người nước ngoài

(Số trong ngoặc đơn là số lượng đối tượng SHCN được chuyển giao quyền sử dụng)

VN-VN: Licensing contract between the Vietnamese and the Vietnamese

VN-NN: Licensing contract between the Vietnamese and the foreigner

NN-NN: Licensing contract between the foreigner and the foreigner

(Figures in bracket are the numbers of licensed subject matters)



TRANSFER OF INDUSTRIAL PROPERTY RIGHT

HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO QUYỀN SỬ DỤNG THEO ĐỐI TƯỢNG LICENSING CONTRACTS BY SUBJECT MATTERS

Số lượng đơn đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng theo đối tượng SHCN Number of requests for registration of licensing contracts by subject matters					Số lượng hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng theo đối tượng đã được đăng ký Number of registered licensing contracts by subject matters			
Các đối tượng Subject matters	NH Trademark	KDCN Industrial design	SC/GPHI Invention/ utility solution	Tổng số Total	NH Trademark	KDCN Industrial design	SC/GPHI Invention/ utility solution	Tổng số Total
Năm Year								
2000	82 (254)	1 (2)	0	83 (256)	79 (258)	1 (2)	1 (1)	81 (261)
2001	84 (318)	2 (8)	0	85 (326)	75 (249)	3 (12)	0	78 (261)
2002	133 (382)	4 (10)	2 (10)	139 (402)	123 (426)	1 (4)	3 (10)	127 (567)
2003	163 (371)	3 (3)	1 (1)	167 (375)	86 (259)	4 (8)	0	90 (267)
2004	232 (442)	9 (15)	1 (10)	242 (467)	227 (429)	6 (11)	1 (10)	234 (450)
2005	135 (605)	5 (7)	2 (2)	142 (614)	169 (584)	8 (10)	1 (1)	178 (595)
2006	142 (444)	4 (9)	0	146 (453)	134 (516)	2 (3)	0	136 (519)
2007	150 (1219)	3 (3)	0	153(1222)	129 (1179)	6 (11)	0	135 (1190)
2008	221 (642)	5 (51)	3 (16)	229 (709)	237 (830)	2 (8)	3 (16)	242 (854)
2009	160 (619)	0 (0)	3 (3)	163 (622)	150 (493)	0 (0)	2 (2)	152 (495)
2010	149 (735)	2 (4)	3 (4)	154 (743)	140 (607)	3 (7)	2 (3)	145 (617)
2011	165 (495)	0 (0)	5 (5)	170 (500)	138 (504)	1 (2)	4 (4)	143 (510)
2012	210 (775)	1 (1)	1 (1)	212 (777)	139 (573)	1 (1)	1 (1)	142 (575)
2013	195 (608)	1 (1)	8 (28)	204 (637)	159 (336)	1 (1)	4 (4)	164 (341)
2014	201 (808)	3 (4)	2 (4)	206 (816)	210 (796)	1(1)	5(18)	216 (815)

(Số trong ngoặc đơn là số lượng đối tượng SHCN được chuyển giao quyền sử dụng)
(Figures in blanket are the numbers of licensed subject matters)



HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỞ HỮU THEO CHỦ THỂ

ASSIGNMENT CONTRACTS BY HOLDERS

Số lượng đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng SHCN Number of requests for registration of assignment contracts					Số lượng hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng SHCN đã được đăng ký Number of registered assignment contracts			
Các bên ký kết Contracting party Năm Year	VN-VN Vietnamese- Vietnamese	VN-NN Vietnamese- Foreigner	NN-NN Foreigner- Foreigner	Tổng số Total	VN-VN Vietnamese- Vietnamese	VN-NN Vietnamese- Foreigner	NN-NN Foreigner- Foreigner	Tổng số Total
2006	97 (189)	12 (42)	114 (308)	223 (539)	37 (84)	7 (15)	34 (107)	78 (206)
2007	287 (826)	29 (87)	208 (522)	524 (1435)	237 (670)	18 (38)	199 (461)	454 (1169)
2008	315 (751)	27 (52)	229 (574)	571 (1377)	270 (609)	36 (111)	232 (589)	538 (1309)
2009	370 (866)	50 (185)	288 (752)	708 (1803)	604 (1714)	24 (44)	20 (43)	648 (1801)
2010	369 (790)	67 (169)	214 (590)	650 (1549)	304 (696)	69 (214)	203 (505)	576 (1415)
2011	456 (958)	29 (141)	225 (848)	710 (1947)	325 (693)	37 (153)	179 (820)	541 (1666)
2012	477 (1156)	57 (288)	258 (899)	792 (2343)	357 (700)	31 (87)	206 (908)	594 (1695)
2013	513 (1214)	57 (169)	294 (690)	864 (2073)	423 (912)	60 (189)	220 (558)	703 (1659)
2014	540 (1123)	48 (172)	348 (806)	935 (2101)	456 (1116)	53 (303)	334 (802)	843 (2221)

(Số trong ngoặc đơn là số lượng đối tượng SHCN được chuyển nhượng quyền sở hữu)
(Figures in blanket are the numbers of assigned subject matters)



HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỞ HỮU THEO ĐỐI TƯỢNG
ASSIGNMENT CONTRACTS BY SUBJECT MATTERS

Số lượng đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng SHCN Number of requests for registration of assignment contracts					Số lượng hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng SHCN đã được đăng ký Number of registered assignment contracts			
Các đối tượng Subject matters Năm Year	NH Trademark	KDCN Industrial design	SC/GPHI Invention/ utility solution	Tổng số Total	NH Trademark	KDCN Industrial design	SC/GPHI Invention/ utility solution	Tổng số Total
2006	210 (518)	3 (3)	10 (18)	223 (539)	358 (757)	8 (10)	17 (24)	383 (791)
2007	493 (1329)	16 (90)	15 (16)	524 (1435)	423 (1089)	9 (55)	22 (25)	454 (1169)
2008	524 (1300)	16 (21)	31 (56)	571 (1377)	495 (1212)	15 (44)	28 (53)	538 (1309)
2009	602 (1813)	23 (46)	23 (50)	648 (1909)	604 (1714)	24 (44)	20 (43)	648 (1801)
2010	600 (1467)	22 (39)	28 (43)	649 (1549)	532 (1336)	19 (37)	25 (42)	576 (1415)
2011	656 (1817)	25 (78)	29 (52)	710 (1947)	502 (1587)	21 (56)	18 (23)	541 (1666)
2012	734 (2209)	15 (53)	43 (81)	792 (2343)	550 (1609)	16 (35)	28 (51)	594 (1695)
2013	784 (1943)	22 (45)	58 (85)	864 (2073)	639 (1500)	22 (82)	42 (77)	703 (1659)
2014	859 (1965)	17 (42)	59 (94)	935 (2101)	766 (2093)	10 (26)	67 (102)	843 (2221)

(Số trong ngoặc đơn là số lượng đối tượng SHCN được chuyển nhượng quyền sở hữu)
(Figures in bracket are the numbers of assigned subject matters)

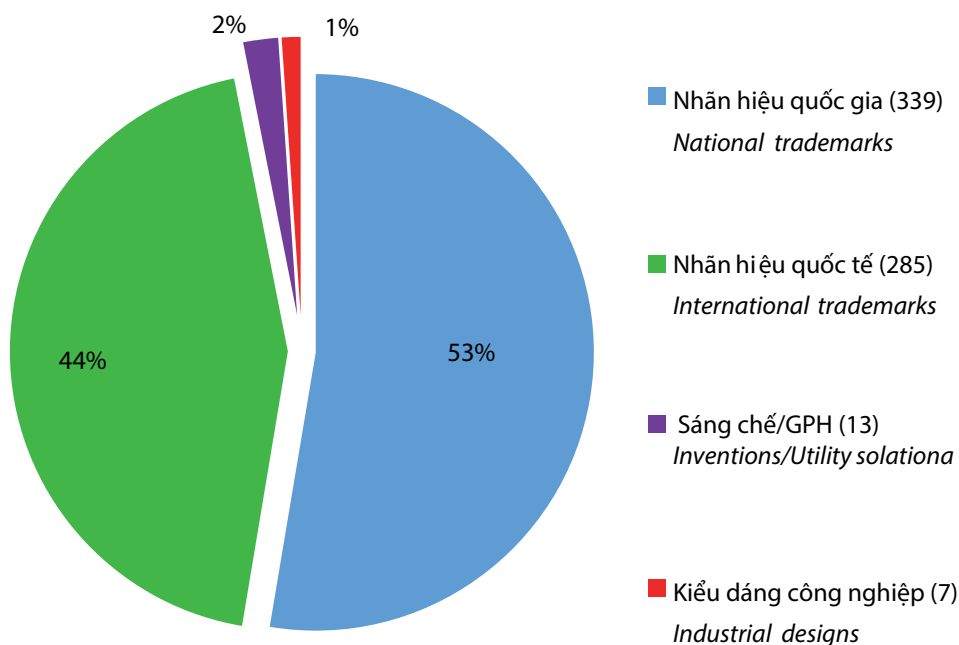
GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SETTLEMENT OF INDUSTRIAL PROPERTY APPEALS



ĐƠN KHIẾU NẠI VỀ VIỆC CẤP VĂN BẰNG BẢO HỘ (*) APPEALS AGAINST GRANTING PROTECTION TITLES (*)

Năm Year																
Đối tượng SHCN IP subject matter	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	
SC & GPHI Invention and Utility Solution	1			4	2		11	7	10	15	16	22	43	36	47	
KDCN Industrial Design	4	7	68	46	32	7	12	10	3	13	11	11	22	17	23	
NH Trademark	327	341	564	376	395	428	367	363	409	882	884	1172	1288	1311	1292	
Tổng số Total	332	348	632	426	429	435	390	380	422	910	911	1205	1353	1364	1362	

* Chỉ tính số liệu đơn khiếu nại nộp tại Cục Sở hữu trí tuệ
The number of requests filed with NOIP only



Tỷ lệ giải quyết đơn khiếu nại năm 2014
Appeal requests settled in 2014 by subject matters



Chịu trách nhiệm xuất bản: PHẠM NGỌC KHÔI
Biên tập và sửa bản in: Nguyễn Kim Dung
Thiết kế bìa: Bùi Thị Lan

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

70 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: P. KH-TH: 04 3942 3172; TT. Phát hành: 04 3822 0686;
Ban Biên tập: 04 3942 1132 – 04 3942 3171
FAX: 04 3822 0658 - Website: <http://www.nxbkhkt.com.vn>
Email: nxbkhkt@hn.vnn.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

28 Đồng Khởi – Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh. ĐT: 08 3822 5062

In 2.000 cuốn khổ 21 × 29,7 cm tại
Công ty TNHH MTV in Tiến Bộ. Địa chỉ: 175 Nguyễn Thái Học, Hà Nội.
Số đăng ký xuất bản: 831-2015/CXBIPH/1-26/KHKT. ISBN: 978-604-67-0507-9.
Số quyết định xuất bản: 29/QĐXB-NXBKHKT, ngày 20 tháng 4 năm 2015.
In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2015.

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ (NOIP)

ĐC: 384-386 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: (04) 3858 3069, (04) 3858 3425,
(04) 3858 3793, (04) 3858 5156

Fax: (04) 3858 8449, (04) 3858 4002

Website: <http://www.noip.gov.vn>

**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

ĐC: 8A/1 Nguyễn Cảnh Chân, phường Nguyễn Cư Trinh,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tel: (08) 3920 8483, (08) 3920 8485

Fax: (08) 3920 8486

**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

ĐC: 26 đường Nguyễn Chí Thanh,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Tel: (0511) 388 9955

Fax: (0511) 388 9977

**NATIONAL OFFICE OF INTELLECTUAL
PROPERTY OF VIET NAM**

Add: 384-386 Nguyen Trai str., Thanh Xuan dist.,
Ha Noi city, Viet Nam

Tel: (+844) 3858 3069, (+844) 3858 3425,
(+844) 3858 3793, (+844) 3858 5156

Fax: (+844) 3858 8449, (+844) 3858 4002

Website: <http://www.noip.gov.vn>

**THE NOIP'S BRANCH OFFICE
IN HO CHI MINH CITY**

Add: 8a/1 Nguyen Canh Chan str., Nguyen Cu Trinh ward,
Dist 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Tel: (+848) 3920 8483, (+848) 3920 8485

Fax: (+848) 3920 8486

**THE NOIP'S BRANCH OFFICE
IN DA NANG CITY**

Add: 26 Nguyen Chi Thanh str.,
Da Nang city, Viet Nam

Tel: (+84511) 388 9955

Fax: (+84511) 388 9977



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**
Hoạt động Sở hữu Trí tuệ
2014

INTELLECTUAL PROPERTY ACTIVITIES ANNUAL REPORT

215041H00

978-604-67-0507-9



SÁCH KHÔNG BÁN

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

**MINISTRY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
NATIONAL OFFICE OF INTELLECTUAL PROPERTY OF VIET NAM**